



NÂNG TẦM HỢP TÁC

Chia sẻ thành công



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2023

MỤC LỤC



1

GIỚI THIỆU TỔNG CÔNG TY

- 12 Thông tin chung
- 18 Định hướng, mục tiêu chiến lược trung và dài hạn
- 20 Mô hình quản trị và bộ máy quản lý
- 24 Giới thiệu Ban lãnh đạo Tổng công ty

2

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2023 VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- 30 Bối cảnh thị trường phân bón - hóa chất năm 2023
- 32 Chuỗi giá trị PVFCCo - Kết quả hoạt động 2023
- 34 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 38 Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
- 40 Tình hình tài chính của Tổng công ty
- 41 Báo cáo, đánh giá của Ban Tổng giám đốc

3

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

- 46 Tổng quan
- 46 Những kết quả đạt được
- 47 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc
- 47 Đánh giá về trách nhiệm môi trường và xã hội của Tổng công ty
- 48 Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị năm 2024

4

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 52 Tổ chức và nhân sự
- 56 Thông tin về cổ phần, cơ cấu cổ đông
- 58 Báo cáo hoạt động quản trị công ty
- 69 Báo cáo hoạt động quan hệ nhà đầu tư
- 70 Báo cáo nhận diện và công tác quản trị rủi ro
- 76 Báo cáo các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích khác của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

5

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

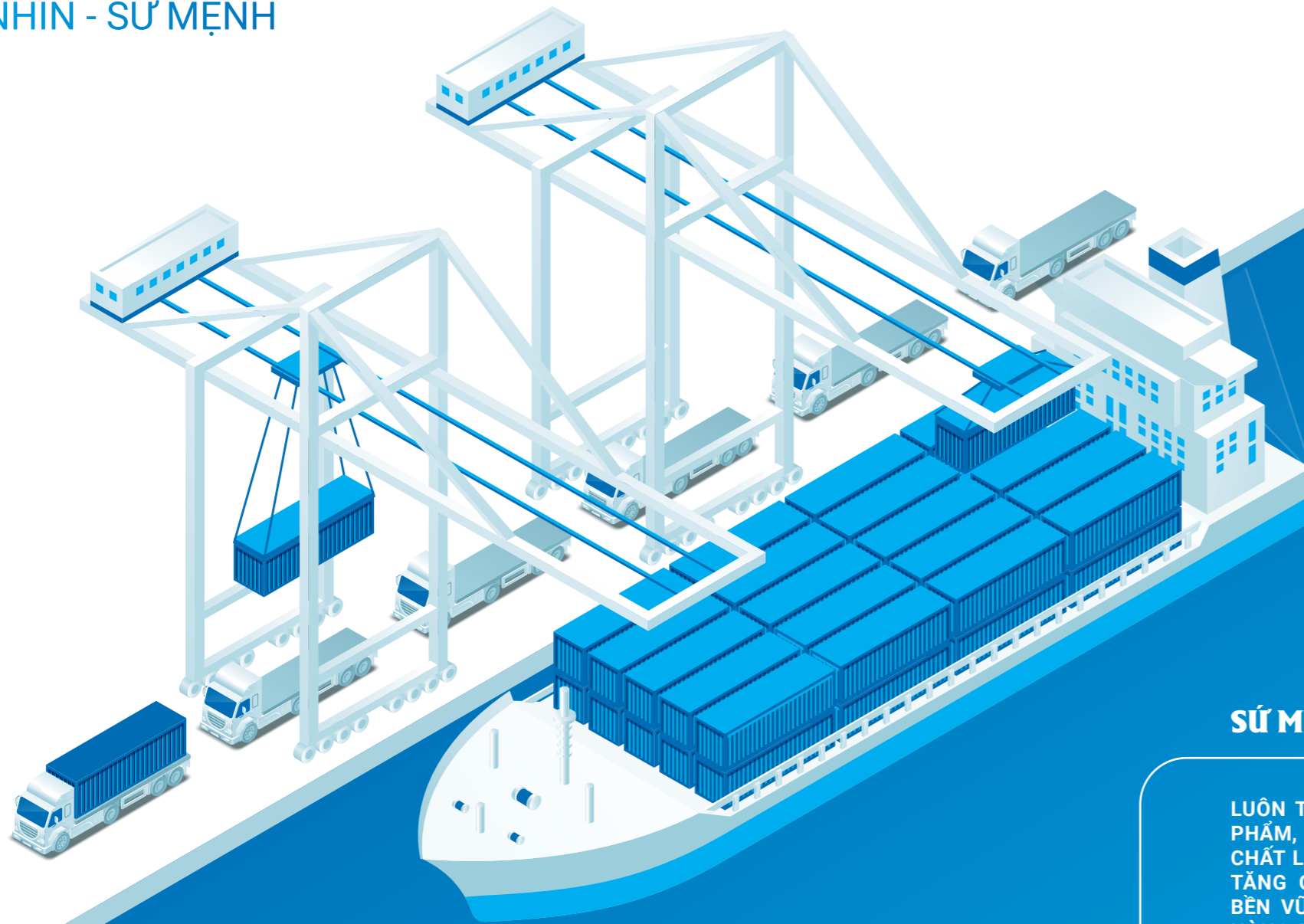
- 82 Thông điệp của Tổng giám đốc về phát triển bền vững
- 84 Tổng quan báo cáo phát triển bền vững
- 86 Mô hình hoạt động kiến tạo giá trị của PVFCCo
- 89 Định hướng phát triển bền vững
- 90 Sự gắn kết với các bên liên quan
- 92 Các hoạt động phát triển bền vững của PVFCCo năm 2023

6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 109 Báo cáo của Ban Tổng giám đốc
- 111 Báo cáo kiểm toán độc lập
- 112 Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- 114 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- 115 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- 116 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

TẦM NHÌN - SỨ MỆNH



TẦM NHÌN

PHÁT TRIỂN THÀNH DOANH NGHIỆP CÔNG NGHIỆP VÀ HÓA CHẤT TOÀN CẦU, TẠO NÊN CHUỖI GIÁ TRỊ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG.

SỨ MỆNH

LUÔN TẠO RA CÁC SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÓ CHẤT LƯỢNG NHẪM GIA TĂNG GIÁ TRỊ, LỢI ÍCH BỀN VỮNG CHO KHÁCH HÀNG, ĐỐI TÁC, CỔ ĐÔNG VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG.



THÔNG ĐIỆP LÃNH ĐẠO

Kính gửi Quý cổ đông!

Thay mặt tập thể Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP (PVFCCo), tôi rất hân hạnh được chia sẻ với Quý cổ đông và đối tác bản Báo cáo thường niên năm 2023!

Bản báo cáo sẽ cung cấp bức tranh tổng quan về hoạt động của PVFCCo trong năm 2023, những kết quả nổi bật đạt được, đánh giá và tổng hợp cả về khía cạnh tài chính và các khía cạnh khác.

Trong năm 2023, tình hình chung của nền kinh tế và nói riêng về thị trường phân bón, thế giới tiếp tục chịu ảnh hưởng tiêu cực nhiều hơn tích cực, từ biến động địa chính trị đến sự thay đổi chính sách xuất khẩu của một số quốc gia/thị trường quan trọng về phân bón, nổi bật là kéo theo tình trạng dư cung và giá bán giảm nhanh chóng so với mức nền đỉnh cao thiết lập trong năm 2022. Ngoài các yếu tố tác động từ thị trường quốc tế, thị trường phân bón trong nước còn chịu ảnh hưởng từ chính sách thuế GTGT bất lợi, chi phí đầu vào tăng cao, sự cạnh tranh khốc liệt giữa các nhà sản xuất.

Với PVFCCo, Tổng công ty bước vào năm 2023 với niềm tự hào về thành quả tích lũy từ quá trình 20 năm phát triển, nhưng cũng đối mặt với khó khăn và bất lợi từ nhiều hướng. Với nỗ lực tối đa trong quản trị, điều hành sản xuất kinh doanh, chủ động đưa ra các giải pháp gia tăng sản lượng bán hàng, tiết giảm chi phí ở tất cả các khâu từ sản xuất đến tiêu thụ và ổn định hệ thống hoạt động, PVFCCo đã vượt qua được những biến động khách quan và nội tại, duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định và đạt được những kết quả tích cực. Theo đó, hoạt động sản xuất và tiêu thụ đã cơ bản hoàn thành kế hoạch đề ra. Mặc dù đã nỗ lực gia tăng sản lượng bán hàng và tiết giảm chi phí tối đa, tuy nhiên doanh thu bán hàng và lợi nhuận vẫn chịu ảnh hưởng từ tình hình thị trường và kết thúc năm tài chính 2023 và so với kế hoạch năm đã được điều chỉnh, Tổng công ty hoàn thành 107% kế hoạch năm và giảm 26% so với năm 2022. Lợi nhuận trước thuế hoàn thành 113% kế hoạch năm và giảm 90% so với năm 2022.



VỚI NỖ LỰC TỐI ĐA TRONG QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH SẢN XUẤT KINH DOANH, CHỦ ĐỘNG ĐƯA RA CÁC GIẢI PHÁP GIA TĂNG SẢN LƯỢNG BÁN HÀNG, TIẾT GIẢM CHI PHÍ Ở TẤT CẢ CÁC KHẤU TỪ SẢN XUẤT ĐẾN TIÊU THỤ VÀ ỔN ĐỊNH HỆ THỐNG HOẠT ĐỘNG, PVFCCo ĐÃ VƯỢT QUA ĐƯỢC NHỮNG BIẾN ĐỘNG KHÁCH QUAN VÀ NỘI TẠI, DUY TRÌ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH ỔN ĐỊNH VÀ ĐẠT ĐƯỢC NHỮNG KẾT QUẢ TÍCH CỰC.



THÔNG ĐIỆP LÃNH ĐẠO (tiếp theo)



Tổng doanh thu đạt trên

14.000 tỷ đồng

hoàn thành **107%** kế hoạch năm



Lợi nhuận trước thuế đạt

691 tỷ đồng

hoàn thành **113%** kế hoạch năm



Với kết quả trọng yếu đạt được, Tổng công ty tiếp tục khẳng định uy tín và thương hiệu, được thị trường và các cơ quan quản lý ghi nhận với nhiều danh hiệu và giải thưởng uy tín. Đây là động lực để tập thể PVFCCo không ngừng nỗ lực cố gắng, đoàn kết và đồng lòng, phát huy hiệu quả những giá trị và nền tảng tích lũy, sớm vượt qua khó khăn trong ngắn hạn để tiếp tục lớn mạnh trong giai đoạn phát triển mới.

Trong thời gian tới, mặc dù vẫn còn nhiều việc phải làm, nhiều vấn đề phải giải quyết dứt điểm, tôi tin rằng thời điểm/giai đoạn khó khăn nhất đối với PVFCCo đã qua. Bước vào năm 2024, tập thể Ban lãnh đạo và cán bộ nhân viên PVFCCo đã thống nhất đặt ra các nhiệm vụ và mục tiêu chính là: vận hành các nhà máy sản xuất an toàn, ổn định và đảm bảo chất lượng sản phẩm; kinh doanh hiệu quả các sản phẩm phân bón, hóa chất với nỗ lực tăng cường quản lý chi phí, hạ giá thành sản phẩm; gia tăng thị phần và ứng dụng mạnh mẽ các giải pháp về công nghệ - chuyển số trong công tác bán hàng, tích cực triển khai nghiên cứu phát triển sản phẩm mới; tăng cường quản trị tài chính, quản trị rủi ro nhằm đảm bảo tình hình tài chính lành mạnh và nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản hiện có, chuẩn bị các nguồn lực để triển khai các dự án đầu tư mới. Đây là các nhóm nhiệm vụ "xương sống" giúp Tổng công ty hình thành và hiện thực hóa các mục tiêu phát triển bền vững, tiếp tục cải thiện hiệu quả các chỉ tiêu kế hoạch, đem lại nhiều hơn nữa các lợi ích dài hạn cho cổ đông, đối tác và người lao động.

Thay mặt tập thể PVFCCo, tôi trân trọng cảm ơn sự đồng hành và tin tưởng của Quý cổ đông và đối tác trong giai đoạn vừa qua, đồng thời bày tỏ lòng tri ân các thế hệ lãnh đạo và nhân viên PVFCCo về sự cố gắng lớn lao trong suốt 20 năm qua. Cũng như mọi thành viên của đại gia đình PVFCCo, tôi mong chờ được cùng tiến bước và tiếp nối hành trình phát triển mới. Trong bối cảnh mới ở một thế giới mà chúng ta ngày càng chứng kiến nhiều biến động và đổi thay, sự đồng lòng, vững tâm vào tương lai cũng như vào chính mình sẽ là điều quan trọng, cần thiết. Tôi mong và tin rằng cổ đông, nhà đầu tư, người lao động và tập thể cán bộ PVFCCo sẽ cùng nhất quán phương châm **Nâng tầm hợp tác - Chia sẻ thành công** về mục tiêu chinh phục mọi thử thách trên con đường phát triển hướng tới Tâm nhìn và Sứ mệnh của Tổng công ty.

TM. Ban lãnh đạo,
Chủ tịch Hội đồng quản trị

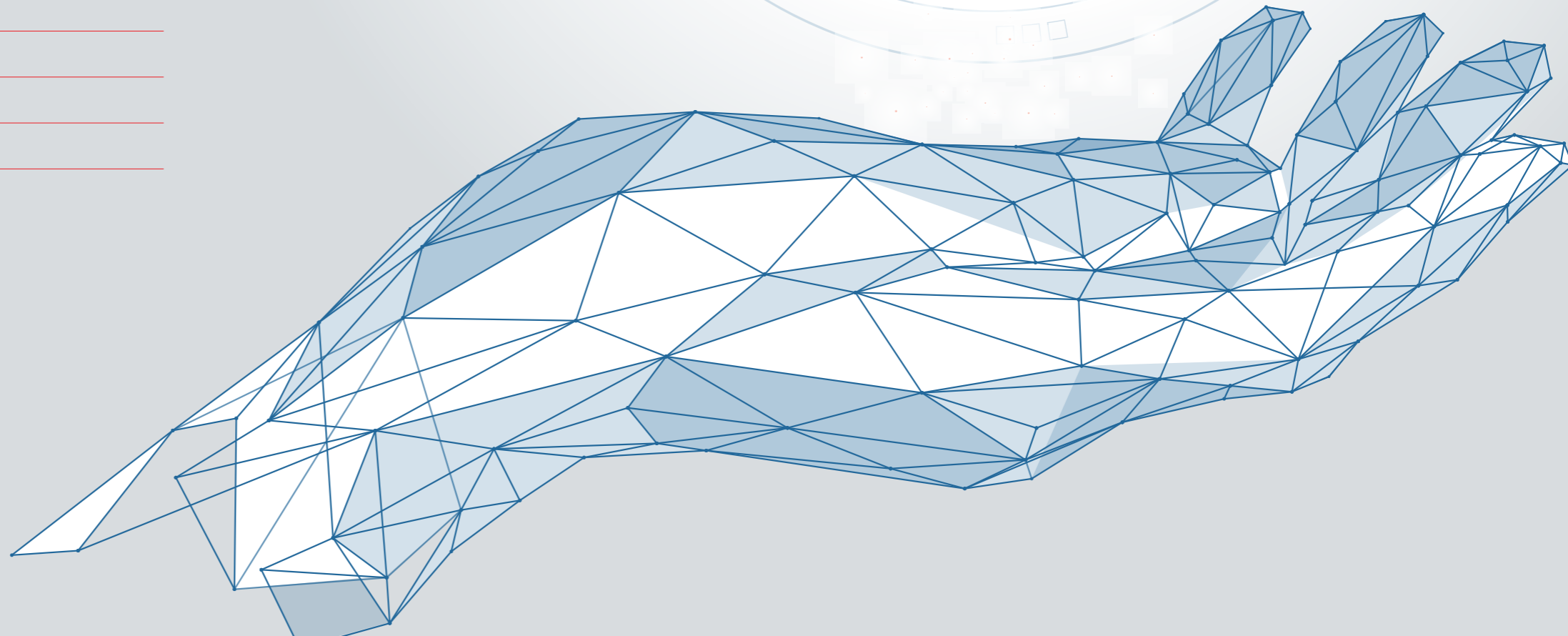
Nguyễn Xuân Hòa

Chương 1

GIỚI THIỆU TỔNG CÔNG TY

NỀN TẢNG VỮNG CHẮC HƯỚNG ĐẾN TƯƠNG LAI

- 12 Thông tin chung
- 18 Định hướng, mục tiêu chiến lược trung và dài hạn
- 20 Mô hình quản trị và bộ máy quản lý
- 24 Giới thiệu Ban lãnh đạo Tổng công ty



THÔNG TIN CHUNG

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch:	Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:	0303165480
Vốn điều lệ:	3.914.000.000.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:	3.914.000.000.000 đồng
Địa chỉ:	43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Số điện thoại:	(+84.28) 3825 6258
Số fax:	(+84.28) 3825 6269
Website:	www.dpm.vn
Mã cổ phiếu:	DPM

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



- Công ty Phân đạm và Hóa chất Dầu khí (nay là Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP) được thành lập theo Quyết định số 02/2003/QĐ-VPCP ngày 28/03/2003 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ.



- Ngày 21/04/2007, Công ty đã thực hiện chào bán 40% cổ phần ra công chúng tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán TP. HCM. Ngày 31/08/2007, Sở Kế hoạch Đầu tư TP. HCM đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký số 4103007696 và Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí chính thức đi vào hoạt động.



- Công ty đã hoàn tất các thủ tục và ngày 05/11/2007, Công ty đã chính thức niêm yết 380 triệu cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM (HoSE). Công ty niêm yết bổ sung 11,4 triệu cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) vào ngày 26/02/2016.



- Ngày 15/05/2008, Sở Kế hoạch Đầu tư TP. HCM đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký sửa đổi số 4103007696 cho Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – Công ty Cổ phần hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con.



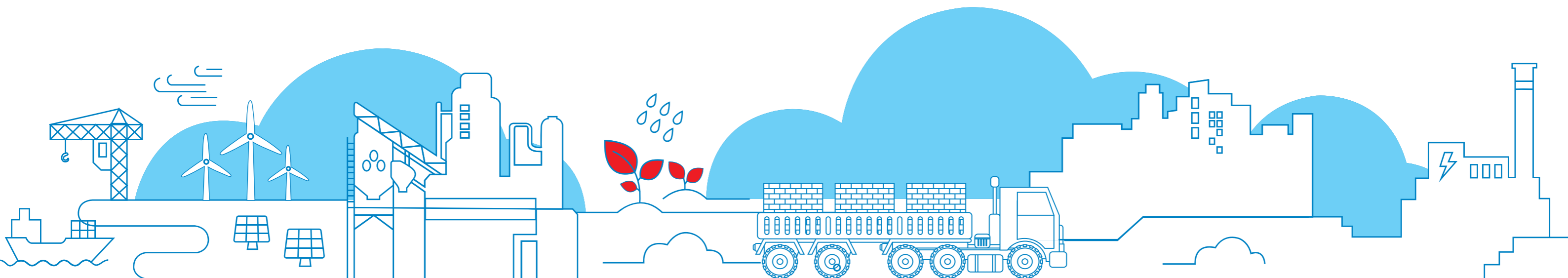
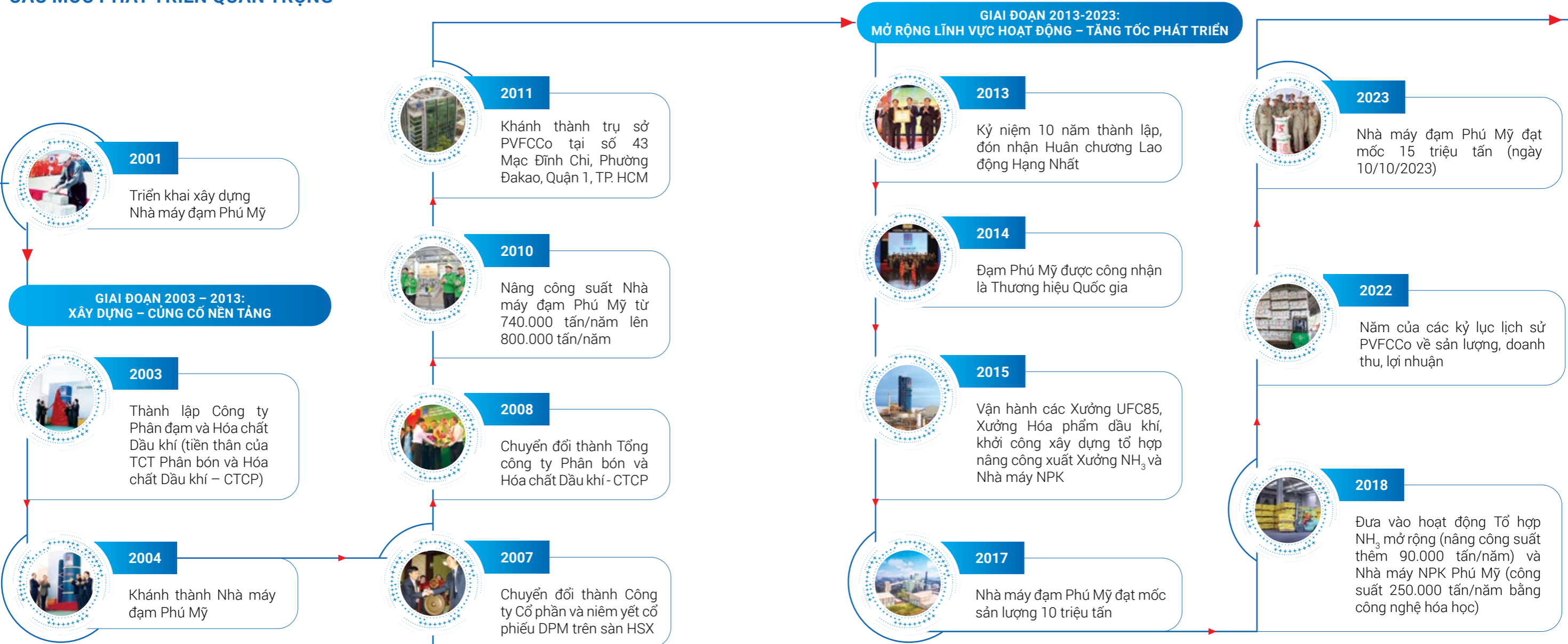
Vốn điều lệ:

3.914.000.000.000 đồng



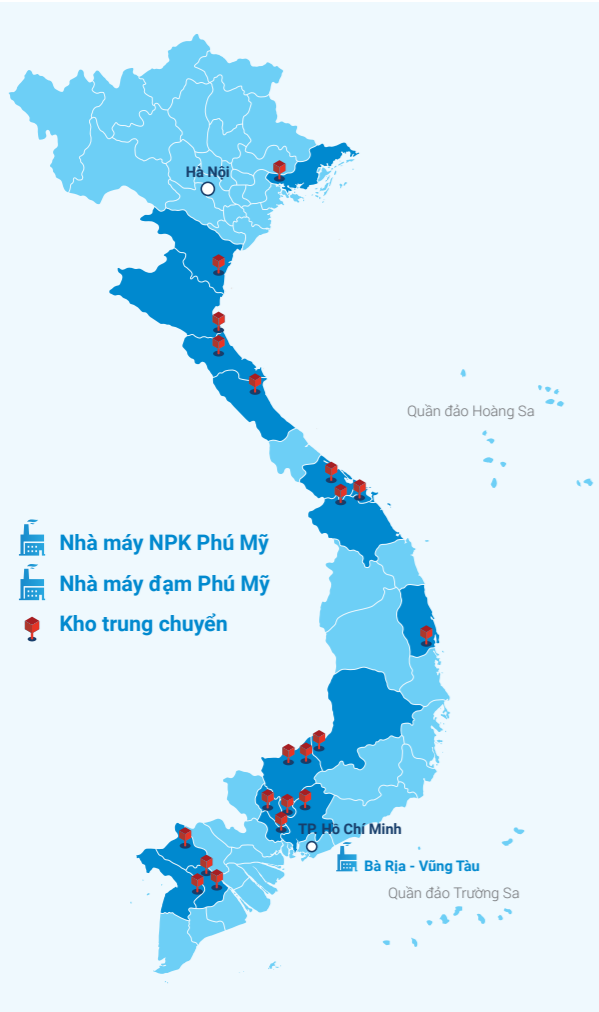
THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

CÁC MỐC PHÁT TRIỂN QUAN TRỌNG



THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH



Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Tổng công ty là sản xuất, kinh doanh phân bón và hóa chất. Hiện nay sản phẩm chủ lực của Tổng công ty là phân đạm (urê) hạt trong, phân NPK, Kali, SA, DAP phục vụ cho nền nông nghiệp của đất nước, khí Amoniac lỏng, hóa chất UFC85/Formaldehyde, CO₂, hóa chất sử dụng trong hoạt động khai thác dầu khí.

Địa bàn kinh doanh chính

Hoạt động sản xuất chính của Tổng công ty tiến hành tại Nhà máy đạm Phú Mỹ, đơn vị trực thuộc Tổng công ty, đặt tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Hoạt động kinh doanh phân bón của Tổng công ty trải rộng khắp các vùng canh tác nông nghiệp và cây công nghiệp trên khắp lãnh thổ Việt Nam thông qua hệ thống tiêu thụ sản phẩm hình thành từ các công ty con đóng trụ sở chính tại các khu vực: miền Bắc, miền Trung và Tây Nguyên, miền Đông Nam Bộ và miền Tây Nam Bộ. Bên cạnh thị trường nội địa, Tổng công ty cũng xuất khẩu sản phẩm phân bón đi nhiều nước, tập trung tại châu Á.

Về hóa chất, khách hàng và thị trường chủ lực được tập trung tại khu vực phía Nam và trong ngành dầu khí, sản xuất công nghiệp.

Năng lực sản xuất – kinh doanh



“VỚI VỊ THẾ LÀ DOANH NGHIỆP ĐẦU NGÀNH, MỖI NĂM PVFCCo SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH KHOẢNG 1,2 TRIỆU TẤN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT, PHỤC VỤ NHU CẦU TRÊN TOÀN QUỐC VÀ MỘT SỐ THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ NHƯ ẤN ĐỘ, HÀN QUỐC, CÁC NƯỚC ASEAN...”

Năng lực sản xuất



Nhà máy đạm Phú Mỹ

Năm vận hành: **2004**
 Công suất: **800.000** tấn urê/năm - **540.000** tấn NH₃/năm
 Công nghệ: Haldor Topsoe (Đan Mạch): sản xuất NH₃ – Snamprogetti (Ý): sản xuất urê



Nhà máy NPK Phú Mỹ

Năm vận hành: **2018**
 Công suất: **250.000** tấn/năm
 Công nghệ hóa học của hãng INCRO SA (Tây Ban Nha)



Xưởng UFC85

Năm vận hành: **2015**
 Công suất: **15.000** tấn/năm



Xưởng hóa phẩm dầu khí

Năm vận hành: **2015**
 Công suất: **4.000** tấn/năm
 Công nghệ và tiêu chuẩn chất lượng: Baker Hughes toàn cầu

Năng lực kinh doanh

► **Phân bón:** là mảng sản xuất kinh doanh chủ lực, chiếm phần trọng yếu trong cơ cấu doanh thu, lợi nhuận của PVFCCo.

Tới nay, PVFCCo sở hữu bộ sản phẩm phân bón khá toàn diện với hơn 40 dòng sản phẩm. Bên cạnh sản phẩm chủ lực truyền thống là đạm Phú Mỹ, PVFCCo còn cung cấp các sản phẩm phân bón khác như: NPK Phú Mỹ, Kali Phú Mỹ, DAP Phú Mỹ, SA Phú Mỹ...

► **Hóa chất:** Nhóm sản phẩm hóa chất của PVFCCo chủ yếu là các loại hóa chất chuyên dụng, bao gồm NH₃ (Ammonia), UFC85, CO₂ và hóa chất chuyên dụng dầu khí.

► **Hệ thống phân phối, bán hàng:**

4 Công ty phân phối tại các vùng miền (Bắc - Trung - Đông Nam bộ - Tây Nam Bộ)	68 Đại lý cấp 1	97 Kho trung chuyển, sức chứa 250 nghìn tấn
1 Chi nhánh kinh doanh hóa chất tại Thành phố Hồ Chí Minh	4.407 Đại lý cấp 2	

ĐỊNH HƯỚNG, MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC TRUNG VÀ DÀI HẠN

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN ĐẾN NĂM 2035

Mục tiêu tổng quát

Giữ vững vị thế là nhà sản xuất phân bón số 01 Việt Nam và mở rộng sang lĩnh vực sản xuất và kinh doanh hóa chất cơ bản và hóa chất hóa dầu với mục tiêu định vị PVFCCo là một nhà sản xuất hóa chất, năng lượng xanh tiên phong tại Việt Nam.

Mục tiêu theo từng giai đoạn

Giai đoạn 2021-2025

Đóng vai trò dẫn dắt và kiến tạo trong lĩnh vực phân bón tại thị trường trong nước, phù hợp với chiến lược phát triển nông nghiệp, nông thôn 2021-2025 của Chính phủ. Bước đầu mở rộng kinh doanh, sản xuất hóa chất, tập trung nghiên cứu các cơ hội để phát triển lĩnh vực hóa dầu, năng lượng sạch như NH₃ "xanh".

Giai đoạn 2026-2030

Đầu tư mở rộng quy mô sản xuất cả lĩnh vực phân bón và hóa chất trên nguyên tắc sử dụng tối ưu cơ sở hạ tầng, nguồn lực của PVFCCo, tích hợp với nhà máy đạm Phú Mỹ hiện hữu và các dự án lọc hóa dầu của PVN.

Giai đoạn 2031-2035

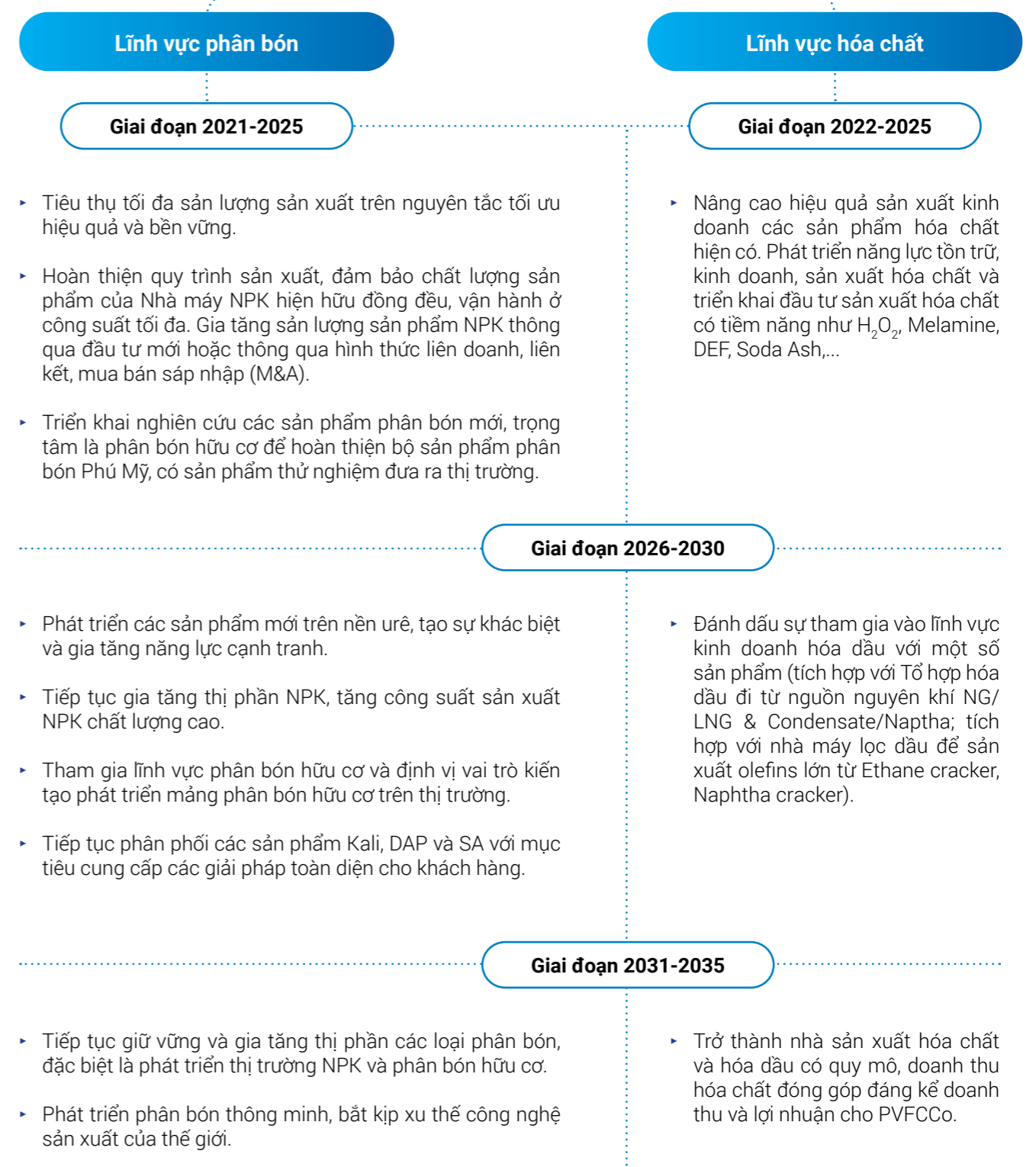
Vận hành và khai thác các dự án mang lại hiệu quả tối đa, trở thành doanh nghiệp hàng đầu trong nước về phân bón và hóa chất, có thương hiệu toàn cầu.

TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

- ▶ PVFCCo trở thành doanh nghiệp sản xuất phân bón và hóa chất với quy mô hàng đầu không chỉ tại Việt Nam mà còn trong khu vực.
- ▶ PVFCCo đạt tới tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế tốt về ứng dụng công nghệ sản xuất hiện đại để đáp ứng các tiêu chuẩn cao về chất lượng sản phẩm và bảo vệ môi trường; thỏa mãn các tiêu chuẩn toàn cầu trong quản trị doanh nghiệp và dịch vụ khách hàng, triển khai chuyển đổi số thành công để quản trị hiệu quả hơn và gia tăng trải nghiệm khách hàng.
- ▶ PVFCCo là thương hiệu có uy tín trên thị trường quốc tế, tham gia sâu vào chuỗi sản phẩm phục vụ cho nền nông nghiệp xanh, sạch, đáp ứng các tiêu chí về phát triển bền vững, tích cực tham gia bảo vệ môi trường và thích ứng biến đổi khí hậu, góp phần phát triển nền sản xuất nông nghiệp hiện đại.
- ▶ Chú trọng đến đời sống người lao động và chia sẻ lợi ích với cộng đồng thông qua triển khai các chương trình an sinh xã hội.



MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN CHO CÁC LĨNH VỰC CỤ THỂ



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Tổng công ty áp dụng mô hình quản trị theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

BỘ MÁY TỔ CHỨC, QUẢN LÝ

Đại hội đồng cổ đông
Hội đồng quản trị
Ban Tổng giám đốc
Ban kiểm soát

Các ban chức năng:

- ▶ Ban Tổng hợp
- ▶ Ban Kiểm toán nội bộ
- ▶ Ban Kế hoạch & Đầu tư
- ▶ Ban Tổ chức Nhân sự & Đào tạo
- ▶ Ban Kinh doanh
- ▶ Ban Tiếp thị & Truyền thông
- ▶ Ban Tài chính Kế toán
- ▶ Ban Kỹ thuật & An toàn
- ▶ Ban Cung ứng vật tư và thiết bị
- ▶ Văn phòng Tổng công ty

Các Chi nhánh, đơn vị phụ thuộc:

- ▶ Nhà máy đạm Phú Mỹ
- ▶ Chi nhánh Kinh doanh hóa chất Dầu khí
- ▶ Ban Quản lý Dự án
- ▶ Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng

Các Công ty con PVFCCo nắm quyền chi phối:

- ▶ Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc
- ▶ Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Trung
- ▶ Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ
- ▶ Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ



CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

Năm 2023, Tổng công ty gồm có 4 công ty con và 5 công ty liên kết, có góp vốn.

Các công ty nắm giữ từ 50% cổ phần trở lên

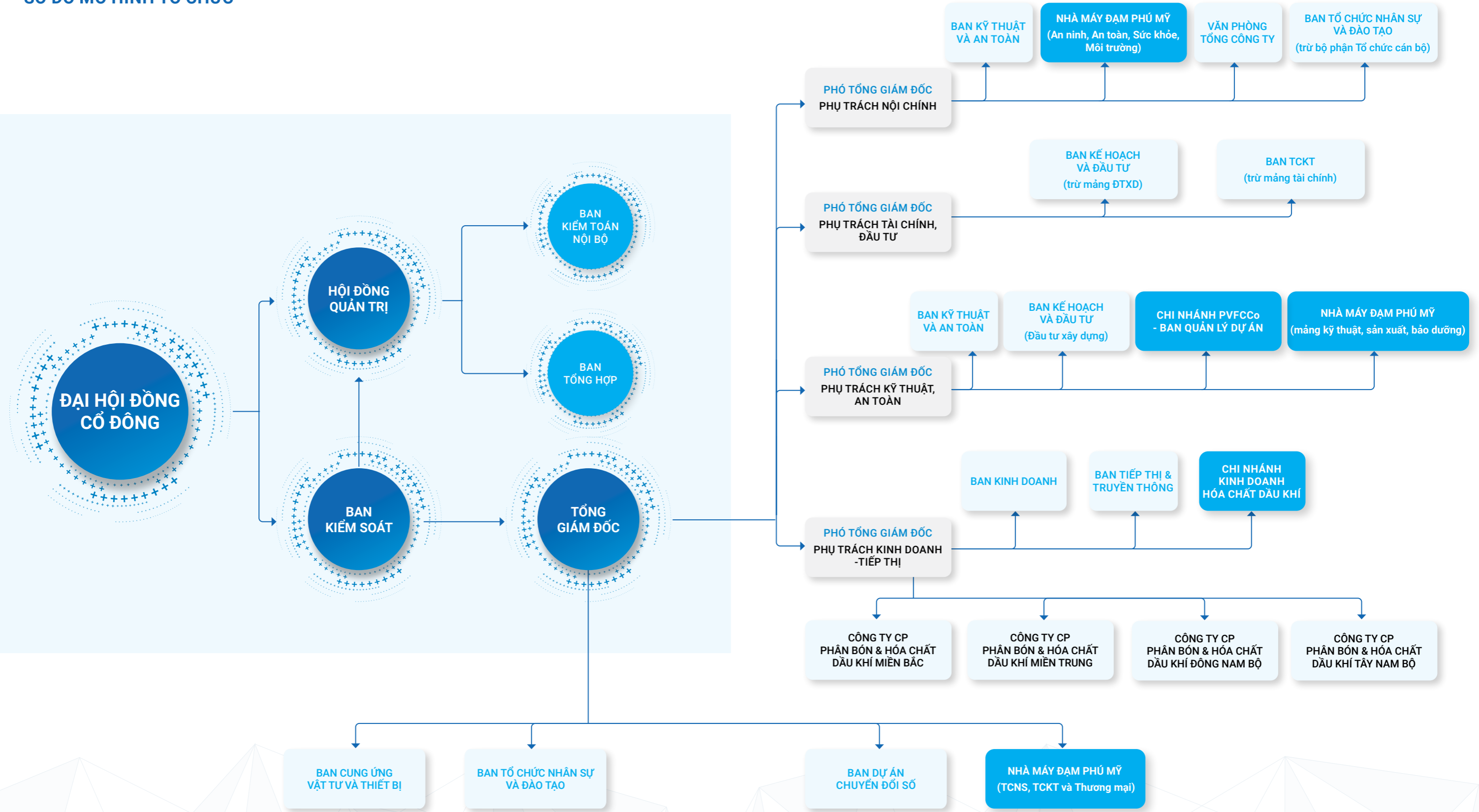
STT	Tên công ty	Ngành nghề kinh doanh chính	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Tỷ lệ nắm giữ
1	Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc (PVFCCo North, mã chứng khoán: PMB) Địa chỉ: Tầng 4, 167 Trung Kính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội	Kinh doanh phân bón, hóa chất	120.000	75%
2	Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung (PVFCCo Central, mã chứng khoán: PCE) Địa chỉ: Lô A2, cụm Công nghiệp Nhơn Bình, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	Kinh doanh phân bón, hóa chất	100.000	75%
3	Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ (PVFCCo Southeast, mã chứng khoán: PSE) Địa chỉ: 27 Đinh Bộ Lĩnh, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh phân bón, hóa chất	125.000	75%
4	Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ (PVFCCo Southwest, mã chứng khoán: PSW) Địa chỉ: 151/18 Trần Hoàng Na, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ	Kinh doanh phân bón, hóa chất	170.000	75%

Các công ty nắm giữ dưới 50% vốn

STT	Tên công ty	Ngành nghề kinh doanh chính	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Tỷ lệ nắm giữ
1	Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ (PVFCCo Packaging, mã chứng khoán: PMP) Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Sản xuất, kinh doanh bao bì	42.000	43,35%
2	Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Việt Nam (VNPOLY) Địa chỉ: Lô CN5.5A, Khu Công nghiệp Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP. Hải Phòng	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm xơ sợi tổng hợp	2.165.110	25,99%
3	Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAIC) Địa chỉ: Tầng 4, 167 Trung Kính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội	Công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa, năng lượng sạch	42.352	8,5%
4	Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí (PVC Mekong) Địa chỉ: Lô D - KĐT Dầu khí - Đường Ngô Quyền - P. 1 - TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau	Tư vấn thiết kế, thi công xây lắp, sản xuất vật liệu xây dựng, kinh doanh bất động sản	280.869	35,63%
5	Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi Địa chỉ: Tỉnh lộ 8, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng	Nuôi trồng chế biến và mua bán thủy, hải sản	354.000	6,78%

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ (tiếp theo)

SƠ ĐỒ MÔ HÌNH TỔ CHỨC



BAN CUNG ỨNG VẬT TƯ VÀ THIẾT BỊ

BAN TỔ CHỨC NHÂN SỰ VÀ ĐÀO TẠO

GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO TỔNG CÔNG TY

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông NGUYỄN XUÂN HÒA

Chức vụ: **Chủ tịch HĐQT** (được bầu vào HĐQT ngày 29/03/2024)
 Năm sinh: **1972**
 Trình độ chuyên môn: **Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Cử nhân Tài chính kế toán**



Ông PHAN CÔNG THÀNH

Chức vụ: **Thành viên Hội đồng quản trị** (được bầu vào HĐQT ngày 29/03/2024)
 Năm sinh: **1974**
 Trình độ chuyên môn: **Thạc sĩ, Kỹ sư Công nghệ kỹ thuật hóa học**



Ông NGUYỄN NGỌC ANH

Chức vụ: **Thành viên Hội đồng quản trị** (được bầu ngày 27/06/2023), phụ trách HĐQT từ ngày 27/10/2023 - 29/03/2024.
 Năm sinh: **1982**
 Trình độ chuyên môn: **Thạc sĩ Quản lý xây dựng, Kỹ sư Xây dựng cầu đường**



Ông TRỊNH VĂN KHIÊM

Chức vụ: **Thành viên Hội đồng quản trị**
 Năm sinh: **1973**
 Trình độ chuyên môn: **Cử nhân Quản trị kinh doanh**



Ông HỒ QUYẾT THẮNG

Chức vụ: **Thành viên độc lập Hội đồng quản trị** (được bầu ngày 27/06/2023)
 Năm sinh: **1970**
 Trình độ chuyên môn: **Kỹ sư Cơ khí, Cử nhân Kinh tế**



Ông LOUIS T NGUYỄN

Chức vụ: **Thành viên độc lập Hội đồng quản trị** (miễn nhiệm ngày 27/06/2023)
 Năm sinh: **1963**
 Trình độ chuyên môn: **Cử nhân Khoa học ngành Kế toán - Tài chính**



Ông LÊ CỰ TÂN

Chức vụ: **Thành viên Hội đồng quản trị** (miễn nhiệm ngày 27/06/2023)
 Năm sinh: **1967**
 Trình độ chuyên môn: **Thạc sĩ Kỹ thuật chuyên ngành Tự động hóa; Kỹ sư Khai thác máy tàu biển; Kỹ sư Quản trị doanh nghiệp**



Ông HOÀNG TRỌNG DŨNG

Chức vụ: **Chủ tịch Hội đồng quản trị** (thôi giữ chức Chủ tịch HĐQT ngày 27/10/2023 và miễn nhiệm TV HĐQT ngày 29/03/2024)
 Năm sinh: **1973**
 Trình độ chuyên môn: **Thạc sĩ Kinh tế, Kỹ sư Công nghệ**



Ông DƯƠNG TRÍ HỘI

Chức vụ: **Thành viên Hội đồng quản trị** (miễn nhiệm ngày 29/03/2024)
 Năm sinh: **1978**
 Trình độ chuyên môn: **Kỹ sư Điện công nghiệp, Cử nhân Kinh tế Kế hoạch đầu tư**

BAN ĐIỀU HÀNH



Ông PHAN CÔNG THÀNH

Chức vụ: **Tổng giám đốc** (bổ nhiệm ngày 25/01/2024)
 Năm sinh: **1974**
 Trình độ chuyên môn: **Thạc sĩ, Kỹ sư Công nghệ kỹ thuật hóa học**



Bà TRẦN THỊ PHƯƠNG THẢO

Chức vụ: **Phó Tổng giám đốc**
 Năm sinh: **1970**
 Trình độ chuyên môn: **Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Ngoại thương**



Ông CAO TRUNG KIẾN

Chức vụ: **Phó Tổng giám đốc**
 Năm sinh: **1976**
 Trình độ chuyên môn: **Cử nhân Kinh tế**



Ông ĐÀO VĂN NGỌC

Chức vụ: **Phó Tổng giám đốc** (phụ trách Ban điều hành từ ngày 27/10/2023)
 Năm sinh: **1977**
 Trình độ chuyên môn: **Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Kỹ sư Lọc hóa dầu**

GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO TỔNG CÔNG TY (tiếp theo)

BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)



Ông TẠ QUANG HUY

Chức vụ: **Phó Tổng giám đốc**

Năm sinh: **1978**

Trình độ chuyên môn: **Kỹ sư Công nghệ hóa**



Bà LÊ THỊ THU HƯƠNG

Chức vụ: **Phó Tổng giám đốc** (miễn nhiệm ngày 15/08/2023)

Năm sinh: **1975**

Trình độ chuyên môn: **Thạc sĩ Quản trị kinh doanh**



Ông LÊ CỰ TÂN

Chức vụ: **Tổng giám đốc** (miễn nhiệm ngày 27/10/2023)

Năm sinh: **1967**

Trình độ chuyên môn: **Thạc sĩ Kỹ thuật chuyên ngành Tự động hóa; Kỹ sư Khai thác máy tàu biển; Kỹ sư Quản trị doanh nghiệp**



Ông LÊ VĂN QUỐC VIỆT

Chức vụ: **Phó Tổng giám đốc** (nghỉ hưu từ ngày 01/06/2023)

Năm sinh: **1962**

Trình độ chuyên môn: **Cử nhân Kinh tế Kế hoạch**



Ông VÕ NGỌC PHƯƠNG

Chức vụ: **Kế toán trưởng**

Năm sinh: **1978**

Trình độ chuyên môn: **Cử nhân Tài chính - Tiền tệ - Tín dụng**

BAN KIỂM SOÁT



Ông HUỖNH KIM NHÂN

Chức vụ: **Trưởng Ban kiểm soát**

Năm sinh: **1976**

Trình độ chuyên môn: **Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Cử nhân Tài chính doanh nghiệp**



Ông LƯƠNG PHƯƠNG

Chức vụ: **Kiểm soát viên** (bầu lại ngày 27/06/2023)

Năm sinh: **1973**

Trình độ chuyên môn: **Cử nhân Tài chính tín dụng**



Bà TRẦN THỊ PHƯƠNG

Chức vụ: **Kiểm soát viên** (được bầu ngày 27/06/2023)

Năm sinh: **1979**

Trình độ chuyên môn: **Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Chứng chỉ Kế toán viên** (do Bộ Tài chính cấp)



Ông LÊ VINH VĂN

Chức vụ: **Kiểm soát viên** (miễn nhiệm ngày 27/06/2023)

Năm sinh: **1969**

Trình độ chuyên môn: **Cử nhân chuyên ngành Tài chính Kế toán**



Chương 2

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2023
VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

**CHUNG SỨC ĐỒNG LÒNG
CHINH PHỤC THỬ THÁCH**

30	Bối cảnh thị trường phân bón – hóa chất năm 2023
32	Chuỗi giá trị PVFCCo – Kết quả hoạt động 2023
34	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
38	Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
40	Tình hình tài chính của Tổng công ty
41	Báo cáo, đánh giá của Ban Tổng giám đốc

BỐI CẢNH THỊ TRƯỜNG PHÂN BÓN – HÓA CHẤT NĂM 2023

THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

Thị trường phân bón trong nước năm 2023 chịu nhiều ảnh hưởng bất lợi:



Thị trường phân bón thế giới trong năm 2023 tiếp tục chịu nhiều ảnh hưởng từ biến động địa chính trị và chính sách hạn chế xuất khẩu của một số quốc gia kéo theo sự đảo chiều giá bán các loại phân bón sụt giảm nhanh chóng so với nền đỉnh cao của năm 2022. Từ đầu năm 2023, tình hình thế giới tiếp tục biến động nhanh và phức tạp, ảnh hưởng đến toàn cầu. Xung đột Nga - Ukraina và mới đây là xung đột Israel - Hamas với nhiều cảnh báo cuộc chiến có thể mở rộng sang các khu vực khác ở Trung Đông. Đây cũng là khu vực sản xuất phân bón urê, Kali, NH₃, DAP lớn trên thế giới. Sau mức tăng cao kỷ lục trong năm 2022, từ quý 4/2023 giá các loại phân bón bắt đầu đảo chiều giảm mạnh, thiết lập mặt bằng giá ngày càng thấp trên toàn thế giới. Số liệu theo dõi cho thấy giá bán urê thế giới trong năm 2023 đã giảm khoảng 64% từ đỉnh cao tháng 4/2022 và giá Kali cũng giảm mạnh 67%.



Thứ nhất là áp lực cạnh tranh gia tăng từ các nguồn hàng nhập khẩu: Nền kinh tế Việt Nam có độ mở lớn khi tham gia ký kết hầu hết các Hiệp định thương mại tự do trong bối cảnh quy mô còn khiêm tốn, sức chống chịu, năng lực cạnh tranh còn hạn chế.



Thứ hai, chính sách thuế đối với phân bón có nhiều bất cập chưa được giải quyết. Thuế xuất khẩu 5% làm giảm khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trong nước.



Thứ ba, tồn kho tăng cao, cạnh tranh giữa các doanh nghiệp nội địa ngày càng khốc liệt: Đầu năm 2023 việc xử lý hàng tồn trong hệ thống tạo ra tâm lý bán tháo, bán phá giá, đặc biệt với sản phẩm NPK. Bên cạnh đó là sự xuất hiện và gia tăng nhiều về lượng của một số mặt hàng thay thế (hàm lượng thấp, kém hoặc hàng giả...) như: N21-25% thay thế urê, amon thay thế kali.



Thứ tư, chi phí nguyên liệu sản xuất tăng cao (đặc biệt là giá khí cho sản xuất phân đạm): Đối với PVFCCo, giá khí cho sản xuất urê Phú Mỹ trong năm 2023 tăng 18% so với năm 2022 (giá khí có VAT 10,51/8,88 USD/MMBTU). Giá khí nguyên liệu tăng dẫn đến phát sinh tăng thêm chi phí sản xuất cả năm khoảng trên 1.000 tỷ đồng so với 2022.

Tựu chung lại, trong bối cảnh như vậy kết quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp phân bón trên thị trường đều sụt giảm mạnh so với cùng kỳ.

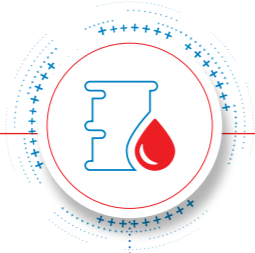
CHUỖI GIÁ TRỊ PVFCCo – KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG 2023



NGUỒN NHÂN LỰC

1.545

người



SẢN XUẤT

936

nghìn tấn phân bón
(urê, NPK)



HỆ THỐNG PHÂN PHỐI/ KHO CẢNG

04

công ty phân phối
tại các vùng miền



NHỮNG ĐÓNG GÓP NỔI BẬT TỚI NGÀNH NÔNG NGHIỆP - PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Cung cấp **1,3** triệu tấn phân bón

118 nghìn tấn
hóa chất các loại ra thị trường

Giải ngân trên **60** tỷ đồng
cho các chương trình an sinh xã hội



CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÓNG GÓP CHO XÃ HỘI, CỘNG ĐỒNG TIÊU BIỂU

Chương trình Tết trao tặng

13.000

phần quà cho các gia đình khó khăn

tại hơn **40** tỉnh thành trên cả nước

QUY MÔ DOANH THU

14.038

tỷ đồng

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ, KHẤU HAO, LÃI VAY

1.142

tỷ đồng

trên **110**

nghìn tấn hóa chất
(NH₃ thương mại, UFC85,
hóa chất dầu khí)

68
đại lý cấp 1
4.407
đại lý cấp 2

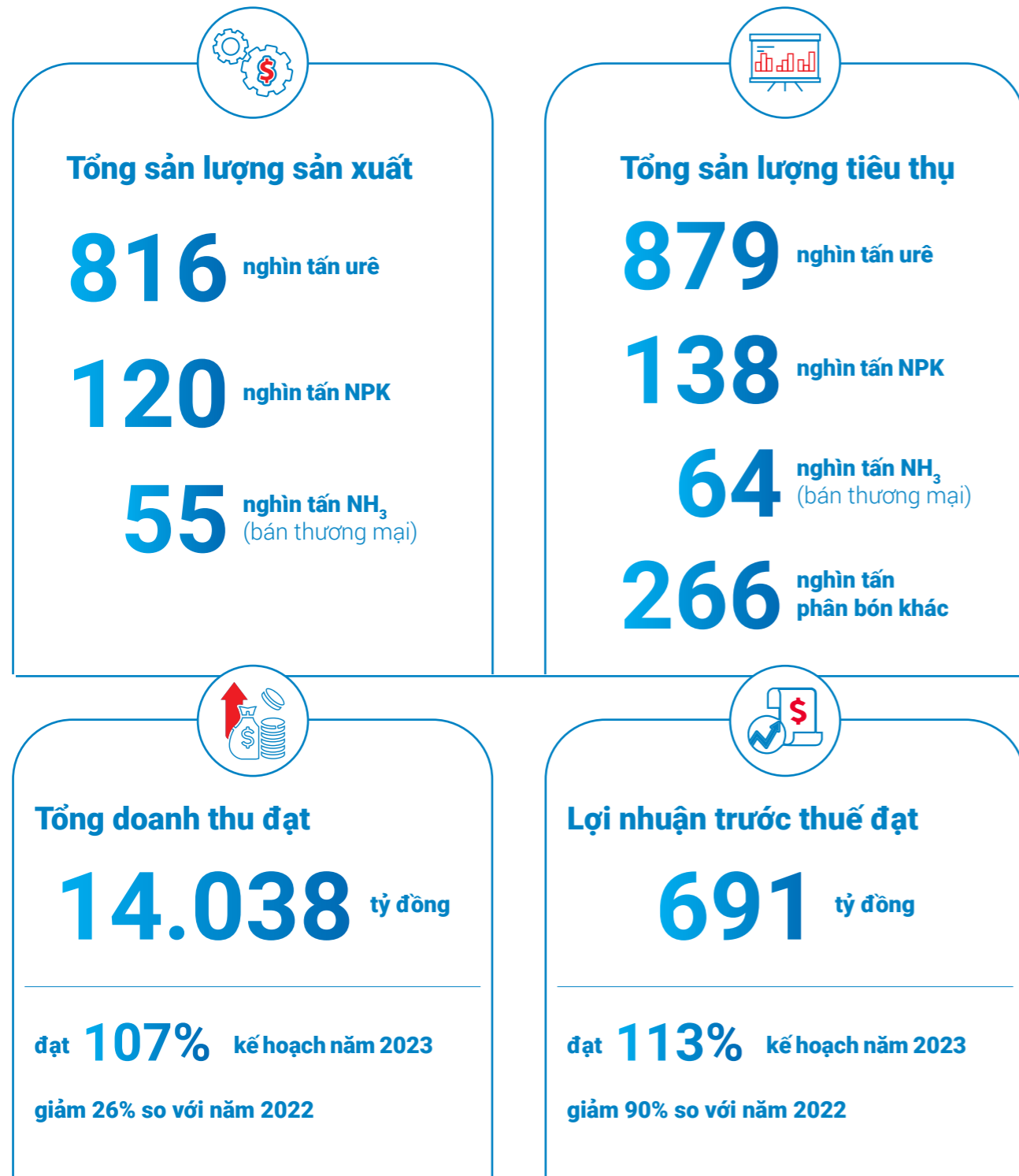
97
kho trung chuyển sức chứa

250
nghìn tấn

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

NHỮNG YẾU TỐ, CHỈ TIÊU NỔI BẬT TRONG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023

Trong bối cảnh năm 2023, PVFCCo tiếp tục phát huy một số yếu tố thuận lợi như về uy tín của thương hiệu phân bón Phú Mỹ và độ bao phủ địa bàn của Hệ thống phân phối, hoạt động sản xuất của Nhà máy đạm Phú Mỹ duy trì ổn định ở công suất cao với nguồn khí đầu vào được đáp ứng đủ, tình hình tài chính lành mạnh đáp ứng cho hoạt động sản xuất và kinh doanh, đạt một số chỉ tiêu nổi bật:



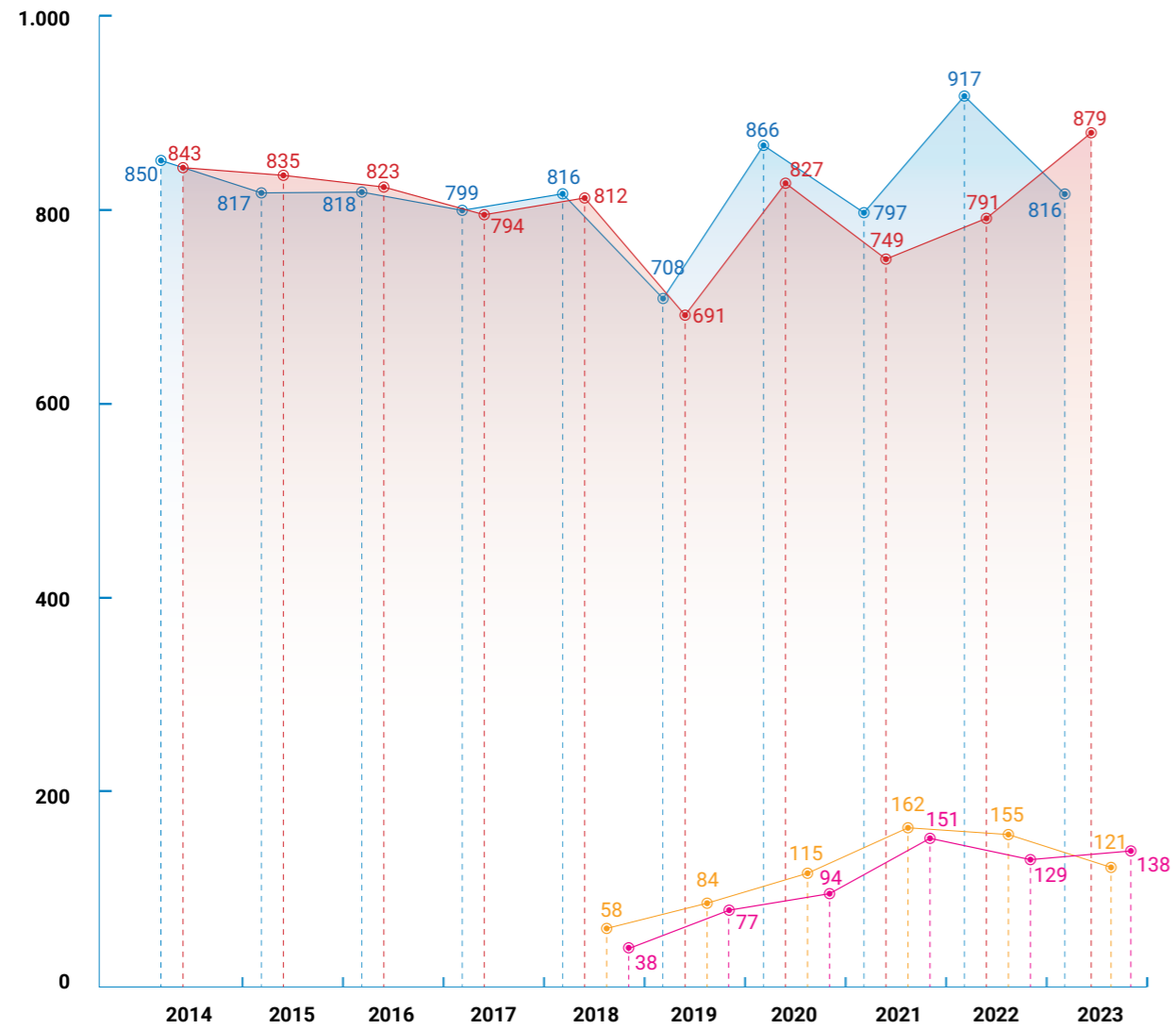
BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT VỀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2023

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023 (đ/c)	Thực hiện năm 2023	Tỷ lệ so với năm 2022 (%)	Tỷ lệ hoàn thành KH (%)
A	B	C	1	2	3	4=3/1	5=3/2
I Sản lượng sản xuất							
1.1	Đạm Phú Mỹ	Nghìn tấn	917	785	816	89%	104%
1.2	UFC 85	Nghìn tấn	13,2	12,0	12,2	92%	102%
1.3	NPK	Nghìn tấn	155	121	120	77%	100%
1.4	Đạm Kebo	Nghìn tấn	4,5	6,9	7,0	155%	101%
1.5	NH ₃ (để thương mại)	Nghìn tấn	74	55	55	73%	100%
II Sản lượng kinh doanh							
2.1	Đạm Phú Mỹ	Nghìn tấn	791	830	879	111%	106%
2.2	NPK	Nghìn tấn	129	130	138	107%	106%
2.3	Đạm Kebo	Nghìn tấn	2,6	7,0	7,9	299%	113%
2.4	Phân bón tự doanh	Nghìn tấn	209	240	266	127%	111%
2.5	UFC 85	Nghìn tấn	9,5	8,5	9,1	95%	107%
2.6	NH ₃ (để thương mại)	Nghìn tấn	71	62	64	89%	102%
2.7	CO ₂	Nghìn tấn	54	39	44	82%	111%
2.8	Hóa chất	Nghìn tấn	1,03	0,67	1,54	149%	231%
III Chỉ tiêu tài chính toàn Tổng công ty (hợp nhất)							
3.1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	19.013	13.067	14.038	74%	107%
3.2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	6.606	610	691	10%	113%
3.3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	5.585	463	530	9%	114%
3.4	Nộp NSNN (số đã nộp)	Tỷ đồng	1.614	240	565	35%	235%
IV Chỉ tiêu tài chính công ty mẹ							
4.1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	13.779	10.149	11.374	83%	112%
4.2	Trong đó: Vốn điều lệ	Tỷ đồng	3.914	3.914	3.914	100%	100%
4.3	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	16.924	11.652	12.093	71%	104%
4.4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	6.507	635	709	11%	112%
4.5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	5.511	495	569	10%	115%
4.6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ	%	141%	13%	15%	10%	115%
4.7	Nộp NSNN (số đã nộp)	Tỷ đồng	1.551	205	503	32%	245%
4.8	Đầu tư						
4.8.1	Giải ngân đầu tư	Tỷ đồng	118,14	220,6	219,74	186%	100%
	▸ Đầu tư XDCCB	Tỷ đồng	74,70	102,9	102,45	137%	100%
	▸ Mua sắm trang thiết bị	Tỷ đồng	43,44	117,7	117,29	270%	100%
	▸ Đầu tư góp vốn	Tỷ đồng					
4.8.2	Nguồn vốn đầu tư	Tỷ đồng	118,14	220,6	219,74	186%	100%
	▸ Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	118,14	220,6	219,74	186%	100%
	▸ Vốn vay và khác	Tỷ đồng					

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (tiếp theo)

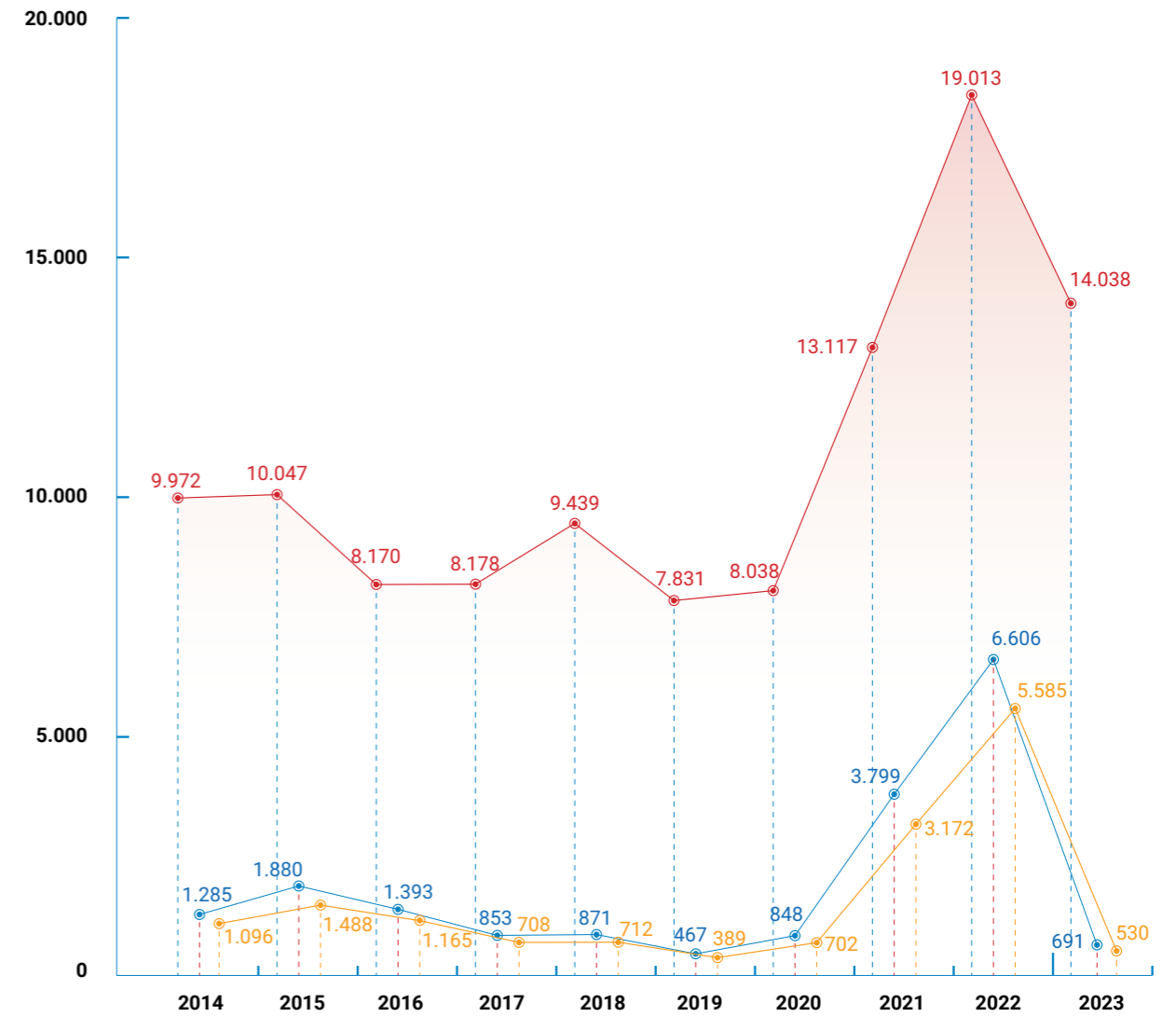
Thống kê số liệu về sản xuất kinh doanh các sản phẩm chủ lực của Tổng công ty giai đoạn 2014-2023

Chỉ tiêu về sản lượng (nghìn tấn)



- urê SX
- urê tiêu thụ
- NPK SX
- NPK tiêu thụ

Chỉ tiêu về tài chính hợp nhất (tỷ đồng)



- Doanh thu
- Lợi nhuận trước thuế
- Lợi nhuận sau thuế

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ THEO KẾ HOẠCH NĂM 2023



- ▶ **Tổ hợp Dự án Nâng công suất phân xưởng NH₃ Nhà máy đạm Phú Mỹ và xây dựng Nhà máy sản xuất NPK công nghệ hóa học:** Tổng công ty đã hoàn thành báo cáo quyết toán dự án, hoàn thành công tác thẩm tra và trình phê duyệt quyết toán vốn.
- ▶ **Dự án Nhà máy sản xuất Oxy già (H₂O₂):** Đã hoàn thành dự án đầu tư (FS) và trình các bên thẩm định FS đồng thời thuê tư vấn thẩm tra FS, trình các cơ quan quản lý nhà nước liên quan.
- ▶ **Dự án thu hồi Offgas:** Đã hoàn thành và thông qua Báo cáo cơ hội đầu tư.
- ▶ **Dự án Melamine:** Đã hoàn thành Báo cáo cơ hội đầu tư.
- ▶ **Dự án DEF/Adblue:** Tiếp tục hoàn thiện Báo cáo cơ hội đầu tư.
- ▶ **Dự án Soda Ash:** Hoàn thành Báo cáo cơ hội đầu tư, kết quả dự án không hiệu quả và HĐQT quyết định dừng triển khai nghiên cứu đầu tư.
- ▶ **Dự án Kho chứa bao thành phẩm 20 nghìn tấn tại Nhà máy đạm Phú Mỹ:** Dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng ngày 21/6/2023, đang hoàn thiện quyết toán vốn dự án hoàn thành.
- ▶ Các dự án đầu tư, mua sắm khác đang triển khai theo kế hoạch.

TÌNH HÌNH GIẢI NGÂN ĐẦU TƯ, MUA SẴM TRONG NĂM 2023



Theo kế hoạch năm 2023 kế hoạch đầu tư/mua sắm với tổng mức đầu tư xây dựng và mua sắm là 220,58 tỷ đồng. PVFCCo đã thực hiện giải ngân được 219,74 tỷ đồng đạt gần 100% kế hoạch năm theo tiến độ thực tế, tăng 84% so với năm 2022.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

STT	Nội dung	Tỷ lệ góp vốn	Tổng giá trị đầu tư thực tế (tỷ đồng)	VĐL (tỷ đồng)	LNST (tỷ đồng)	LNST/VĐL	Cổ tức nhận trong năm 2023 (tỷ đồng)
I	Đầu tư vào Công ty con		386,25	515,00	41,39		44,78
1	PVFCCo North	75,00%	90,00	120,00	6,32	5,27%	10,8
2	PVFCCo Central	75,00%	75,00	100,00	20,94	20,94%	22,5
3	PVFCCo SE	75,00%	93,75	125,00	12,07	9,66%	
4	PVFCCo SW	75,00%	127,50	170,00	2,06	1,21%	11,48
II	Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết		680,90	2.487,80	849,48		2,18
1	VNPOLY	25,99%	562,70	2.165,11	850,41	39,28%	
2	PVC Mekong	35,63%	100,00	280,69	-8,16	-2,91%	-
3	PVFCCo Packaging	43,34%	18,20	42,00	7,23	17,21%	2,18
III	Đầu tư dài hạn khác		20,50	396,35	-9,2		0,29
1	PAIC	8,50%	3,60	42,35	4,82	11,38%	0,29
2	Công ty CP Thủy hải sản Út Xi	6,78%	16,90	354,00	-14,02	-3,96%	
	TỔNG CỘNG		1.087,65	3.399,15	881,67		57,94

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA TỔNG CÔNG TY

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	Tỷ lệ % tăng (giảm)
TỔNG TÀI SẢN	17.699	13.309	-25%
Tài sản ngắn hạn	13.579	9.565	-30%
Tài sản dài hạn	4.120	3.744	-9%
TỔNG NGUỒN VỐN	17.699	13.309	-25%
NỢ PHẢI TRẢ	3.681	1.764	-52%
VỐN CHỦ SỞ HỮU	14.017	11.545	-18%
▸ Vốn điều lệ	3.914	3.914	0%
TỔNG DOANH THU	19.013	14.038	-26%
TỔNG CHI PHÍ	12.410	13.349	8%
LÃI VAY	65	51	-22%
EBIT	6.668	739	-89%
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	6.606	691	-90%
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	5.585	530	-91%
▸ LNST cổ đông thiểu số	20	10	
▸ LNST công ty mẹ	5.565	519	

CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
Hệ số thanh toán ngắn hạn	4,53	6,44
Hệ số thanh toán nhanh	3,24	5,16
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
Hệ số nợ/Tổng tài sản	21%	13%
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	26%	15%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
Vòng quay hàng tồn kho	3,25	4,12
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,18	0,88
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
Hệ số LNST/Doanh thu thuần	30,0%	3,9%
ROE	45,2%	4,1%
ROA	35,3%	3,4%
EPS	13.897	1.030

BÁO CÁO, ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Trong bối cảnh tình hình thực tế, điều kiện hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 như đã được đánh giá, nhận định và trình bày ở phần trên, trên cơ sở nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Ban Tổng giám đốc PVFCCo đánh giá việc tổ chức thực hiện các giải pháp kịp thời, đồng bộ và linh hoạt, giúp Tổng công ty đạt kết quả SXKD năm 2023 đối với từng mảng lĩnh vực cụ thể như sau:



Nhờ quá trình tích lũy kinh nghiệm trong quá trình bảo dưỡng định kỳ, năm 2023 Tổng công ty đã nhanh chóng xử lý sự cố phát sinh, làm giảm thời gian dừng máy. Bên cạnh đó, việc rà soát, hiệu chỉnh và áp dụng các bộ định mức đã có hiệu quả rõ rệt, kết quả là **tổng tiêu hao năng lượng năm 2023 tại các xưởng sản xuất đều thấp hơn định mức ban hành và tổng tiết kiệm năng lượng tại khối sản xuất đạt khoảng 220 tỷ đồng**. Đặc biệt, đã có các biện pháp giúp nâng cao chất lượng sản phẩm NPK.

Nhà máy đạm Phú Mỹ đã đạt được mốc sản lượng sản xuất urê kế hoạch **800.000 tấn trước 13 ngày, sản lượng cả năm đạt 815.859 tấn, vượt 4% so với kế hoạch**. Tổ hợp dự án lớn "Nâng công suất phân xưởng NH₃ của Nhà máy đạm Phú Mỹ và xây dựng Nhà máy sản xuất NPK công nghệ hoá học" được vận hành, khai thác ổn định. Trong năm 2023, Tổ hợp dự án tiếp tục đóng góp gần 2.300 tỷ đồng doanh thu, xấp xỉ 18% trong tổng doanh thu của Tổng công ty.



Thương hiệu và thị phần đạm Phú Mỹ được duy trì ổn định trên thị trường trong bối cảnh phân bón trong nước phải cạnh tranh rất khốc liệt, đồng thời, từng bước thực hiện mục tiêu phát triển thị trường nước ngoài, **trong năm Tổng công ty xuất khẩu 100 nghìn tấn urê Phú Mỹ**. Bên cạnh đó, là tạo được vị thế trên thị trường bằng chất lượng các sản phẩm NPK Phú Mỹ, Kali Phú Mỹ, DAP Phú Mỹ và tiếp tục phát triển mảng sản xuất, kinh doanh hóa chất. Tổng công ty đã linh hoạt, áp dụng các thay đổi, cải tiến trong chính sách vận chuyển, phân phối, chính sách bán hàng, tồn kho... nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh và mở rộng phân khúc khách hàng. Tổng công ty đã kinh doanh hiệu quả gần 1,3 triệu tấn phân bón (879 nghìn tấn đạm Phú Mỹ; 138 nghìn tấn NPK Phú Mỹ; 266 nghìn tấn phân bón khác) và trên 118 nghìn tấn hóa chất.



Tổng giá trị giải ngân cho các dự án đầu tư, mua sắm là 220 tỷ đồng.



Dự án cải tiến chính sách tiền lương và Dự án KPI được áp dụng linh hoạt đã đem lại động lực cho CBCNV phát huy sáng tạo/cải tiến trong công việc và giúp Tổng công ty giữ chân CBCNV có trình độ cao.



Công tác an ninh, an toàn, phòng chống cháy nổ, cứu nạn luôn được coi trọng và tăng cường tại các đơn vị, đặc biệt là trong các dịp lễ tết,... Kết quả, trong năm 2023 Tổng công ty không để xảy ra sự cố nào làm ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh.

BÁO CÁO, ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD (tiếp theo)

Những tồn tại, hạn chế cần khắc phục và cần nâng cao sự quan tâm, cụ thể như sau:



VỀ SẢN XUẤT

Nhà máy đạm Phú Mỹ sau nhiều năm vận hành liên tục ở công suất cao, mặc dù được bảo dưỡng thường xuyên nhưng đã bắt đầu xuất hiện những sự cố ở các thiết bị tĩnh, đã ảnh hưởng/có nguy cơ ảnh hưởng đến sự ổn định trong vận hành của toàn thể Nhà máy, nhiều hệ thống lỗi thời cần nâng cấp.



VỀ KINH DOANH

Việc kinh doanh trong ngành phân bón trở nên khó khăn hơn khi gặp phải nhiều thách thức, bao gồm giá cả không ổn định, tăng trưởng kinh tế chậm lại và ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, do vậy công tác phân tích, dự báo thị trường cần được nâng cao để nắm bắt cơ hội, tối ưu hiệu quả kinh doanh.



VỀ TÁI CƠ CẤU

Công tác tái cơ cấu đạt kết quả bước đầu, tuy nhiên bộ máy, cơ cấu tổ chức vẫn còn cồng kềnh, chưa đạt kỳ vọng. Đang trình cấp thẩm quyền phê duyệt đề án tái cấu trúc giai đoạn tiếp theo.



VỀ ĐẦU TƯ GÓP VỐN TẠI CÁC DOANH NGHIỆP LIÊN KẾT

Mục tiêu thoái vốn tại các doanh nghiệp liên kết như: VNPOLY, PVC Mekong, Công ty Cổ phần Thủy hải sản Út Xi chưa thực hiện được,... hoạt động của các công ty này tiếp tục đạt kết quả kém làm suy giảm vốn đầu tư của Tổng công ty.

PHÂN TÍCH VỀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản và nguồn vốn của PVFCCo

Tổng tài sản theo báo cáo tài chính hợp nhất của PVFCCo tại ngày 31/12/2023 là 13.309 tỷ đồng, giảm 25% so với đầu năm (13.309/17.699). Lượng tiền và các khoản tương đương tiền của PVFCCo giảm 40% so với đầu năm (1.242/2.084 tỷ đồng) nguyên nhân chủ yếu do TCT thanh toán tiền cổ tức năm 2022 bằng tiền mặt (tỷ lệ 70% mệnh giá cổ phiếu, tương đương 2.739 tỷ đồng).

Tình hình nợ phải trả

- ▶ Khoản nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2023 của PVFCCo là 1.764 tỷ đồng, giảm 52% so với đầu năm (1.764/3.681 tỷ đồng).
- ▶ Các chỉ số tổng nợ/tổng tài sản, tổng nợ/vốn chủ sở hữu đều giảm so với năm 2022 và khả năng thanh toán hiện hành và thanh toán nhanh năm 2023 vẫn duy trì ở mức cao và lớn hơn 1. Điều này cho thấy khả năng thanh toán các khoản nợ tốt, Tổng công ty không gặp áp lực về nợ khi đến hạn phải trả, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh tốt.
- ▶ Với lượng tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ là 1.242 tỷ đồng, PVFCCo chủ động được nguồn vốn cho sản xuất, kinh doanh và thực hiện các dự án đầu tư theo kế hoạch.



Khả năng sinh lời

Các chỉ số về khả năng sinh lời của PVFCCo như ROE, ROA giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước là do lợi nhuận sau thuế năm 2023 giảm 90% so với năm 2022 làm các chỉ tiêu ROE, ROA giảm theo.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

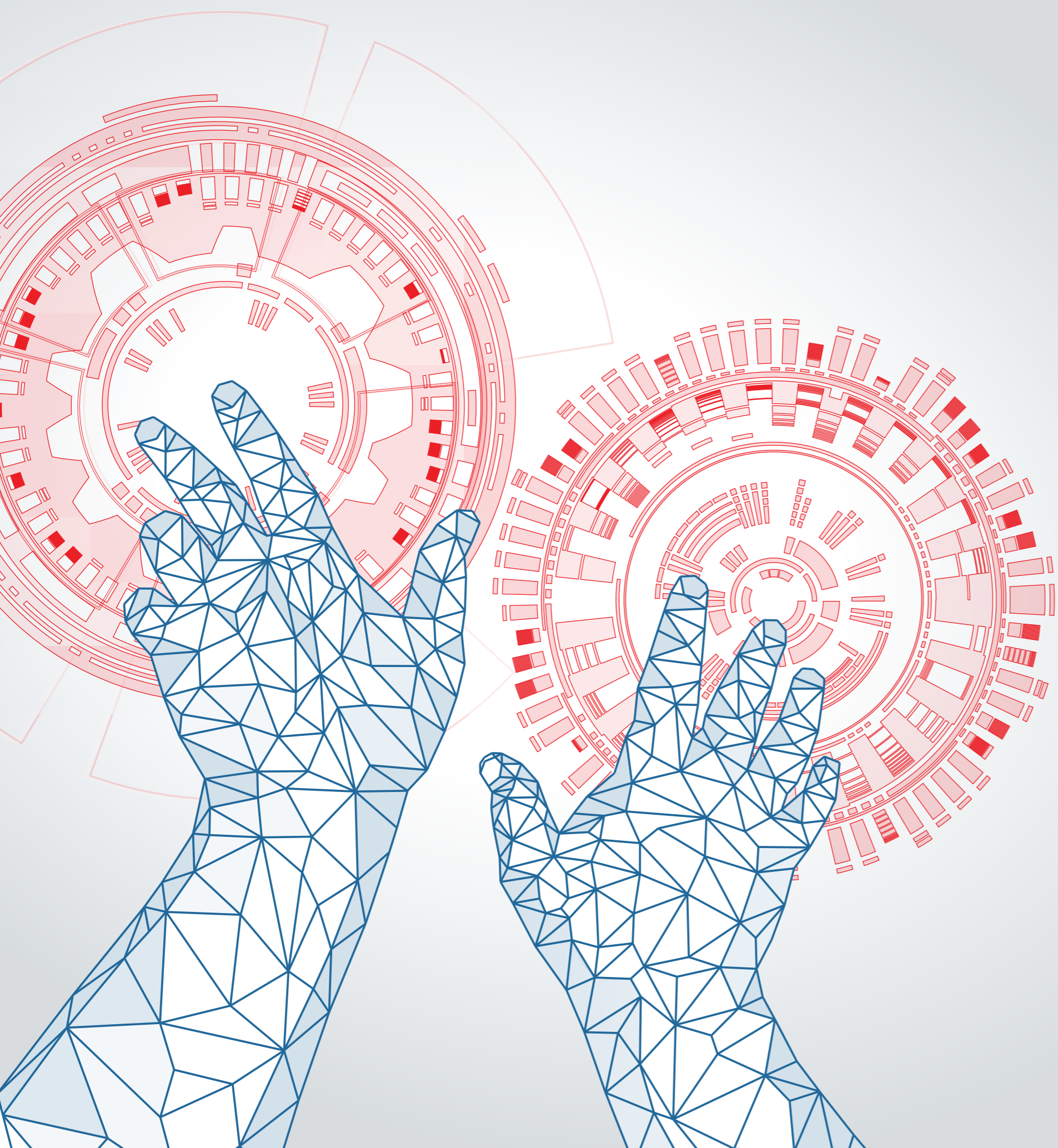
Tổng công ty đã xây dựng và thực hiện kế hoạch, lộ trình tái cơ cấu tổng thể giai đoạn 2021-2025, theo đó tiếp tục rà soát điều chỉnh, cập nhật chức năng nhiệm vụ các ban/đơn vị trong bộ máy tổ chức. Đẩy mạnh công tác rà soát, hoàn thiện hệ thống quy định quản lý nội bộ, quản lý rủi ro, chính sách cải tiến hệ thống tiền lương và thúc đẩy lộ trình, kế hoạch chuyển đổi số tại Tổng công ty.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Ban điều hành triển khai các kế hoạch phát triển theo định hướng chiến lược, kế hoạch SXKD trung hạn đã được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG, VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG

Chi tiết nội dung đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường, vấn đề người lao động và trách nhiệm đối với cộng đồng, Quý vị xem tại Chương 5 - Báo cáo Phát triển bền vững, trang 80 - 105



Chương 3

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

KHÔNG NGỪNG ĐỔI MỚI PHÁT TRIỂN TOÀN DIỆN

46	Tổng quan
46	Những kết quả đạt được
47	Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc
47	Đánh giá về trách nhiệm môi trường và xã hội của Tổng công ty
48	Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị năm 2024

TỔNG QUAN

Trong năm 2023, thị trường phân bón thế giới tiếp tục chịu nhiều ảnh hưởng, tiêu cực nhiều hơn tích cực, từ biến động địa chính trị, sự thay đổi chính sách xuất khẩu của một số quốc gia/thị trường quan trọng kéo theo tình trạng dư cung, giá bán các loại phân bón đảo chiều sụt giảm nhanh chóng so với mức nền đỉnh cao năm 2022.

Ngoài việc chịu ảnh hưởng từ các yếu tố tác động từ thị trường quốc tế, thị trường phân bón trong nước còn chịu ảnh hưởng bất lợi từ chính sách thuế GTGT, chi phí đầu vào tăng cao, cạnh tranh giữa các nhà sản xuất ngày càng khốc liệt kéo theo giá bán các loại phân bón, hóa chất trong nước giảm mạnh.

Với nỗ lực tối đa trong điều hành sản xuất kinh doanh, chủ động đưa ra các giải pháp nhằm gia tăng sản lượng bán hàng, tiết giảm chi phí ở tất cả các khâu từ sản xuất đến tiêu thụ và ổn định hệ thống hoạt động, Tổng công ty đã vượt qua được những biến động khách quan và nội tại, duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định và đạt được những kết quả tích cực.



NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Với vai trò là cơ quan quản lý Tổng công ty giữa 2 kỳ Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị (HĐQT) đánh giá tổng kết năm 2023 trong bối cảnh có những thuận lợi và khó khăn, với những giải pháp đúng đắn Tổng công ty đã tiếp tục hoàn thành cơ bản các nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh theo kế hoạch được HĐQT điều chỉnh phù hợp theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ).

Về mặt quản trị doanh nghiệp, Tổng công ty luôn giữ vững nguyên tắc công khai, minh bạch các hoạt động sản xuất kinh doanh trên cơ sở áp dụng các chuẩn mực quản trị kinh doanh hiện đại nhất. Bộ máy kiểm toán nội bộ đã triển khai với cách tiếp cận mới trong công tác kiểm toán, góp phần hoàn thiện và nâng cao công tác quản trị rủi ro trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá chung về hoạt động của Ban điều hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty:

- ▶ Các thành viên trong Ban Tổng giám đốc đều có trình độ, năng lực và phẩm chất, được đào tạo đầy đủ về chuyên môn, am hiểu về lĩnh vực được giao phụ trách và đã có nhiều năm kinh nghiệm trong việc quản lý và điều hành các dự án/doanh nghiệp lớn.
- ▶ Tổng giám đốc có phân công nhiệm vụ rõ ràng cho các Phó Tổng giám đốc và định kỳ hàng tuần tổ chức họp giao ban để đánh giá kết quả thực hiện công việc tuần và giao kế hoạch công việc kỳ tới.
- ▶ Ban Tổng giám đốc đã triển khai hoạt động SXKD của đơn vị phù hợp với nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo của Hội đồng quản trị và tuân thủ đúng điều lệ doanh nghiệp, quy định của pháp luật.
- ▶ Ban Tổng giám đốc nhận thức rõ những thuận lợi và khó khăn của Tổng công ty nên đã linh hoạt trong việc điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời đã ban hành các văn bản tài liệu nội bộ theo thẩm quyền nhằm kiểm soát có hiệu quả mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty; thực hiện tốt vai trò kiểm soát rủi ro ngay từ Ban điều hành và các quản lý cấp trung.

ĐÁNH GIÁ VỀ TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA TỔNG CÔNG TY



Tổng công ty luôn đảm bảo tuân thủ đầy đủ trách nhiệm đối với môi trường và xã hội trong mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh, đầu tư. Hoạt động chính của Tổng công ty trong lĩnh vực sản xuất phân bón, hóa chất, có liên quan và tác động đến môi trường. Trong sản xuất, công tác tuân thủ quy định của pháp luật về an toàn, môi trường được ưu tiên hàng đầu. Trong phân phối sản phẩm, Tổng công ty luôn luôn có chương trình, kế hoạch triển khai hội thảo, tư vấn, trình diễn đối với bà con nông dân về việc sử dụng

phân bón hiệu quả, tiết kiệm, giảm thiểu tác động tới môi trường. Đối với xã hội, trong nhiều năm qua Tổng công ty luôn luôn là một trong những doanh nghiệp tích cực có đóng góp cho công tác an sinh xã hội, doanh nghiệp vì người lao động.

Kết quả về việc thực hiện trách nhiệm môi trường, xã hội năm 2023 cụ thể như trình bày tại Chương V - Báo cáo phát triển bền vững (trang 80 - 105).

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2024

Năm 2024 diễn ra trong bối cảnh các yếu tố về thị trường phân bón, giá khí có những khó khăn tiếp nối từ quý 4/2023 cuối năm 2023 cùng với những tác động của tình hình chính trị thế giới. Đặc biệt, về nguồn cung khí thiên nhiên đã chuyển sang thời kỳ khó khăn, các nguồn khí giá rẻ sụt giảm sản lượng. Đánh giá các cơ sở như trên, Hội đồng quản trị đã thông qua và giao kế hoạch SXKD năm 2024 cho Tổng công ty, cụ thể như sau:

CHỈ TIÊU SẢN LƯỢNG

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2024
1	Sản lượng sản xuất		
1.1	Urê Phú Mỹ	Nghìn tấn	850,0
1.2	NPK Phú Mỹ	Nghìn tấn	143,1
1.3	Phân bón khác Nhà máy sản xuất	Nghìn tấn	4,0
1.4	UFC85/Formaldehyde	Nghìn tấn	12,5
1.5	NH ₃ sản xuất bán thương mại	Nghìn tấn	65,5
2	Sản lượng kinh doanh		
2.1	Urê Phú Mỹ	Nghìn tấn	870,0
2.2	NPK Phú Mỹ	Nghìn tấn	143,1
2.3	Phân bón khác Nhà máy sản xuất	Nghìn tấn	5,0
2.4	UFC 85/Formaldehyde	Nghìn tấn	8,5
2.5	NH ₃	Nghìn tấn	65,0
2.6	Phân bón khác	Nghìn tấn	260,0
2.7	CO ₂	Nghìn tấn	45,0
2.8	Hóa chất khác	Nghìn tấn	0,787

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH TOÀN TỔNG CÔNG TY (HỢP NHẤT)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2024
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	12.755
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	660
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	542
4	Nộp NSNN	Tỷ đồng	263



KẾ HOẠCH CÔNG TY MẸ

Kế hoạch tài chính

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2024
1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	10.316
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	11.534
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	611
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	509
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn CSH bình quân	%	4,9
6	Tỷ lệ chia cổ tức/vốn điều lệ (*)	%	15
7	Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	Lần	0,22
8	Nộp NSNN	Tỷ đồng	240

Ghi chú: (*) PVFCCo dự kiến sẽ tăng vốn điều lệ theo kế hoạch năm 2024

Kế hoạch vốn đầu tư

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2024
I	Tổng nhu cầu vốn đầu tư	Tỷ đồng	666,15
1	Đầu tư XDCB	Tỷ đồng	223,13
2	Mua sắm tài sản, trang thiết bị	Tỷ đồng	443,02
3	Đầu tư góp vốn vào các đơn vị thành viên	Tỷ đồng	-
II	Nguồn vốn đầu tư	Tỷ đồng	666,15
1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	666,15
2	Vốn vay và khác	Tỷ đồng	-
III	Giá trị giải ngân trong năm	Tỷ đồng	666,15
1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	666,15
2	Vốn vay và khác	Tỷ đồng	-



Chương 4

QUẢN TRỊ CÔNG TY

KẾT NỐI SỨC MẠNH VỊ THẾ VƯƠN XA

52	Tổ chức và nhân sự
56	Thông tin về cổ phần, cơ cấu cổ đông
58	Báo cáo hoạt động quản trị công ty
69	Báo cáo hoạt động quan hệ nhà đầu tư
70	Báo cáo nhận diện và công tác quản trị rủi ro
76	Báo cáo các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích khác của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH, BAN KIỂM SOÁT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu DPM		Ghi chú
			Đại diện	Sở hữu cá nhân	
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ					
1	Ông Nguyễn Xuân Hòa	Chủ tịch HĐQT	92.300.253	-	được bầu vào HĐQT ngày 29/03/2024
2	Ông Phan Công Thành	TV HĐQT	62.624.000	-	được bầu vào HĐQT ngày 29/03/2024
3	Nguyễn Ngọc Anh	TV HĐQT	39.140.000	-	được bầu vào HĐQT ngày 27/06/2023
4	Ông Trịnh Văn Khiêm	TV HĐQT	39.140.000	-	
5	Ông Hồ Quyết Thắng	TV độc lập HĐQT	-	-	được bầu ngày 27/06/2023
6	Ông Louis T Nguyễn	TV độc lập HĐQT	-	-	miễn nhiệm ngày 27/06/2023
7	Ông Hoàng Trọng Dũng	Chủ tịch HĐQT	-	-	thôi giữ chức Chủ tịch HĐQT ngày 27/10/2023 và miễn nhiệm TV HĐQT ngày 29/03/2024
8	Ông Dương Trí Hội	TV HĐQT	-	-	miễn nhiệm ngày 29/03/2024
BAN ĐIỀU HÀNH					
1	Ông Phan Công Thành	TGD	-	-	bổ nhiệm ngày 25/01/2024
2	Bà Trần Thị Phương Thảo	Phó TGD	-	33.700	
3	Ông Cao Trung Kiên	Phó TGD	-	-	
4	Ông Đào Văn Ngọc	Phó TGD	-	-	
5	Tạ Quang Huy	Phó TGD	-	-	
6	Ông Lê Văn Quốc Việt	Phó TGD	-	-	nghỉ hưu từ ngày 01/06/2023
7	Ông Lê Cự Tân	TGD	-	-	miễn nhiệm ngày 27/10/2023
8	Bà Lê Thị Thu Hương	Phó TGD	-	-	miễn nhiệm ngày 15/08/2023
BAN KIỂM SOÁT					
1	Ông Huỳnh Kim Nhân	Trưởng ban kiểm soát	-	-	
2	Bà Trần Thị Phương	Kiểm soát viên	-	-	được bầu vào BKS ngày 27/06/2023
3	Ông Lương Phương	Kiểm soát viên	-	-	bầu lại vào BKS ngày 27/06/2023
4	Ông Lê Vinh Văn	Kiểm soát viên	-	-	miễn nhiệm ngày 27/06/2023
KẾ TOÁN TRƯỞNG					
1	Ông Võ Ngọc Phương	Kế toán trưởng	-	-	

THAY ĐỔI TRONG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN ĐIỀU HÀNH

Năm 2023 và quý 1/2024, Tổng công ty có các thay đổi nhân sự trong HĐQT, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc như sau:

- ▶ Thành viên Hội đồng quản trị hết nhiệm kỳ: Ông Lê Cự Tân.
- ▶ Thành viên Hội đồng quản trị được miễn nhiệm: Ông Louis T Nguyễn, ông Hoàng Trọng Dũng, ông Dương Trí Hội.
- ▶ Thành viên Hội đồng quản trị được bầu mới: Ông Nguyễn Ngọc Anh, ông Hồ Quyết Thắng, ông Nguyễn Xuân Hòa, ông Phan Công Thành.
- ▶ Thành viên Ban kiểm soát hết nhiệm kỳ: Ông Lê Vinh Văn, ông Lương Phương.
- ▶ Thành viên Ban kiểm soát được bầu vào nhiệm kỳ mới: Bà Trần Thị Phương, ông Lương Phương.
- ▶ Tổng giám đốc được miễn nhiệm: Ông Lê Cự Tân.
- ▶ Tổng giám đốc được bổ nhiệm: Ông Phan Công Thành.
- ▶ Phó Tổng giám đốc nghỉ hưu: Ông Lê Văn Quốc Việt.
- ▶ Phó Tổng giám đốc được miễn nhiệm: Bà Lê Thị Thu Hương.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (tiếp theo)

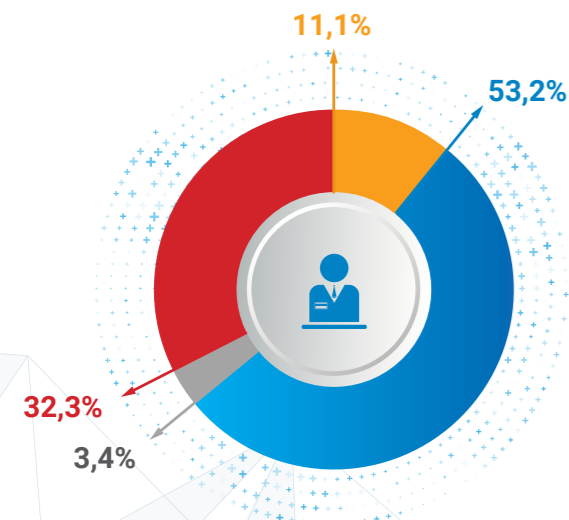
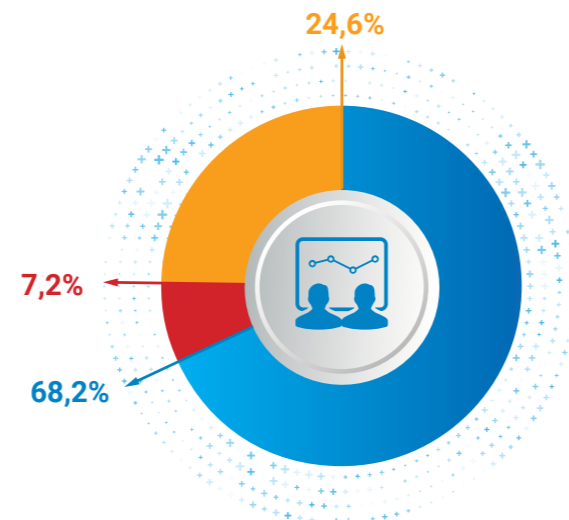
BÁO CÁO NHÂN SỰ NĂM 2023

Tổng số CBCNV toàn Tổng công ty tính đến thời điểm 31/12/2023 (gồm Công ty mẹ và công ty con):



Phân loại theo trình độ:

Trình độ	Số lượng (người)	Tỷ lệ %
Đại học, Cao đẳng trở lên	1.054	68,2%
Trung học chuyên nghiệp	112	7,2%
Công nhân kỹ thuật và trình độ khác	379	24,6%
Tổng cộng	1.545	100%



Phân loại theo cấp quản lý:

Cấp bậc quản lý	Số lượng (người)	Tỷ lệ %
Cán bộ lãnh đạo, quản lý	172	11,1%
Cán bộ kỹ thuật, nghiệp vụ	823	53,2%
Nhân viên phục vụ	53	3,4%
Công nhân các ngành nghề	497	32,3%
Tổng cộng	1.545	100%

Chính sách đối với người lao động

Chính sách nhân viên

TRONG HÀNH TRÌNH PHÁT TRIỂN, PVFCCo LUÔN NHẬN THỨC RẰNG CON NGƯỜI LÀ GỐC RỄ VÀ LÀ TÀI SẢN QUAN TRỌNG CỦA MỖI DOANH NGHIỆP. DOANH NGHIỆP CHỈ PHÁT TRIỂN KHI MỖI CÁ NHÂN, ĐỘI NHÓM ĐƯỢC ĐỒNG HÀNH, HỖ TRỢ ĐỂ HOÀN THIỆN VÀ TỰ PHÁT TRIỂN.

Tổng công ty đã xây dựng, ban hành và đưa vào áp dụng thang, bảng lương hướng tới mục tiêu trả lương theo thị trường, phù hợp với các quy định của pháp luật cũng như tình hình thực tế SXKD. Theo đó, Tổng công ty đã hoàn thành và đưa vào áp dụng hệ thống đánh giá hiệu quả công việc (KPI) và trả lương theo phương pháp 3P dựa trên kết quả đánh giá năng lực, kết quả thực hiện công việc cá nhân.

Tổng công ty thực hiện chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp cho người lao động theo đúng các quy định của Luật Bảo hiểm xã hội và các quy định của Chính phủ. Ngoài ra, Tổng công ty

triển khai các chương trình bảo hiểm bổ sung: Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe người lao động, Bảo hiểm hưu trí tự nguyện, Bảo hiểm tai nạn khi đi công tác nước ngoài, Bảo hiểm nhân thọ cho người lao động và các chức danh quản lý khác tùy theo điều kiện hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

Bên cạnh đó, Tổng công ty cũng đã ban hành chính sách nhân viên, theo đó duy trì, áp dụng các chính sách phúc lợi cho toàn thể CBCNV và một số chính sách có tính đãi ngộ đối với những người lao động giỏi, có trình độ quản lý và chuyên môn cao, bao gồm: Chế độ lương, thưởng, đào tạo, học tập, nghỉ ngơi, lưu trú và các chế độ phúc lợi khác.

Chính sách đào tạo

Công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực luôn đóng vai trò rất quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh và phát triển bền vững, Tổng công ty quan tâm và xây dựng các cơ chế chính sách, hệ thống các quy chế, quy định đào tạo khoa học và mang tính khuyến khích CBCNV nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, bao gồm các dịch vụ đào tạo từ bên ngoài và công tác đào tạo nội bộ.



THÔNG TIN VỀ CỔ PHẦN, CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

VỐN CỔ PHẦN

Tổng số cổ phần của Tổng công ty

391.400.000 cổ phần

tất cả đều là cổ phần phổ thông.

Số cổ phần đang lưu hành

Tại thời điểm cuối năm 2023 tổng số cổ phần đang lưu hành của Tổng công ty là

391.334.260 cổ phiếu

(trừ 65.740 cổ phiếu quỹ)

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Trong năm 2023, Tổng công ty không có sự thay đổi.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Tổng số cổ phiếu quỹ tại thời điểm đầu năm 2023

65.740 cổ phần

Trong năm 2023, Tổng công ty không có giao dịch cổ phiếu quỹ.

Tổng số cổ phiếu quỹ tại thời 31/12/2023

65.740 cổ phần

SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN VÀ CỔ ĐÔNG SỞ HỮU

Theo danh sách cổ đông do Tổng công ty Lưu ký & Bù trừ Chứng khoán Việt Nam lập ngày 28/02/2024,

tổng số cổ phần đang lưu hành là

391.334.260 cổ phần

sở hữu bởi 18.463 cổ đông

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Cổ đông trong nước

Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông trong nước:

Cổ đông	Số lượng	Số cổ phần	Tỷ lệ % trên tổng số cổ phần lưu hành
Pháp nhân	84	264.202.124	67,51%
Cá nhân	17.859	92.446.237	23,63%
Tổng cộng	17.943	356.648.361	91,14%

Thông tin chi tiết về cổ đông lớn trong nước:

STT	Tên cổ đông và địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Số lượng cổ phần năm giữ	Tỷ lệ % trên tổng số cổ phần lưu hành
1.	<p>Tập đoàn Dầu khí Việt Nam</p> <p>Địa chỉ: 18 Láng Hạ, Quận Ba Đình, Hà Nội.</p> <p>Tập đoàn Kinh tế nhà nước thuộc sở hữu của Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam</p> <p>Website: www.pvn.vn</p>	<ul style="list-style-type: none"> ▶ Tìm kiếm, thăm dò, khai thác, chế biến, tàng trữ và vận chuyển dầu khí, làm dịch vụ dầu khí trong và ngoài nước; Kinh doanh vật tư, thiết bị trong ngành dầu khí; Kinh doanh, phân phối sản phẩm dầu khí và hóa dầu; ▶ Đầu tư sản xuất, kinh doanh điện, nhiên liệu sinh học, năng lượng tái tạo; ▶ Các ngành nghề kinh doanh phụ trợ liên quan đến lĩnh vực dầu khí, năng lượng. 	233.204.253	59,59%

Cổ đông nước ngoài

Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông nước ngoài:

Cổ đông	Số lượng	Số cổ phần	Tỷ lệ % trên tổng số cổ phần lưu hành
Pháp nhân	65	33.517.532	8,56%
Cá nhân	455	1.168.367	0,30%
Tổng cộng	520	34.685.899	8,86%

Thông tin chi tiết về cổ đông lớn nước ngoài: Không có

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ CÔNG TY



Tổng công ty áp dụng mô hình quản trị gồm có Đại hội đồng cổ đông, Ban kiểm soát, Ban điều hành theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020. Công tác quản trị của Tổng công ty tuân thủ và đáp ứng yêu cầu Quy định tại Nghị định số 155/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

Tổng công ty bảo đảm môi trường, điều kiện về kiểm soát, kiểm toán nội bộ. Các báo cáo tài chính của Tổng công ty được lập trên cơ sở tuân thủ quy định của Pháp luật, phản ánh trung thực, chính xác hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty và được kiểm toán bởi đơn vị kiểm toán hàng đầu trong danh sách các đơn vị kiểm toán được Bộ Tài chính chấp thuận.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc có đủ năng lực và phẩm chất, không có những xung đột giữa lợi ích cá nhân với lợi ích của Tổng công ty, đã hoạt động hiệu quả với vai trò, chức năng của mình góp phần giúp cho Tổng công ty hoàn thành kế hoạch SXKD hàng năm. Tổng công ty luôn nỗ lực và chú trọng công tác cải tiến hoạt động quản trị công ty, hướng tới áp dụng thành công các thông lệ quản trị công ty tốt như: Nâng cao hiệu quả quản trị của Hội đồng quản trị, hoạt động giám sát của Ban kiểm soát, áp dụng các giải pháp hỗ trợ trong quản lý, điều hành SXKD: Hệ thống ERP, hệ thống ISO, hệ thống quản lý và đánh giá nhân viên KPI...

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cơ cấu Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị (HĐQT) năm 2023 đã được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) bầu gồm 5 thành viên (thông tin chi tiết của các thành viên HĐQT được trình bày ở mục Giới thiệu Ban lãnh đạo Tổng công ty, trang 24 -25) HĐQT không thành lập các tiểu ban. Hoạt động của HĐQT được phân công cụ thể cho các thành viên chuyên trách phụ trách theo từng lĩnh vực để thẩm tra các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT để HĐQT ra quyết định, đồng thời giám sát, chỉ đạo, đôn đốc Tổng công ty triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT theo lĩnh vực được phân công.

Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023

Với vai trò là cơ quan quản lý cao nhất, đại diện cho quyền lợi của các cổ đông, trong năm 2023, HĐQT với 5 thành viên đương nhiệm (1 thành viên độc lập) đã tích cực thực hiện vai trò, nhiệm vụ của mình theo chuẩn mực quản trị của công ty cổ phần.

Trong năm 2023, HĐQT đã tổ chức 7 phiên họp và thực hiện 75 lượt lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản, thông qua 89 nghị quyết, quyết định quan trọng và nhiều văn bản chỉ đạo khác về những nội dung quan trọng tiêu biểu sau đây:



Kế hoạch, chiến lược

- Phê duyệt kế hoạch và giám sát thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2023, điều chỉnh một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2023;
- Phê duyệt kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2024;
- Triển khai rà soát, xây dựng Chiến lược phát triển Tổng công ty, phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2021-2025.



Về tổ chức – nhân sự

- Tiếp tục chỉ đạo triển khai công tác tái sắp xếp cơ cấu bộ máy quản trị điều hành công ty mẹ và các công ty con, công tác cải tiến chính sách tiền lương;
- Phê duyệt định biên lao động; Công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ trong Ban điều hành và trình ĐHCĐ về công tác nhân sự trong HĐQT, BKS;
- Thành lập Ban Tổng hợp, tổ chức lại Ban Kiểm toán nội bộ.



Hệ thống quản trị, kiểm soát rủi ro, kiểm soát nội bộ

- Phê duyệt và triển khai kế hoạch kiểm toán nội bộ, giám sát hoạt động các công ty thành viên; Chỉ đạo thực hiện công tác rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản nội bộ và hệ thống quản trị rủi ro.



Đầu tư, triển khai các dự án

- Chỉ đạo và hoàn thành công tác thẩm tra báo cáo quyết toán dự án hoàn thành đối với Dự án đầu tư nâng công suất xường NH₃ Nhà máy đạm Phú Mỹ và xây dựng Nhà máy phân NPK công nghệ hóa học



Ban hành, sửa đổi bổ sung các quy chế

- Trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; ban hành Quy chế quản lý năng lượng tiết kiệm và hiệu quả của Tổng công ty, sửa đổi Quy chế tiền lương, phụ cấp đặc thù công việc, tiền thưởng và chế độ chính sách đối với Người quản lý tại Tổng công ty.



Công tác tái cơ cấu

- Chỉ đạo triển khai công tác tái cơ cấu tổng thể Tổng công ty và các đơn vị thành viên.



Quan hệ cổ đông

- Tổ chức thành công phiên họp ĐHCĐ thường niên 2023 (trong tháng 6/2023). Chỉ đạo bộ phận IR tích cực triển khai các hoạt động tiếp xúc, trao đổi cập nhật thông tin thông qua kênh trực tuyến nhằm đảm bảo thông tin liên tục, đầy đủ về kết quả hoạt động tới cổ đông, nhà đầu tư.



Lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính

- Phối hợp với Ban kiểm soát để thông qua việc lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Ngoài các phiên họp định kỳ và bất thường, HĐQT còn thường xuyên giao ban công việc hàng tuần, hàng tháng để kiểm tra, đánh giá công việc của HĐQT và giám sát việc thực hiện của Ban điều hành đối với các nghị quyết, quyết định của HĐQT trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ CÔNG TY (tiếp theo)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023 (tiếp theo)

Danh mục các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị đã thông qua và ban hành trong năm 2023:

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
1	23-02/QĐ-PBHC	5/1/2023	Phê duyệt và ban hành Quy chế hoạt động của Ban chỉ huy Quân sự PVFCCo
2	23-010/QĐ-PBHC	12/1/2023	Giao nhiệm vụ kiêm nhiệm Giám đốc Chi nhánh Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP - Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng
3	23-024/NQ-PBHC	17/01/2023	Chấp thuận hợp đồng/giao dịch cung cấp UFC85 giữa PVFCCo và PVCFC
4	23-027/NQ-PBHC	18/01/2023	Phê duyệt và giao kế hoạch hoạt động SXKD năm 2023 của Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP
5	23-028/NQ-PBHC	18/01/2023	Chấp thuận kế hoạch kinh doanh năm 2023 của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc
6	23-029/NQ-PBHC	18/01/2023	Chấp thuận kế hoạch kinh doanh năm 2023 của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung
7	23-030/NQ-PBHC	18/01/2023	Chấp thuận kế hoạch kinh doanh năm 2023 của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ
8	23-031/NQ-PBHC	18/01/2023	Chấp thuận kế hoạch kinh doanh năm 2023 của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ
9	23-051/NQ-PBHC	3/2/2023	Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2022
10	23-052/QĐ-PBHC	6/2/2023	Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Chi nhánh Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí-CTCP-Trung tâm Nghiên cứu và ứng dụng
11	23-063/NQ-PBHC	15/02/2023	Thông qua chương trình công tác năm 2023 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP
12	23-080/NQ-PBHC	24/02/2023	Chấp thuận thỏa thuận quyết toán Hợp đồng mua bán khí với PV Gas giai đoạn từ ngày 01/01/2014-31/12/2018
13	23-081/NQ-PBHC	24/02/2023	Chấp thuận thỏa thuận quyết toán Hợp đồng mua bán khí với PV Gas năm 2021-2022
14	23-082/QĐ-PBHC	24/02/2023	Kiện toàn nhân sự Tổ thẩm tra quyết toán vốn Dự án đầu tư xây dựng công trình nâng công suất xường NH ₃ Nhà máy đạm Phú Mỹ và xây dựng NM sản xuất NPK công nghệ hóa học
15	083/NQ-HĐQT	24/02/2023	Thông qua kế hoạch tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 tại Tổng công ty Phân bón & Hóa chất Dầu khí - CTCP
16	23-083/NQ-PBHC	24/02/2023	Thông qua kế hoạch tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 tại Tổng công ty Phân bón & Hóa chất Dầu khí - CTCP
17	23-084/NQ-PBHC	24/02/2023	Chấp thuận Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai Dự án NH ₃ -NPK với Ngân hàng TMCP Đại chúng VN
18	23-085/NQ-PBHC	24/02/2023	Phê duyệt kế hoạch dự toán chi phí đợt bảo dưỡng tổng thể Nhà máy đạm Phú Mỹ năm 2023
19	23-086/NQ-PBHC	24/02/2023	Phê duyệt hiệu chỉnh và ban hành bộ định mức cho sản xuất NPK tại Nhà máy đạm Phú Mỹ (bộ định mức 8.1)

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
20	23-090/QĐ-PBHC	28/02/2023	Thôi giao nhiệm vụ phụ trách Ban Kiểm toán nội bộ
21	23-091/QĐ-PBHC	28/02/2023	Điều động và bổ nhiệm cán bộ - Trưởng ban Kiểm toán nội bộ
22	23-092/QĐ-PBHC	28/02/2023	Thành lập Ban Tổng hợp Tổng công ty
23	23-093/QĐ-PBHC	28/02/2023	Điều động và bổ nhiệm cán bộ - Trưởng ban Tổng hợp
24	23-094/QĐ-PBHC	28/02/2023	Thôi giữ nhiệm vụ và bổ nhiệm cán bộ
25	23-100/QĐ-PBHC	1/3/2023	Điều động nhân sự đến làm việc tại Ban Tổng hợp từ ngày 01/3/2023
26	23-118/NQ-PBHC	15/03/2023	Chấp thuận giao dịch mua bán sản phẩm Ammonia (NH ₃) giữa PVFCCo và PVCFC
27	23-121/NQ-PBHC	21/03/2023	Phê duyệt Kế hoạch Khoa học và Công nghệ năm 2023 của Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP
28	23-127/NQ-PBHC	23/03/2023	Đổi tên, điều chỉnh/bổ sung chức năng nhiệm vụ, điều động nhân sự và bổ sung định biên nhân sự một số ban/đơn vị của TCT
29	23-128/NQ-PBHC	23/03/2023	Phê duyệt quyết toán quỹ lương năm 2022 của PVFCCo
30	23-136/NQ-PBHC	27/03/2023	Phê duyệt và ban hành KH hoạt động SXKD 5 năm 2021-2025 của TCT
31	23-137/NQ-PBHC	27/03/2023	Thông qua KH hoạt động năm 2023 của Ban KTNB Tổng công ty
32	23-170/NQ-PBHC	10/4/2023	Phê duyệt và ban hành định mức thưởng phạt cho sản xuất NPK
33	23-171/NQ-PBHC	10/4/2023	Thông qua Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2023
34	23-175/NQ-PBHC	13/04/2023	Thông qua phương án bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ các ban/đơn vị
35	23-177/NQ-PBHC	21/04/2023	Điều chỉnh thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của PVFCCo
36	23-190/QĐ-PBHC	27/04/2023	Bổ nhiệm lại cán bộ - Phó trưởng ban Kiểm toán nội bộ
37	23-203/QĐ-PBHC	5/5/2023	Nghỉ việc hưởng chế độ hưu trí - ông Lê Văn Quốc Việt - Phó TGD
38	23-209/NQ-PBHC	11/5/2023	Thông qua Chương trình hành động thực hiện nhiệm vụ năm 2023 của PVFCCo
39	23-210/QĐ-PBHC	11/5/2023	Thành lập Đoàn kiểm toán nội bộ đợt 1 năm 2023 của PVFCCo
40	23-229/NQ-PBHC	22/05/2023	Thông qua phương án triển khai an sinh xã hội năm 2023-2024
41	23-230/NQ-PBHC	22/05/2023	Phê duyệt danh sách các tổ chức tín dụng đầu tư tiền gửi năm 2023
42	23-231/QĐ-PBHC	22/05/2023	Sửa đổi quy chế tiền lương, phụ cấp đặc thù công việc, tiền thưởng và chế độ chính sách đối với Người quản lý tại PVFCCo
43	23-232/NQ-PBHC	22/05/2023	Phê duyệt kết quả đánh giá mức độ hoàn thành kế hoạch năm 2022 của các đơn vị trực thuộc, đơn vị thành viên của Tổng công ty
44	23-236/QĐ-PBHC	25/05/2023	Thôi nhiệm vụ phụ trách và chuyển chức danh Phó trưởng ban KTNB
45	23-237/QĐ-PBHC	25/05/2023	Thôi nhiệm vụ phụ trách và chuyển chức danh Trợ lý HĐQT

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ CÔNG TY (tiếp theo)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023 (tiếp theo)

Danh mục các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị đã thông qua và ban hành trong năm 2023 (tiếp theo):

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
46	23-254/NQ-PBHC	5/6/2023	Phê duyệt quỹ lương kế hoạch năm 2023 của PVFCCo
47	23-275/NQ-PBHC	26/06/2023	Phương án đề cử ứng cử viên bầu thành viên Hội đồng quản trị
48	23-276/NQ-PBHC	26/06/2023	Thông qua danh sách ứng cử viên bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát
49	23-286/NQ-PBHC	30/06/2023	Điều chỉnh một số bộ định mức
50	23-288/NQ-PBHC	30/06/2023	Ban hành Quy chế nội bộ về quản trị của Tổng công ty
51	23-289/QĐ-PBHC	30/06/2023	Ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT Tổng công ty
52	23-290/NQ-PBHC	4/7/2023	Phê duyệt kế hoạch vốn lưu động đối với các mặt hàng phân bón mang thương hiệu Phú Mỹ năm 2023
53	23-291/NQ-PBHC	4/7/2023	Chủ trương điều động, bổ nhiệm Phó Trưởng ban Kế hoạch và Đầu tư
54	23-295/NQ-PBHC	6/7/2023	Phân công công việc trong HĐQT Tổng công ty về lĩnh vực chuyên môn và theo dõi hoạt động của các ban/đơn vị thuộc TCT
55	23-299/QĐ-PBHC	11/7/2023	Điều động và bổ nhiệm Phó Trưởng ban Kiểm toán nội bộ
56	23-301/NQ-PBHC	12/07/2023	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp và ký hợp đồng đơn hàng thuê đơn vị cung cấp dịch vụ soát xét, kiểm toán BCTC năm 2023
57	23-309/QĐ-PBHC	19/07/2023	Sửa đổi Quy chế tiền lương, phụ cấp đặc thù công việc, tiền thưởng và chế độ chính sách đối với Người quản lý tại TCT
58	23-313/QĐ-PBHC	20/07/2023	Phê duyệt và ban hành Quy chế quản lý năng lượng tiết kiệm và hiệu quả của TCT
59	23-325/QĐ-PBHC	2/8/2023	Điều động và bổ nhiệm Phó Trưởng ban Tổng hợp
60	23-331/NQ-PBHC	10/08/2023	Thực hiện chi trả cổ tức năm 2022
61	23-339/QĐ-PBHC	15/08/2023	Thôi giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc đối với bà Lê Thị Thu Hương
62	23-345/QĐ-PBHC	23/08/2023	Kiện toàn Hội đồng Khoa học Công nghệ của TCT
63	23-348/QĐ-PBHC	24/08/2023	Phê duyệt xếp lương, mức phụ cấp công việc cho chức danh thành viên HĐQT và Ban kiểm soát TCT
64	23-351/NQ-PBHC	25/08/2023	Chấp thuận Hợp đồng hợp tác kinh doanh Dự án nhà máy sản xuất nước Oxy già giữa PVFCCo và PV Chem
65	23-353/QĐ-PBHC	31/08/2023	Chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà Lê Thị Thu Hương
66	23-355/QĐ-PBHC	30/08/2023	Bà Lê Thị Thu Hương thôi giữ chức Giám đốc Chi nhánh TCT - Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
67	23-356/QĐ-PBHC	30/08/2023	Giao nhiệm vụ kiêm nhiệm Giám đốc Chi nhánh Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP - Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng
68	23-393/NQ-PBHC	3/10/2023	Nghị quyết phiên họp tháng 9/2023 của Hội đồng quản trị Tổng công ty
69	23-490/QĐ-PBHC	26/10/2023	Ông Hoàng Trọng Dũng thôi giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP
70	23-491/QĐ-PBHC	26/10/2023	Giao nhiệm vụ cho ông Nguyễn Ngọc Anh phụ trách Hội đồng quản trị Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP
71	23-492/QĐ-PBHC	26/10/2023	Ông Lê Cự Tân thôi giữ chức Tổng giám đốc Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP
72	23-493/QĐ-PBHC	26/10/2023	Giao nhiệm vụ cho ông Đào Văn Ngọc phụ trách Ban điều hành Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP
73	23-496/NQ-PBHC	31/10/2023	Phân công công việc trong Hội đồng quản trị Tổng công ty về lĩnh vực chuyên môn và theo dõi hoạt động của các ban/đơn vị thuộc Tổng công ty
74	23-522/NQ-PBHC	17/11/2023	Thông qua mức phụ cấp áp dụng cho các chức danh phụ trách Hội đồng quản trị và phụ trách Ban điều hành Tổng công ty
75	23-525/QĐ-PBHC	20/11/2023	Thành lập Đoàn kiểm toán nội bộ đợt 2 năm 2023 của PVFCCo
76	23-536/NQ-PBHC	01/12/2023	Phê duyệt quyết toán chi phí bảo dưỡng tổng thể Nhà máy đạm Phú Mỹ năm 2023
77	23-537/NQ-PBHC	01/12/2023	Phê duyệt bổ sung kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản năm 2023 của TCT
78	23-553/QĐ-PBHC	19/12/2023	Phê duyệt mức lương và phụ cấp công việc cho chức danh thành viên Hội đồng quản trị của Tổng công ty
79	23-564/NQ-PBHC	26/12/2023	Nghị quyết phiên họp tháng 12/2023 của Hội đồng quản trị Tổng công ty
80	23-565/NQ-PBHC	27/12/2023	Phê duyệt điều chỉnh một số chỉ tiêu kế hoạch hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2023 của PVFCCo
81	23-566/NQ-PBHC	27/12/2023	Chấp thuận điều chỉnh kế hoạch kinh doanh năm 2023 của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc
82	23-567/NQ-PBHC	27/12/2023	Chấp thuận điều chỉnh kế hoạch kinh doanh năm 2023 của Cty CP Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung
83	23-568/NQ-PBHC	27/12/2023	Chấp thuận điều chỉnh kế hoạch kinh doanh năm 2023 của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ
84	23-569/NQ-PBHC	27/12/2023	Chấp thuận điều chỉnh kế hoạch kinh doanh năm 2023 của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ
85	23-570/NQ-PBHC	27/12/2023	Phê duyệt và giao kế hoạch hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2024 của PVFCCo
86	23-571/NQ-PBHC	27/12/2023	Chấp thuận kế hoạch kinh doanh năm 2024 của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ
87	23-572/NQ-PBHC	27/12/2023	Chấp thuận kế hoạch kinh doanh năm 2024 của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ
88	23-573/NQ-PBHC	27/12/2023	Chấp thuận kế hoạch kinh doanh năm 2024 của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc
89	23-574/NQ-PBHC	27/12/2023	Chấp thuận kế hoạch kinh doanh năm 2024 của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ CÔNG TY (tiếp theo)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Bồi dưỡng, đào tạo nâng cao kiến thức Quản trị công ty cho các thành viên Hội đồng quản trị

Tất cả các thành viên HĐQT đều có kinh nghiệm và được đào tạo về Quản trị công ty tại thời điểm được bầu và bổ nhiệm.

Việc thực hiện các quy định về Quản trị công ty

Tổng công ty tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về Quản trị công ty niêm yết:

- ▶ Đảm bảo tỷ lệ thành viên Hội đồng quản trị không điều hành và thành viên Hội đồng quản trị độc lập.
- ▶ Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông tuân thủ đầy đủ quy định của Pháp luật về doanh nghiệp và quy định quản trị đối với công ty đại chúng, niêm yết. Tổ chức họp và thông qua ý kiến Hội đồng quản trị đúng quy định của Điều lệ Tổng công ty và pháp luật về doanh nghiệp.
- ▶ Thực hiện đầy đủ và đúng hạn tất cả các nghĩa vụ công bố thông tin định kỳ và bất thường đối với công ty đại chúng, niêm yết.
- ▶ Báo cáo thường niên và các báo cáo trình Đại hội đồng cổ đông được lập với đầy đủ nội dung và thông tin về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và công tác quản trị, điều hành, giám sát của Tổng công ty.
- ▶ Hội đồng quản trị đã xây dựng và ban hành đầy đủ các Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, ban hành Quy chế đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ.
- ▶ Về nâng cao năng lực quản trị công ty, hướng tới các chuẩn mực quản trị tiên tiến khu vực và quốc tế: Thực hiện/tham gia các khóa đào tạo cho các thành viên Ban điều hành/Ban kiểm soát/các thành viên trong HĐQT.



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành

Thành viên HĐQT Louis T. Nguyễn và thành viên HĐQT Hồ Quyết Thắng hoạt động với vai trò thành viên độc lập HĐQT, đáp ứng tiêu chí thành viên độc lập không điều hành, đã tham dự và ủy quyền tham dự đầy đủ các cuộc họp và tham gia ý kiến, biểu quyết độc lập về các vấn đề quyết định của HĐQT; tham gia giám sát, chỉ đạo hoạt động của Ban điều hành theo phân công của HĐQT kể từ thời điểm được bầu vào HĐQT và cho đến khi được miễn nhiệm.

Đánh giá của thành viên HĐQT độc lập Louis T Nguyễn và thành viên độc lập HĐQT Hồ Quyết Thắng về quản trị/điều hành của Tổng công ty trong năm 2023



- ▶ Hội đồng quản trị và bộ máy điều hành đã thực hiện vai trò, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật về quản trị công ty, Điều lệ Tổng công ty và các quyết định của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị. Các thành viên Hội đồng quản trị và cán bộ điều hành đã thực hiện và tuân thủ đầy đủ trách nhiệm, quyền hạn được giao theo quy định với mục tiêu bảo vệ quyền lợi cho toàn thể cổ đông của Tổng công ty, kết quả được thể hiện qua các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2023 đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức.
- ▶ Để tiến tới và tiếp cận sát với các chuẩn mực quản trị tiên tiến, HĐQT đã nhận thức và thúc đẩy công tác rà soát, cải tiến nội dung hoạt động theo hướng tăng cường hiệu quả hệ thống quản trị và giám sát, xây dựng cơ chế phân cấp mạnh mẽ và phù hợp để giảm bớt sự tham gia vào các hoạt động mang tính chất điều hành. Trong năm 2023, Tổng công ty tiếp tục tích cực phối hợp với các đơn vị tư vấn chuyên nghiệp thực hiện chương trình tái cơ cấu nhằm tinh gọn bộ máy song song với việc triển khai cập nhật, hoàn thiện chiến lược phát triển trung và dài hạn theo định hướng được ĐHĐCĐ thông qua.
- ▶ Thành viên độc lập đã tích cực kết nối với Ban lãnh đạo và bộ phận chức năng tiếp tục tăng cường chuyển tải đến nhà đầu tư về những giá trị, những lợi thế của Tổng công ty và nỗ lực từ ban quản trị, điều hành nhằm cải thiện công tác quản trị và đảm bảo quyền lợi của cổ đông và ngược lại cũng mang những đóng góp, ý tưởng từ nhà đầu tư về cho HĐQT về đường lối, chiến lược phát triển, hay những phương hướng về tìm nhà đầu tư chiến lược. Dựa trên chiến lược phát triển trung và dài hạn mới được cập nhật, thành viên độc lập đã và đang tham gia hỗ trợ Ban lãnh đạo tìm kiếm các cơ hội, đối tác tiềm năng tham gia sản xuất, phân phối kinh doanh hóa chất và các sản phẩm phân bón bền vững. Tổng công ty đã và đang có những nền tảng quản trị tốt trong số những công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ CÔNG TY (tiếp theo)

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Báo cáo về kết quả SXKD năm 2023 và kết quả hoạt động của HĐQT, TGD của Tổng công ty

Kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng công ty

Sản lượng sản xuất

Urê Phú Mỹ: **815.548 tấn**, đạt **104%** kế hoạch năm, giảm **11%** so với cùng kỳ 2022.
NPK Phú Mỹ: **121.135 tấn**, đạt **101%** kế hoạch năm, giảm **23%** so với cùng kỳ 2022.

Sản lượng kinh doanh

Urê Phú Mỹ: **878.734 tấn**, đạt **106%** kế hoạch năm, tăng **11%** so với cùng kỳ 2022.
NPK Phú Mỹ: **137.761 tấn**, đạt **106%** kế hoạch năm, tăng **7%** so với cùng kỳ 2022.

Doanh thu hợp nhất

14.038 tỷ đồng, đạt **107%** kế hoạch năm, giảm **26%** so với cùng kỳ 2022.

Lợi nhuận trước thuế

691 tỷ đồng, đạt **113%** kế hoạch năm, giảm **90%** so với cùng kỳ 2022.

Về công tác triển khai các dự án đầu tư

HĐQT đang xem xét phê duyệt quyết toán vốn dự án NH₃-NPK. Hoàn thành ký hợp đồng BCC với PVChem về dự án nhà máy sản xuất Oxy già (H₂O₂), đang trình cơ quan có thẩm quyền và các bên liên quan thẩm định báo cáo khả thi (FS) của dự án. Đã hoàn thành dự án kho chứa bao thành phẩm 20 nghìn tấn tại Nhà máy đạm Phú Mỹ. Đang hoàn thiện báo cáo đánh giá hiệu quả đầu tư bồn acid H₃PO₄; đã hoàn thành báo cáo khả thi (FS) công trình bể chứa nước rửa bụi EU xuống NPK. Các dự án ĐTXDCB khác đang tiếp tục triển khai thực hiện.

Về công tác tái cấu trúc, sắp xếp đổi mới doanh nghiệp và hoàn thiện công tác quản lý, điều hành

Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ thực hiện xây dựng tái cơ cấu tổng thể mô hình tổ chức hoạt động Tổng công ty giai đoạn 2020-2025 gồm: thành lập mới Chi nhánh Trung tâm nghiên cứu và Ứng dụng KH-CN, Ban dự án Chuyển đổi số, tổ chức lại Văn phòng HĐQT thành Ban Tổng hợp, giữ nguyên mô hình hoạt động 04 công ty vùng miền, triển khai rà soát lại hệ thống văn bản quy phạm nội bộ, dừng thực hiện tái cơ cấu giai đoạn 2,3 theo phương án đã đề xuất, duy trì trụ sở làm việc tại 43 Mạc Đĩnh Chi, bố trí địa điểm làm việc 02 Ban tại khuôn viên Nhà máy đạm Phú Mỹ. Đã báo cáo cập nhật đến cấp có thẩm quyền về phương án tăng vốn điều lệ giai đoạn 2023-2025.

Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Tổng công ty

- Tình hình tài chính của TCT được ghi nhận và phản ánh hợp lý, các chỉ tiêu doanh thu hợp nhất tăng so với kế hoạch; chi phí bán hàng, chi phí quản lý được kiểm soát, giảm 12% tương đương 183 tỷ đồng so với năm 2022; Lợi nhuận trước thuế và sau thuế hợp nhất hoàn thành vượt 13% và 14% kế hoạch năm. Tổng tài sản hợp nhất đến 31/12/2023 là 13.309 tỷ đồng, giảm 25% so với đầu năm (13.309/17.699).
- Các chỉ tiêu khả năng sinh lời giảm so với năm trước, cụ thể ROA đạt 3,98%, ROE đạt 4,59%, ROS đạt 4,92%. Chỉ tiêu khả năng thanh toán ngắn hạn = 6,5 lần nên được đảm bảo.
- Trong năm 2023, TCT đã tắt toán toàn bộ khoản nợ gốc và lãi vay Dự án NH₃-NPK, nợ phải trả giảm 48% so với đầu năm, tương đương giảm 1.917 tỷ đồng, nợ phải thu tăng 25,16% so với đầu năm, tương đương tăng 174 tỷ đồng. Trong năm, Công ty mẹ tiếp tục thực hiện cân đối và sử dụng nguồn tiền nhàn rỗi đầu tư có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng và đã thu được 439 tỷ đồng tiền lãi. Hệ số bảo toàn vốn > 1 nên TCT bảo toàn và phát triển được vốn chủ sở hữu.



Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát

- Ban kiểm soát đã hoàn thành công tác kiểm tra, giám sát thường xuyên và định kỳ về tình hình hoạt động của TCT theo đúng kế hoạch được ĐHCĐ thường niên năm 2023 thông qua, phối hợp tổ chức kiểm tra về hoạt động SXKD năm 2022, 6 tháng và 9 tháng đầu năm 2023 tại các Công ty thành viên, Đơn vị trực thuộc.
- Thông qua công tác kiểm tra, giám sát thường xuyên, liên tục và có tính hệ thống bằng hình thức trực tiếp và gián tiếp, Ban kiểm soát đã có một số ý kiến trao đổi, tư vấn, cảnh báo và kiến nghị đối với một số tồn tại trong công tác quản lý và điều hành tại TCT và các Công ty thành viên.
- Các thành viên Ban kiểm soát đã nỗ lực, chủ động giải quyết công việc độc lập, đề xuất xử lý các vấn đề trong phạm vi công việc được phân công, tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và các cuộc họp của Ban TGD; đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ TCT và quy chế hoạt động Ban kiểm soát.



Thù lao, chi phí hoạt động các lợi ích khác của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát

- Tiền lương, thưởng, thù lao của các thành viên được xây dựng, thực hiện theo Nghị định số 53/2016/NĐ-CP và theo Nghị quyết đã được ĐHCĐ thường niên năm 2023 thông qua.
- Chi phí hoạt động của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát bao gồm: Chi phí văn phòng phẩm, trang thiết bị, cước điện thoại, internet, công tác phí và chi phí tiếp khách, hội họp, đã được hạch toán vào chi phí kinh doanh theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và được lập thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm 2023 của Tổng công ty.



Tổng kết các phiên họp của Ban kiểm soát, các kết luận kiến nghị, kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Tổng công ty

Ban kiểm soát đã tổ chức 6 cuộc họp định kỳ về các vấn đề: phân công nhiệm vụ để phân công nhiệm vụ các thành viên; thông qua kế hoạch kiểm tra giám sát các đơn vị; thẩm định báo cáo tài chính quý/6 tháng/năm; thông qua báo cáo giám sát, báo cáo thẩm định tiền lương, báo cáo tổng kết tình hình thực hiện nhiệm vụ của cá nhân, tập thể Ban kiểm soát; kiến nghị Hội đồng quản trị khẩn trương kiện toàn chức danh Chủ tịch HĐQT và Tổng giám đốc TCT để hoàn tất việc đăng ký thay đổi Người đại diện theo pháp luật, đảm bảo hoạt động SXKD của TCT được liên tục, ổn định theo Điều lệ TCT và Pháp luật hiện hành.

Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Tổng công ty, Công ty con, Doanh nghiệp khác do Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc/Giám đốc, người điều hành khác của Doanh nghiệp và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tổng công ty với Công ty, trong đó thành viên HĐQT, Tổng giám đốc/Giám đốc, người điều hành khác của Doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là Người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 3 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch

Giao dịch giữa Tổng Công ty, Công ty con, Doanh nghiệp khác do Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc/Giám đốc, người điều hành khác của Doanh nghiệp và những người có liên quan của thành viên đó

Trong năm 2023, TCT có phát sinh các giao dịch liên quan sau:

- Giao dịch mua bán hàng hóa là các sản phẩm phân bón, hóa chất với 04 Công ty con có vốn góp chi phối trên 50%, các Công ty này ký hợp đồng làm hệ thống đại lý, phân phối sản phẩm của TCT, các giao dịch mua bán đúng quy định, đúng Điều lệ TCT, đảm bảo lợi ích của cổ đông.
- Giao dịch với các Công ty liên quan của cổ đông lớn sở hữu trên 10% gồm: hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng nhãn hiệu với PVN; hợp đồng mua bán khí với Chi nhánh TCT Khí Việt Nam - CTCP, Công ty Vận chuyển Khí Đông Nam Bộ và PVGas; giao dịch mua bán hóa chất UFC85, NH₃ với Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau; Hợp đồng thế chấp tài sản dự án NH₃-NPK với PVCombank; hợp đồng BCC với PVChem về dự án nhà máy sản xuất Oxy già H₂O₂.

Các giao dịch này đã được HĐQT thông qua và báo cáo tại báo cáo hoạt động của HĐQT trình ĐHCĐ.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ CÔNG TY (tiếp theo)

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT (tiếp theo)

Giao dịch giữa Tổng công ty với Công ty, trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là Người quản lý doanh nghiệp (Công ty con) trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch
Không phát sinh



Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người điều hành khác

- ▶ HĐQT đã triển khai thực hiện các nội dung được Đại hội đồng cổ đông thông qua, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty được thường xuyên, liên tục.
- ▶ Các thành viên Hội đồng quản trị phụ trách từng lĩnh vực, thẩm tra các nội dung thuộc thẩm quyền để HĐQT ra quyết định, giám sát, chỉ đạo, đôn đốc TCT triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT theo lĩnh vực được phân công, tổ chức đầy đủ các cuộc họp định kỳ.
- ▶ Hội đồng quản trị làm việc với tinh thần trách nhiệm và minh bạch trong công tác quản trị.
- ▶ Ban điều hành chỉ đạo và thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, quyết định điều hành kịp thời, linh hoạt, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023.



Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông

Ban kiểm soát đã nhận được sự phối hợp chặt chẽ của HĐQT, TGD trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao. HĐQT, TGD đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ giám sát công tác quản trị và điều hành TCT; kiểm tra giám sát hoạt động tại các Chi nhánh, đơn vị trực thuộc, Công ty thành viên để có những kiến nghị, biện pháp xử lý kịp thời những vấn đề tồn tại nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, đảm bảo tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định hiện hành.



Kết quả thẩm định các báo cáo của Tổng công ty

Kết quả thẩm định Báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh

Ban kiểm soát đã xem xét, thẩm định các thông tin, số liệu trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động SXKD trình ĐHĐCĐ thường niên và đánh giá TCT đã hoàn thành đạt hầu hết các chỉ tiêu SXKD năm 2023 do ĐHĐCĐ quyết nghị, báo cáo đã phản ánh trung thực, hợp lý tình hình SXKD của TCT.

Kết quả thẩm định báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT

Ban kiểm soát đã xem xét, thẩm định các thông tin, số liệu trình bày trên Báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT trình ĐHĐCĐ thường niên và cho rằng báo cáo được lập phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ TCT và phản ánh hợp lý tình hình hoạt động của HĐQT.

Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2023

Trên cơ sở BCTC riêng và BCTC hợp nhất cho kỳ hoạt động cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 31/12/2023 do TCT ban hành và các số liệu TCT cung cấp, sau khi xem xét và thẩm định, Ban kiểm soát cho rằng:

- ▶ BCTC đã phản ánh hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của TCT. Việc lập và trình bày BCTC phù hợp với các quy định của Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp.
- ▶ TCT đã lập và nộp BCTC theo đúng quy định, công bố thông tin định kỳ cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán theo thời hạn quy định.
- ▶ Ban kiểm soát nhất trí với BCTC riêng, BCTC hợp nhất cho kỳ hoạt động cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 31/12/2023, đã được kiểm toán Deloitte Việt Nam thực hiện kiểm toán và ký báo cáo kiểm toán ngày 08/03/2024.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ



ĐIỂM THỰC THI ESG (VNSI 2023) CỦA PVFCCo THEO TIÊU CHÍ CHẤM ĐIỂM CỦA HoSE VỀ QUẢN TRỊ: THỰC HIỆN QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG (56%); ĐẢM BẢO VAI TRÒ CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN (83%); CÔNG BỐ THÔNG TIN MINH BẠCH (89%); TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (50%); MÔI TRƯỜNG KIỂM SOÁT (50%).

Mục đích chung

Tăng cường hoạt động công bố thông tin minh bạch, kịp thời; Nỗ lực đảm bảo đối xử bình đẳng, đảm bảo quyền lợi của cổ đông, qua đó nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp và chất lượng thực thi theo bộ tiêu chuẩn phát triển bền vững

- ▶ Cam kết thực hiện nhất quán nguyên tắc trong hoạt động quan hệ cổ đông, đảm bảo tuân thủ các quy định trong công bố thông tin đối với các doanh nghiệp niêm yết, dựa trên tính minh bạch và quyền tiếp cận thông tin công bằng.
- ▶ Có đầu mối chuyên trách thực hiện các hoạt động Quan hệ Nhà đầu tư nhằm đảm bảo thông tin công bố được thống nhất, phê duyệt, chỉ đạo và giám sát từ cấp lãnh đạo cao nhất trong Tổng công ty.
- ▶ Đảm bảo mọi cổ đông đều có quyền tiếp cận công bằng và thuận lợi thông qua các hình thức truyền thông đa dạng (trực tiếp, gián tiếp, các tổ chức trung gian...).

Trong năm 2023, bộ phận IR đã triển khai các hoạt động chính như sau

- ▶ **Tiếp xúc cổ đông:** Chủ trì và tham gia 25 sự kiện gặp mặt, tiếp xúc với trên 500 lượt nhà đầu tư, cổ đông định kỳ và theo yêu cầu. Định kỳ hàng quý, Tổ IR đều tổ chức họp trực tuyến và trực tiếp với đại diện các quỹ đầu tư trong và ngoài nước, các chuyên viên phân tích từ các tổ chức môi giới lớn trên thị trường để cập nhật thông tin về kết quả sản xuất kinh doanh và trả lời các vấn đề được nhà đầu tư quan tâm.
- ▶ **Thực hiện công bố thông tin định kỳ và bất thường, các ấn phẩm truyền thông chuyên biệt dành cho cổ đông và nhà đầu tư:** Bản tin Nhà đầu tư phát hành bán niên và Bản báo cáo thường niên, họp định kỳ hàng quý để cập nhật, giải đáp thắc mắc về kết quả hoạt động thường kỳ thông qua các cuộc họp trực tiếp và trực tuyến với nhà đầu tư, các tổ chức môi giới trong và ngoài nước.
- ▶ **Tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2023 theo quy định.** Bộ phận IR đã tích cực phối hợp, kết nối nhằm hỗ trợ đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời tới các cổ đông trước, trong và sau cuộc họp theo đúng quy định và hỗ trợ các thủ tục liên quan tới việc thực hiện đầy đủ quyền của cổ đông tại các phiên họp.

Trong năm 2024, tiếp nối nền tảng và các định hướng về hoạt động Quan hệ Nhà đầu tư, dưới sự chỉ đạo và hỗ trợ của Ban lãnh đạo TCT, mảng IR sẽ tiếp tục được củng cố, triển khai nhằm gắn kết với các mục tiêu chiến lược của công ty với mục tiêu không ngừng nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp; minh bạch trong công bố thông tin hoạt động trên mọi lĩnh vực; đảm bảo tuân thủ các quy định, nguyên tắc đối xử công bằng với cổ đông; hướng tới sự phát triển ổn định, bền vững và không ngừng giá tăng giá trị đối với xã hội, cổ đông, đối tác và người lao động.

BÁO CÁO NHẬN DIỆN VÀ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ RỦI RO

Việc xác định các yếu tố rủi ro nhằm quản trị để hạn chế và đảm bảo an toàn hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư trong năm 2023, PVFCCo đã xác định các nhóm rủi ro then chốt và triển khai các giải pháp quản trị rủi ro hiệu quả để đạt được các mục tiêu:

- Đảm bảo vận hành an toàn Nhà máy đạm Phú Mỹ trong điều kiện nhà máy, thiết bị ngày càng già cỗi, giá nguyên vật liệu đầu vào luôn biến động, thị trường tiêu thụ ngày càng cạnh tranh khốc liệt.
- Đa dạng hóa sản phẩm mới, ổn định và phát triển sản phẩm truyền thống nhằm khẳng định vị trí dẫn đầu về sản xuất và kinh doanh phân bón tại thị trường nội địa.
- Vận hành các dự án đầu tư mới với các sản phẩm mới, triển khai kinh doanh tốt các sản phẩm phân bón và hóa chất do Tổng công ty sản xuất nhằm đạt được mục tiêu chiến lược dài hạn của PVFCCo.

Nhằm đạt được các mục tiêu ở trên để phát triển PVFCCo bền vững kết hợp với trách nhiệm bảo vệ lợi ích tốt nhất cho các cổ đông, hài hòa với trách nhiệm xã hội, năm 2023 vừa qua, PVFCCo luôn quản trị tốt các từng nhóm rủi ro trọng yếu như sau:

RỦI RO VỀ THỊ TRƯỜNG

Rủi ro cung vượt cầu:

Độ mở ngày càng rộng của nền kinh tế Việt Nam bên cạnh tác động tích cực cũng có ảnh hưởng mạnh đến hoạt động kinh doanh của PVFCCo từ mức độ cạnh tranh ngày càng khốc liệt trên thị trường phân bón thế giới và trong nước. Trước thách thức này, PVFCCo đã tập trung kiện toàn và điều chỉnh hệ thống phân phối trong nước, tăng cường chăm sóc khách hàng nhằm phát triển có chiều sâu để tạo mối liên kết bền vững giữa Công ty mẹ với Công ty thành viên và hệ thống đại lý bao phủ khắp các vùng miền trên cả nước, điều động hàng hóa về các khu vực tiêu thụ trọng điểm để chiếm lĩnh thị trường, duy trì lợi thế cạnh tranh so với các đối thủ cùng ngành, giữ vững thương hiệu. Đây là một kế hoạch mang tính chiến lược và dài hạn giúp Tổng công ty phát triển hệ thống bán hàng ổn định, vững chắc và mang tính lâu dài.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu đầu vào:

Nguồn nguyên liệu chính là giá khí đã biến động tăng rất mạnh trong năm 2022 cho đến nay. Với đặc thù sản xuất và kinh doanh phân bón, giá thành sản phẩm chính của PVFCCo chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi biến động của giá dầu trên thế giới, trong nhiều năm qua giá dầu thế giới biến động tăng/giảm không ổn định. Lợi nhuận của PVFCCo phụ thuộc rất lớn vào biến động chi phí nguyên liệu đầu vào để sản xuất phân bón.

Để ứng xử với rủi ro về giá dầu giá khí trong việc hoạch định và thực hiện các mục tiêu kinh doanh trong ngắn hạn, PVFCCo đã linh hoạt lập dự báo kế hoạch sản xuất kinh doanh trên nền các kịch bản về giá dầu, giá khí để kiểm soát sự thay đổi trong điều kiện môi trường kinh doanh nhiều biến động. Đồng thời, PVFCCo đã đàm phán với nhà cung cấp để có lộ trình giá khí phù hợp để sản xuất.

Rủi ro về giá bán giảm:

Từ khi gia nhập các Hiệp định tự do thương mại, bất kỳ một sự thay đổi nào về giá phân bón thế giới cũng sẽ tác động ngay đến giá phân bón trên thị trường nội địa vì luôn phải cạnh tranh quyết liệt với phân bón nhập khẩu nước ngoài và nguồn hàng nhập khẩu tiểu ngạch các nước lân cận.

PVFCCo là nhà sản xuất và kinh doanh phân bón luôn phải cân bằng giữa rủi ro và cơ hội để quyết định bán sản phẩm ở mức giá hợp lý sát với giá thị trường tại các thời điểm nhằm giữ vững thị phần và duy trì lợi thế cạnh tranh.

Rủi ro về tính thanh khoản của khách hàng:

PVFCCo không ngừng đề ra chính sách bán hàng và chính sách tín dụng thương mại linh hoạt phù hợp với thị trường và được triển khai thực hiện, kiểm soát và quản trị có hệ thống từ Công ty mẹ đến các Công ty thành viên, hạn mức tín dụng trong hoạt động bán hàng được xây dựng riêng cho từng nhóm sản phẩm, từng khách hàng trên cơ sở đánh giá năng lực tài chính, mức độ tín nhiệm và khả năng hợp tác của từng khách hàng, đại lý. Kế hoạch vốn lưu động nói chung và định mức hàng tồn kho, công nợ nói riêng là công cụ theo dõi, kiểm soát chặt chẽ trong suốt quá trình triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh.

Rủi ro trong việc phát triển sản phẩm mới:

PVFCCo đã không ngừng đẩy mạnh công tác nghiên cứu và phát triển nhằm đổi mới, sáng tạo, cải tiến sản phẩm, tạo ra nhiều sản phẩm khác biệt, chất lượng vượt trội để đáp ứng thị hiếu của nông dân cũng như dẫn dắt thị trường vào các sản phẩm chất lượng cao. Các sản phẩm mới trong giai đoạn thử nghiệm, gia nhập thị trường tiềm ẩn rủi ro.

Thực hiện các giải pháp linh hoạt, đồng bộ để ứng phó ảnh hưởng từ nhóm các rủi ro thị trường, đảm bảo triển khai kế hoạch quản trị rủi ro kịp thời và hiệu quả:

- Tập trung quản trị, hoàn thiện hệ thống phân phối, thực hiện phát triển chiến lược truyền thông, quản trị thương hiệu để thúc đẩy, hỗ trợ công tác bán hàng nhằm duy trì lợi thế cạnh tranh và khả năng sinh lời phù hợp, khẳng định vị thế thương hiệu phân bón Phú Mỹ trên thị trường nội địa.
- Tổ chức hệ thống kênh thông tin thông suốt từ Công ty mẹ đến các Công ty thành viên và hệ thống Đại lý để nắm bắt thông tin thị trường nhanh và chính xác, có khả năng ứng phó linh hoạt với diễn biến thị trường từng khu vực, từng thời điểm.
- Đánh giá lại giá cả sản phẩm cho phù hợp với thị trường và đối thủ, tăng cường chiến lược marketing, phát triển kênh bán hàng online mới để mở rộng đối tượng khách hàng và quy mô kinh doanh, giúp tăng doanh số bán hàng, giảm tồn kho.
- Nghiên cứu, xây dựng các chính sách quản lý rủi ro hợp lý để giảm tác động của biến động giá trên hoạt động kinh doanh.
- Công tác quản lý hệ thống phân phối tiếp tục được tăng cường và hoàn thiện theo mục tiêu phát triển hệ thống phân phối bền vững, xuyên suốt.
- Xác định công tác tái cấu trúc là một nhiệm vụ quan trọng nên PVFCCo đã nỗ lực triển khai nhằm tận dụng, phát huy thế mạnh và sử dụng nguồn lực hiệu quả nhất nhằm tăng năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững trong giai đoạn tới.
- Ngoài các giải pháp ứng phó rủi ro thị trường được triển khai thường xuyên theo từng giai đoạn, PVFCCo còn xây dựng một chiến lược phát triển thị trường mang tính lâu dài.

RỦI RO TRONG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT

PVFCCo đã vận hành an toàn Nhà máy liên tục và ghi nhận những kỷ lục ấn tượng. Tuy nhiên do Nhà máy đã vận hành liên tục hơn 20 năm nên vẫn tiềm ẩn rủi ro, vì vậy trong những năm tiếp theo các hoạt động quản trị rủi ro sẽ tập trung vào:

- Rủi ro cháy nổ, sự cố tại Nhà máy làm gián đoạn hoạt động sản xuất.
- Quản lý chất lượng sản phẩm.
- Quản lý và xử lý sự cố trong sản xuất.
- Nâng cao ứng dụng trong cải tiến công nghệ và phát huy sáng kiến.
- Nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới.
- Rủi ro an toàn bảo mật thông tin.



BÁO CÁO NHẬN DIỆN VÀ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ RỦI RO (tiếp theo)

RỦI RO TRONG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT (tiếp theo)

Trong năm 2023 và những năm tới PVFCCo đã nhận diện, xử lý rủi ro thông qua giải pháp



- Huy động tối đa nguồn lực để nhanh chóng xử lý các sự cố, đưa thiết bị trở lại hoạt động bình thường; Vận hành các xưởng sản xuất tại Nhà máy đạm Phú Mỹ an toàn, đảm bảo chất lượng sản phẩm; Thực hiện Bảo dưỡng Nhà máy hiệu quả, tiết kiệm.
- Tiếp tục duy trì phương thức vận hành sản xuất sản lượng tối đa sản phẩm urê của Nhà máy đạm Phú Mỹ và Nhà máy NPK cùng với vận hành ổn định Nhà máy sản xuất UFC85/Formaldehyde nhằm cải thiện độ cứng của hạt urê, nâng cao chất lượng sản phẩm của chính PVFCCo và khách hàng - các Nhà máy sản xuất urê.
- Theo dõi hiệu chỉnh và ban hành các Bộ định mức kinh tế kỹ thuật nhằm tối ưu hóa chi phí sản xuất.
- Chú trọng đến việc cập nhật và xây dựng ban hành các phương án kỹ thuật theo tình hình thực tế để kịp thời đối phó với các sự cố bất thường trong sản xuất.
- Thực hiện tốt công tác bảo dưỡng định kỳ, bảo dưỡng phòng ngừa, mua sắm vật tư dự phòng đối với thiết bị quan trọng và rủi ro cao trong Nhà máy, đặc biệt đối với các thiết bị tinh quan trọng. Ngoài ra, hàng năm duy trì tham gia hội thảo công tác bảo dưỡng sửa chữa đối với các Nhà máy khâu chế biến dầu khí của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để học hỏi, chia sẻ kinh nghiệm và đề ra định hướng, hoạch định chiến lược quản trị đối với công tác bảo dưỡng, sửa chữa theo xu thế máy móc tuổi càng cao.
- Sử dụng các công cụ tiên tiến phục vụ cho vận hành, bảo dưỡng và quản lý thiết bị như: DCS (Distributed Control System), IMS (Information Management System), MMS (Machinery Monitoring System), PLC (Program Logic Control), OTS (Operate training simulator).
- Tổng công ty đã xây dựng Chiến lược bảo dưỡng Nhà máy theo hướng dài hạn, ứng dụng những phương thức quản lý bảo dưỡng hiện đại CBM (Condition Based Maintenance), RCA (Root Cause Analysis), FMEA (Failure Mode and Effect Analysis), RBI (Risk Based Inspection), RCM (Reliability Centred Maintenance),... Tiếp tục triển khai đề án Nâng cao năng lực vận hành, bảo dưỡng và hiệu quả của Nhà máy nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm chi phí, duy trì, nâng cao vị thế và năng lực cạnh tranh của TCT phù hợp với định hướng phát triển/chiến lược phát triển của TCT, PVN.
- Tối ưu việc áp dụng các hệ thống phần mềm hiện hữu như: Hệ thống CMMS - Computerized Maintenance Management System: các hoạt động bảo dưỡng sửa chữa của Nhà máy đã được thực hiện thông qua hệ thống CMMS: từ yêu cầu công việc, lập kế hoạch thực hiện, xuất vật tư cho bảo dưỡng, lưu hồ sơ kết quả bảo dưỡng, kiểm soát tồn kho; hệ thống quản lý sản xuất OPM của Oracle - Oracle Process Manufacturing, ...
- Bên cạnh đó, khai thác áp dụng phần mềm AIMS-Asset Integrity Management System, và triển khai thực hiện RBI (Risk Based Inspection) trong quản lý công tác bảo dưỡng, đánh giá tình trạng thiết bị và thu thập dữ liệu để phân tích tìm nguyên nhân hư hỏng của máy móc thiết bị. Đồng thời thực hiện kiểm tra CUI – Corrosion under Insulation (kiểm tra ăn mòn dưới lớp bảo ôn).
- Tổ chức và kiểm soát công tác giám định, kiểm định máy móc, thiết bị có yêu cầu về an toàn trong Nhà máy. Đảm bảo các thiết bị được kiểm định trước khi đưa vào sử dụng.
- Tiếp tục triển khai và áp dụng hệ thống phần mềm chuẩn hóa mã vật tư của PVFCCo theo tiêu chuẩn Shell Mesc.

Tiếp nối thành công trong quản trị sản xuất năm 2023 cũng như các năm tới, PVFCCo duy trì và sẽ triển khai có hiệu quả chiến lược đầu tư trọng điểm vào hệ thống quản trị sản xuất của Nhà máy, nhằm vào hiệu quả đơn bẩy để tối ưu hoá chi phí sản xuất và vận hành.

RỦI RO VỀ KHÍA CẠNH TÀI CHÍNH

Rủi ro giá dầu tăng

Cuộc chiến tranh giữa Nga và Ukraina chưa chấm dứt thì tại Trung Đông cũng đã xảy ra cuộc chiến giữa Israel và Hamas và nguy cơ lan rộng sang toàn khu vực cũng đã làm cho giá dầu tăng. Năm 2024 dự kiến nền kinh tế thế giới bước vào giai đoạn hồi phục sau suy thoái cũng sẽ tăng nhu cầu tiêu thụ dầu của các nền kinh tế sẽ đẩy giá dầu lên cao.

Rủi ro về tỷ giá

Năm 2023, tỷ giá ngoại tệ liên tục biến động theo xu hướng tăng do các nước liên tục tăng lãi suất để kiềm chế lạm phát đã ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh cũng như hiệu quả của dự án đầu tư có sử dụng ngoại tệ của PVFCCo. Tổng công ty đã thường xuyên theo dõi cập nhật tình hình kinh tế vĩ mô, tình hình tài chính thế giới và trong nước, theo dõi sát sao những biến động của tỷ giá để xây dựng và triển khai các phương án nhập khẩu kinh doanh phù hợp và linh hoạt, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Bên cạnh đó, công tác quản trị tài chính, phân tích, đánh giá yếu tố chênh lệch tỷ giá đến hiệu quả của các dự án đang triển khai cũng được PVFCCo xem xét cẩn trọng.

Rủi ro về tài chính và mục tiêu tái cấu trúc hoạt động đầu tư góp vốn vào Công ty liên kết

Trong năm 2023, PVFCCo đã tiếp tục tìm các giải pháp thoái vốn đầu tư tại các Công ty liên doanh liên kết. Mục tiêu của PVFCCo là thoái vốn tại các doanh nghiệp này, nhưng rất khó khăn trong việc tái cấu trúc hoạt động đầu tư góp vốn dài hạn trong bối cảnh hoạt động không hiệu quả các công ty liên kết hiện nay. Nhằm hỗ trợ các đơn vị nâng cao dần hiệu quả hoạt động, PVFCCo đã tăng cường giám sát hoạt động quản trị Công ty liên kết thông qua người đại diện phần vốn, đồng thời triển khai một số hoạt động để hỗ trợ các đơn vị trong hoạt động quản trị điều hành doanh nghiệp.

Rủi ro tồn kho

Năm 2023 có những tháng đầu năm tồn kho thành phẩm của Tổng công ty ở mức cao nên phải thường xuyên cập nhật thông tin dự báo, diễn biến thị trường trong và ngoài nước kịp thời, giúp Tổng công ty đưa ra những quyết định kinh doanh phù hợp.

Tìm kiếm, tận dụng mọi cơ hội để xuất khẩu urê để giảm áp lực cho thị trường nội địa, triển khai nhanh chóng các phương án kinh doanh, tiến tới tồn kho tối ưu để tránh rủi ro chất lượng sản phẩm.



BÁO CÁO NHẬN DIỆN VÀ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ RỦI RO (tiếp theo)

RỦI RO TRONG QUÁ TRÌNH ĐẦU TƯ DỰ ÁN

Với chiến lược phát triển PVFCCo thành một Tổng công ty mạnh trong lĩnh vực Phân bón và Hóa chất, PVFCCo đang tiến hành triển khai lập dự án đầu tư mới để đầu tư đa dạng hóa sản phẩm trên cơ sở tận dụng tối đa các nguồn lực sẵn có.

- ▶ Dự án Melamine: Rà soát, cập nhật thêm các thông tin thị trường, kỹ thuật, hiệu quả đầu tư, tìm kiếm đối tác hợp tác đầu tư.
- ▶ Dự án DEF/AdBlue: Cập nhật Báo cáo cơ hội đầu tư, đề xuất đầu tư dây chuyền, quy mô phù hợp với nhu cầu thị trường.
- ▶ Nghiên cứu cơ hội đầu tư các dự án hóa chất có thể tích hợp với tổ hợp Năng lượng Long Sơn và đề xuất với PVN (H₂SO₄, H₂O₂, NH₃&Metanol, PVC, ABS).

RỦI RO VỀ MÔI TRƯỜNG, LUẬT ĐỊNH



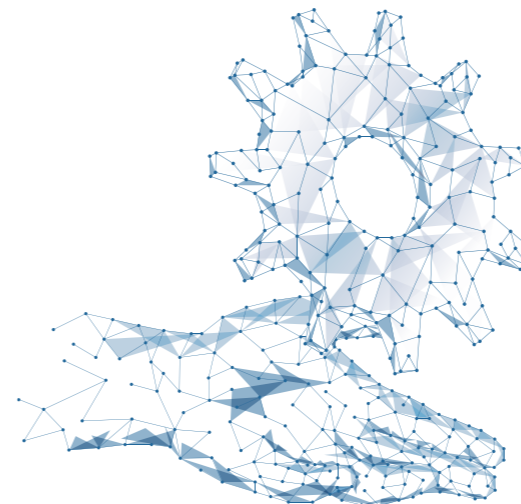
Biến đổi khí hậu đã ảnh hưởng đến hầu hết các vùng sản xuất nông nghiệp và cây trồng của nước ta. Trong tương lai, hiện tượng này được dự báo diễn biến khó lường và tác động nghiêm trọng hơn nữa, gián tiếp ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của ngành phân bón nói chung và PVFCCo nói riêng.

Chính sách thuế của Việt Nam hiện nay đang liên tục có những thay đổi, bổ sung liên quan trực tiếp đến ngành phân bón, vì vậy, các rủi ro về áp dụng chính sách thuế, thay đổi về thuế suất đối với mặt hàng phân bón có ảnh hưởng lớn đến tình hình hoạt động của PVFCCo.

PVFCCo không ngừng xây dựng, triển khai và cập nhật có hệ thống các giải pháp quản trị rủi ro cùng với việc quản trị doanh nghiệp theo các thông lệ tiên tiến nhằm phát huy vai trò và cải tiến năng lực của chức năng Kiểm toán nội bộ - một chức năng quan trọng trong hoạt động quản trị rủi ro và quản trị doanh nghiệp. Trong năm 2023, chức năng Kiểm toán nội bộ đã tiếp tục triển khai các nhiệm vụ:

- ▶ Thực hiện kiểm toán định kỳ có kết hợp kiểm tra lĩnh vực chuyên môn khác nhau, kiểm tra tổng thể các hoạt động sản xuất kinh doanh tại các Chi nhánh và Công ty thành viên với chương trình kiểm toán dựa trên các nhóm rủi ro.
- ▶ Thực hiện kiểm toán theo chuyên đề dựa trên những rủi ro hoạt động được dự báo, nhận diện và đánh giá có thể ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả kinh doanh.
- ▶ Phối hợp với tổ chức tư vấn đào tạo hoàn thành việc xây dựng hệ thống báo cáo quản trị tại PVFCCo theo các thông lệ tiên tiến, nâng cao năng lực và kỹ năng kiểm toán.
- ▶ Thông qua hoạt động kiểm toán nội bộ thường niên, chức năng kiểm toán nội bộ tại PVFCCo không ngừng bổ sung, hoàn thiện Danh mục các điểm kiểm soát trọng yếu và đánh giá hiệu quả kiểm soát nhằm duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ vận hành một cách hữu hiệu và hiệu quả.
- ▶ Tư vấn, tham mưu cho Ban lãnh đạo trong việc hạn chế, ngăn ngừa các rủi ro thông qua việc báo cáo, thẩm tra, thẩm định các báo cáo.

Với quan điểm “Phát triển bền vững, hiệu quả và nhân văn” cùng với việc không ngừng đẩy mạnh công tác quản trị theo các thông lệ tiên tiến, Ban lãnh đạo PVFCCo quyết tâm hoàn thiện và vận hành hiệu quả hệ thống quản trị rủi ro doanh nghiệp – ERM (Enterprise Risk Management), hướng đến tính chiến lược để nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, tiếp tục duy trì vị thế, thương hiệu dẫn đầu trong lĩnh vực phân bón và hoá chất của PVFCCo trong cộng đồng các nhà đầu tư.

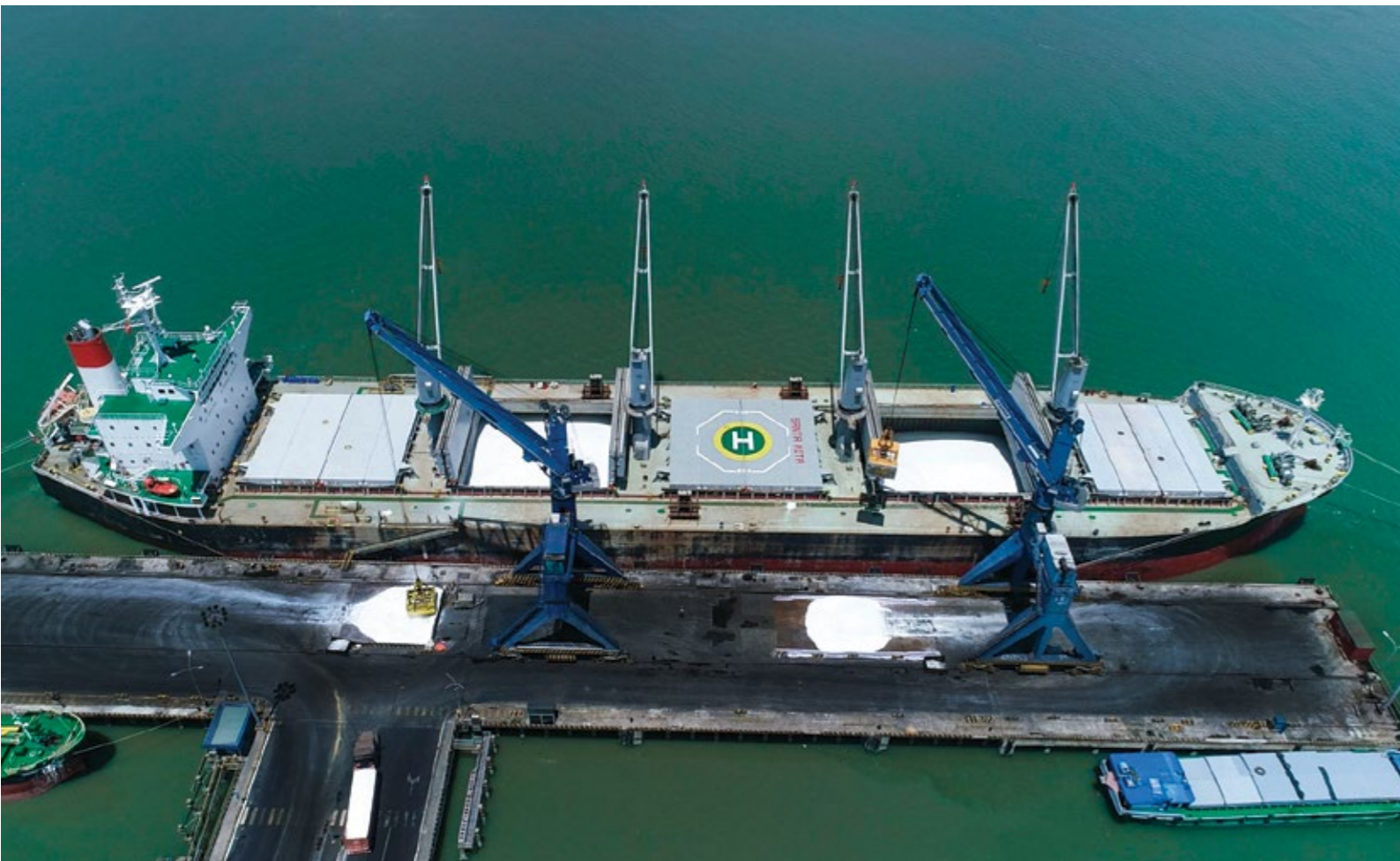


BÁO CÁO CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH KHÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH KHÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Tổng công ty áp dụng chế độ lương cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát chuyên trách và Ban điều hành theo quy định của pháp luật, quy chế quản lý tiền lương, tiền thưởng và chế độ chính sách đối với người đại diện của Tập đoàn Dầu khí, hài hòa với chính sách lương và quỹ lương hàng năm của Tổng công ty, tương xứng với năng lực và kết quả công việc của từng thành viên.

Đối với các thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách, Tổng công ty thực hiện chế độ thù lao công việc.



Chi tiết tiền lương, thù lao và tiền thưởng năm 2023

(ĐVT: Triệu đồng)

STT	Họ & tên	Chức danh	Tiền lương	Tiền thưởng	Tổng thu nhập	Ghi chú
I	Hội đồng Quản trị		7.053,6	833,7	7.887,3	
1	Hoàng Trọng Dũng	Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT	1.408,9	172,5	1.581,4	Thôi giữ chức Chủ tịch HĐQT từ 27/10/2023.
2	Lê Cự Tân	Thành viên HĐQT kiêm TGD	1.444,7	180,6	1.625,3	Thôi giữ chức TGD từ 27/10/2023
3	Dương Trí Hội	Thành viên HĐQT	1.626,4	203,3	1.829,7	
4	Trịnh Văn Khiêm	Thành viên HĐQT	1.549,0	193,6	1.742,6	
5	Hồ Quyết Thắng	Thành viên HĐQT	668,9	83,6	752,5	Giữ chức TVHĐQT từ 27/6/2023
6	Louis T Nguyễn	Thành viên HĐQT không chuyên trách	171,1	-	171,1	Thôi giữ chức TVHĐQT từ 27/6/2023
7	Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên HĐQT không chuyên trách, phụ trách HĐQT	184,7	-	184,7	Giữ chức TVHĐQT từ 27/6/2023
II	Phó TGD, KTT		9.176,1	1.147,0	10.323,1	
1	Lê Văn Quốc Việt	Phó Tổng giám đốc	567,0	70,9	637,9	Nghỉ hưu từ 01/6/2023
2	Lê Thị Thu Hương	Nguyên Phó Tổng giám đốc	907,3	113,4	1.020,7	Thôi giữ chức PTGD từ 01/09/2023
3	Đào Văn Ngọc	Phó Tổng giám đốc	1.534,9	191,9	1.726,8	
4	Trần Thị Phương Thảo	Phó Tổng giám đốc	1.626,4	203,3	1.829,7	
5	Cao Trung Kiên	Phó Tổng giám đốc	1.568,4	196,0	1.764,4	
6	Tạ Quang Huy	Phó Tổng giám đốc	1.496,8	187,1	1.683,9	
7	Võ Ngọc Phương	Kế toán trưởng	1.475,3	184,4	1.659,7	
III	Ban kiểm soát:		3.058,0	353,7	3.411,7	
1	Huỳnh Kim Nhân	Trưởng ban kiểm soát	1.626,4	203,3	1.829,7	
2	Lê Vinh Văn	Thành viên Ban kiểm soát	548,2	68,5	616,7	Thôi giữ chức TV BKS từ 27/06/2023
3	Trần Thị Phương	Thành viên Ban kiểm soát	655,2	81,9	737,1	Giữ chức TVBKS từ 27/06/2023
4	Lương Phương	Thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách	228,2	-	228,2	
Tổng cộng			19.287,7	2.334,4	21.622,1	

BÁO CÁO CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH KHÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT (tiếp theo)

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN



Ngày 16/01/2023

Cổ đông liên quan trong nhóm cổ đông Tổng công ty CP Vật tư Nông nghiệp Nghệ An thông báo đã mua 90.000 cổ phiếu và tăng tỷ lệ cùng sở hữu của nhóm cổ đông từ 5,998% lên 6,0001%.

Ngày 25/04/2023

Cổ đông liên quan trong nhóm cổ đông nước ngoài: CTBC Vietnam Equity Fund, DC Developing Markets Strategies PLC, Norges Bank thông báo bán 500.000 cổ phiếu, giảm tỷ lệ cùng sở hữu xuống 7,9141%.

Ngày 29/05/2023

Cổ đông liên quan trong nhóm cổ đông Tổng công ty CP Vật tư Nông nghiệp Nghệ An thông báo đã mua 90.000 cổ phiếu và tăng tỷ lệ cùng sở hữu của nhóm cổ đông từ 5,998% lên 6,0001%.

Ngày 20/06/2023

Cổ đông liên quan trong nhóm cổ đông nước ngoài: CTBC Vietnam Equity Fund, DC Developing Markets Strategies PLC, Norges Bank thông báo bán 800.000 cổ phiếu, giảm tỷ lệ cùng sở hữu xuống 5,9093%.

Ngày 25/08/2023

CTBC Vietnam Equity Fund, DC Developing Markets Strategies PLC, Samsung Vietnam Securities Master Investment Trust, Norges Bank thông báo bán 970.000 cổ phiếu, giảm tỷ lệ cùng sở hữu xuống 4,8491% (dưới mức 5%).

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Trong năm 2023, không phát sinh các giao dịch giữa Tổng công ty với các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và cán bộ quản lý.

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CÓ LIÊN QUAN

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với Tổng công ty	Giá trị giao dịch	
			Nội dung	Giá trị (VNĐ)
1	Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam (PVN)	Cổ đông lớn sở hữu trên 10%	Hợp đồng chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu PVN	7.598.052.684
2	Công ty CP Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	Công ty con	Hợp đồng mua bán phân bón, dịch vụ	1.893.063.337.750
3	Công ty CP Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung	Công ty con	Hợp đồng mua bán phân bón, dịch vụ	2.875.207.007.010
4	Công ty CP Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	Công ty con	Hợp đồng mua bán phân bón, dịch vụ	2.855.281.987.860
5	Công ty CP Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ	Công ty con	Hợp đồng mua bán phân bón, dịch vụ	2.174.473.612.518
6	Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP - Công ty Vận chuyển Khí Đông Nam Bộ	Công ty liên quan của Cổ đông lớn sở hữu trên 10%	Hợp đồng mua bán khí năm 2023	5.439.322.401.180
7	Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP	Công ty liên quan của Cổ đông lớn sở hữu trên 10%	Quyết toán HĐ mua khí 2014-2018	470.611.350.000
8	Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP	Công ty liên quan của Cổ đông lớn sở hữu trên 10%	Quyết toán HĐ mua khí năm 2022	-85.777.299.704
9	Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	Công ty liên quan của Cổ đông lớn sở hữu trên 10%	Hóa chất urê Formaldehyde Concentrate 85% (UFC-85)	140.722.688.611
10	Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	Công ty liên quan của Cổ đông lớn sở hữu trên 10%	Hợp đồng mua bán Amoniac	(chưa thực hiện)
11	Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (PVCcombank) - Chi nhánh TPHCM	Chi nhánh của Công ty liên quan của Cổ đông lớn sở hữu trên 10%	Hợp đồng thế chấp tài sản dự án NH ₃ -NPK	698.773.585.585

Chương 5

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

NÂNG TẦM HIỆU QUẢ LAN TỎA NIỀM TIN

- 82 Thông điệp của Tổng giám đốc về phát triển bền vững
- 84 Tổng quan báo cáo phát triển bền vững
- 86 Mô hình hoạt động kiến tạo giá trị của PVFCCo
- 89 Định hướng phát triển bền vững
- 90 Sự gắn kết với các bên liên quan
- 92 Các hoạt động phát triển bền vững của PVFCCo năm 2023



THÔNG ĐIỆP CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



TRONG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CHO GIAI ĐOẠN TỚI, CÁC YẾU TỐ VỀ MÔI TRƯỜNG - XÃ HỘI - QUẢN TRỊ (ESG) ĐÃ ĐƯỢC PVFCCo RÀ SOÁT, CẬP NHẬT VÀ TÍCH HỢP CHẶT CHẼ VỚI CÁC MỤC TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH TRUYỀN THỐNG, CÙNG VỚI NHẬN THỨC RẰNG VIỆC NHẤT QUÁN THỰC THI VÀ THEO ĐUỔI CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG SẼ ĐEM LẠI LỢI ÍCH DÀI HẠN TƯƠNG XỨNG, TRONG ĐÓ CÓ SỰ TIN TƯỜNG VÀ ỦNG HỘ CỦA NHÂN VIÊN, ĐỐI TÁC, CỔ ĐÔNG VÀ CHÍNH PHỦ.

Tổng giám đốc Tổng công ty là người cao nhất chịu trách nhiệm triển khai các chính sách/vấn đề về môi trường trong Tổng công ty.

Vào ngày 27/3/2023, PVFCCo đã long trọng kỷ niệm chặng đường phát triển 20 năm với nhiều kỷ lục, nhiều dấu ấn đáng ghi nhớ.

PVFCCo đã đặt mốc son cho chặng đường 20 năm phát triển với nhiều kỷ lục lịch sử đạt được trong năm 2022: Nhà máy đạm Phú Mỹ đạt sản lượng sản xuất urê cao nhất (920.000 tấn) với thời gian hoạt động liên tục dài nhất (xưởng urê: 277 ngày và xưởng NH₃: 464 ngày); đạt sản lượng xuất khẩu cao nhất (200.000 tấn urê); doanh thu đạt mức cao nhất gần 20.000 tỷ đồng và lợi nhuận cũng đạt mức kỷ lục gần 7.000 tỷ đồng.

Tiếp đó, Nhà máy đạm Phú Mỹ - trái tim của PVFCCo, đã cán mốc sản lượng sản xuất 15 triệu tấn vào ngày 10/10/2023 và lần thứ 3 vinh dự được trao Chứng nhận vận hành xuất sắc từ Haldor Topsoe A/S (Đan Mạch) - nhà cung cấp bản quyền công nghệ sản xuất Amoniac (NH₃).

Đây là những dấu mốc, thành tựu rất đáng tự hào và là thành quả phát triển bền vững được bồi đắp từ nhiều thế hệ lãnh đạo và cán bộ nhân viên PVFCCo trong suốt 20 năm qua.

Ở thời điểm của năm chuyển giao, PVFCCo nhận thức rằng ngành phân bón nói chung đang trải qua giai đoạn chuyển đổi quan trọng: Một mặt, các doanh nghiệp đang phải đối diện với những thách thức để cân bằng giữa mục tiêu đảm bảo an ninh lương thực toàn cầu và phát triển nông nghiệp bền vững, mặt khác là sự thay đổi về công nghệ và chuyển đổi số đang diễn ra nhanh chóng ở quy mô toàn cầu. Điều này đòi hỏi các quốc gia nói chung và các thực thể doanh nghiệp hoạt động trong ngành phân bón nói riêng cần phải linh hoạt và nhanh chóng chuyển đổi, thích ứng để đạt được các mục tiêu phát triển bền vững và hiệu quả.

Trong chiến lược phát triển cho giai đoạn tới, các yếu tố về Môi trường – Xã hội – Quản trị (ESG) đã được PVFCCo rà soát, cập nhật và tích hợp chặt chẽ với các mục tiêu sản xuất kinh doanh truyền thống, cùng với nhận thức rằng việc nhất quán thực thi và theo đuổi các mục tiêu phát triển bền vững sẽ đem lại lợi ích dài hạn tương xứng, trong đó có sự tin tưởng và ủng hộ của nhân viên, đối tác, cổ đông và Chính phủ.

Tại PVFCCo, cùng với việc cập nhật hoàn thiện định hướng phát triển cho giai đoạn tiếp theo, trong năm 2023 Tổng công ty đã đưa vào hoạt động Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng đặt tại trung tâm sản xuất Phú Mỹ. Tiếp theo đó, Tổng công ty cũng đã thành lập, hoàn thiện bộ phận chuyển đổi số với mục tiêu nắm bắt và hiện thực hóa kịp thời các cơ hội, tận dụng và ứng dụng các ưu thế về công nghệ số nhằm đảm bảo rằng các giá trị và lợi thế cạnh tranh mà Tổng công ty đã tích lũy được trong hành trình 20 năm phát triển, sẽ tiếp tục được củng cố và bồi đắp cho một hành trình phát triển mới bền vững hơn.

Mặc dù mới chỉ ở giai đoạn khởi đầu nhưng trong năm 2023, các nhóm công việc đã được tích cực triển khai. Trước mắt, Tổng công ty đã tăng cường ứng dụng chuyển đổi số và công nghệ thông tin tiên tiến trong hoạt động kinh doanh bán hàng, tiếp thị và quản lý hệ thống phân phối, dữ liệu khách hàng và nâng cao chất lượng thông tin thị trường. Đây được coi là nền tảng quan trọng để PVFCCo tiếp tục cải tiến quy trình hoạt động, đưa ra quyết sách chính xác và linh hoạt trong điều hành sản xuất kinh doanh. Về dài hạn, Tổng công ty cùng với các đối tác trong ngành tiếp tục phối hợp nghiên cứu để triển khai các dự án, chính sách nhằm hiện thực hóa các mục tiêu, cam kết về phát triển bền vững theo chiến lược phát triển trung và dài hạn.

Với nỗ lực, nguồn lực tích lũy và các cam kết được chia sẻ và sự ủng hộ tin tưởng của các cổ đông và đối tác, tôi tin rằng tập thể PVFCCo đã sẵn sàng cho chặng đường phát triển mới, vững vàng vượt qua mọi khó khăn, thử thách, biến mọi thách thức thành cơ hội để tiếp tục chinh phục những đỉnh cao mới.

Tổng Giám đốc

Phan Công Thành

TỔNG QUAN BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Báo cáo phát triển bền vững được PVFCCo tổng hợp thông tin, số liệu từ hoạt động thực tế của Tổng công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023, cùng với niên độ của Báo cáo thường niên 2023.

PHẠM VI BÁO CÁO

Nội dung báo cáo tập trung vào lĩnh vực sản xuất và kinh doanh các sản phẩm phân bón, hóa chất trong lãnh thổ Việt Nam và các thị trường nước ngoài mà PVFCCo có hiện diện sản phẩm. Hoạt động liên quan đến các công ty con/công ty thành viên theo tỷ lệ sở hữu trực tiếp của PVFCCo sẽ được tổng hợp, báo cáo trong Báo cáo thường niên 2023 riêng lẻ của các công ty thành viên. Việc công bố thông tin được xây dựng dựa trên Thông tư 96/2020/TT-BTC.

CÁC ĐƠN VỊ/THÀNH VIÊN PHỤ TRÁCH LẬP BÁO CÁO

- ▶ Ban An toàn Sức khỏe Môi trường: Đầu mối thực hiện nội dung Báo cáo Môi trường (E)
- ▶ Ban Tổ chức nhân sự và Đào tạo: Đầu mối thực hiện nội dung về Báo cáo Lao động – Xã hội (S)
- ▶ Tổ Quan hệ cổ đông – Nhà đầu tư (IR): Đầu mối thực hiện tổng hợp nội dung toàn bộ Báo cáo PTBV và thực hiện nội dung về Báo cáo Quản trị (G)
- ▶ Xem xét, xét duyệt báo cáo: Chủ tịch HĐQT/Tổng giám đốc

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Chúng tôi rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến chân thành của Quý vị để nội dung báo cáo được thực hiện minh bạch và đầy đủ hơn. Mọi ý kiến đóng góp liên quan đến vấn đề phát triển bền vững, vui lòng gửi về địa chỉ:

Tổ IR - Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí

Địa chỉ: số 43 Mạc Đình Chi, Phường ĐaKao, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại: 028. 3825 6258

Email: lienhe@pvfcco.com.vn

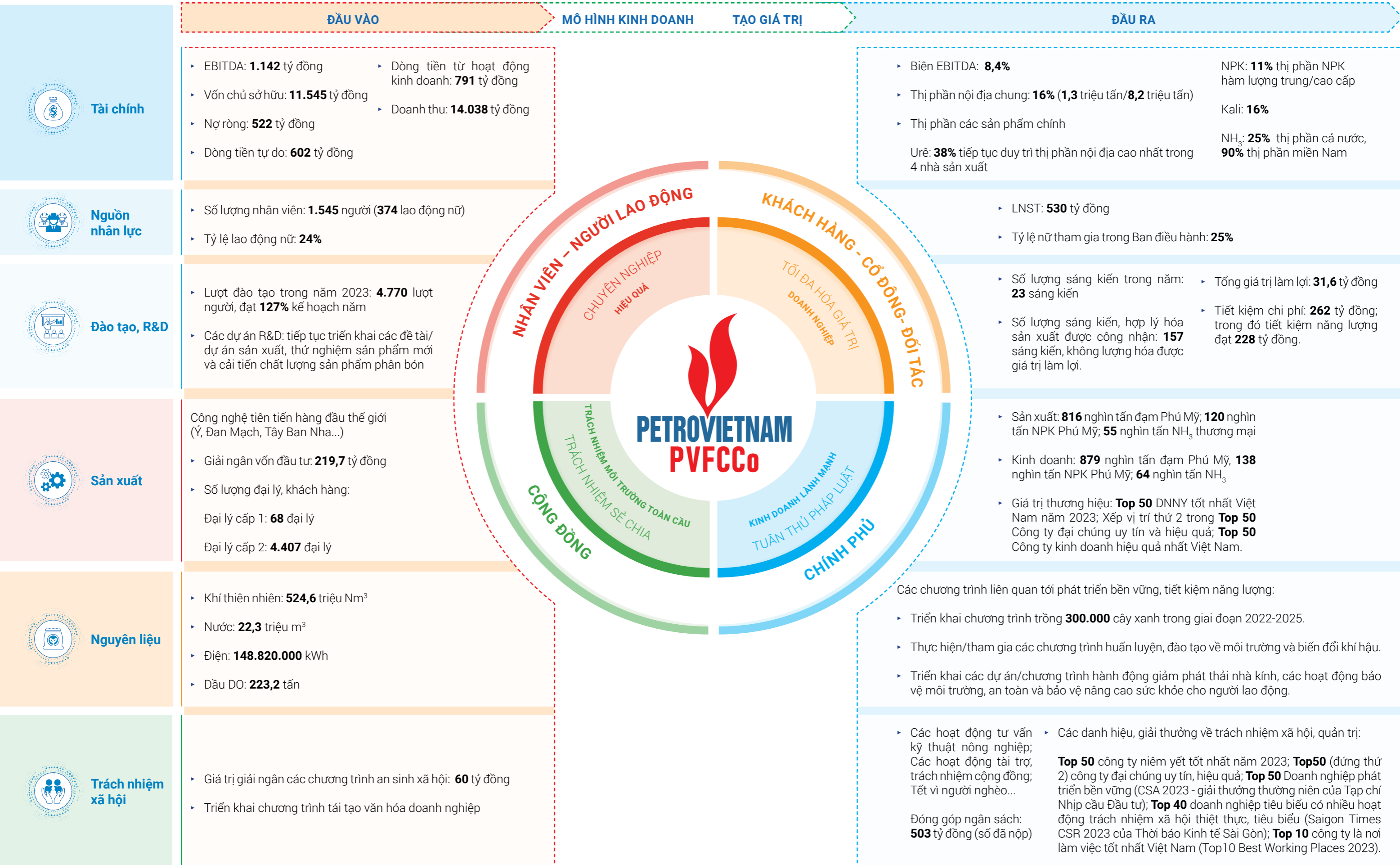
BẢO ĐẢM BÁO CÁO BỞI BÊN THỨ BA

Thông tin và nội dung Báo cáo phát triển bền vững của PVFCCo được xác nhận bởi các bên thứ 3, cụ thể như sau:

- ▶ Các chỉ tiêu tài chính theo Báo cáo tài chính năm 2023 của PVFCCo được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán Deloitte.
- ▶ Báo cáo quan trắc môi trường tại Nhà máy đạm Phú Mỹ được thực hiện bởi Trung tâm quan trắc môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, còn tại các Kho và tòa nhà văn phòng của PVFCCo được thực hiện bởi các Đơn vị có chức năng của tỉnh/thành phố.
- ▶ Các kết quả, đánh giá của PVFCCo được xác nhận và trao bởi các tổ chức có uy tín như: Top 20 Chỉ số phát triển bền vững VNSI của Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HoSE); Tạp chí Nhịp cầu Đầu tư và Ban tổ chức Giải Top 50 Công ty Phát triển bền vững.



MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG KIẾN TẠO GIÁ TRỊ CỦA PVFCCo



MỘT SỐ GIẢI THƯỞNG NỔI BẬT VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA PVFCCo NĂM 2023



Top 50 Doanh nghiệp phát triển bền vững (CSA 2023) - giải thưởng thường niên của Tạp chí Nhịp cầu Đầu tư nhằm ghi nhận và tôn vinh các doanh nghiệp tiêu biểu, có nhiều đóng góp nhằm thúc đẩy xu hướng phát triển bền vững, thân thiện với môi trường và công bằng xã hội. PVFCCo nằm trong nhóm 22 doanh nghiệp niêm yết được vinh danh, với hạng mục trao giải “Nền tảng quản trị rủi ro nổi bật”.

Top 40 Doanh nghiệp tiêu biểu có nhiều hoạt động trách nhiệm xã hội thiết thực, tiêu biểu (Chương trình bình chọn Saigon Times CSR 2023 của Tạp chí Kinh tế Sài Gòn tổ chức). Đây là năm thứ 3 liên tiếp, Tổng công ty vinh dự được nhận giải thưởng này.

Tại kỳ đánh giá chỉ số Phát triển bền vững (PTBV), kỳ đánh giá tháng 7/2023 của Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HoSE), cổ phiếu DPM tiếp tục duy trì trong rổ cổ phiếu PTBV - VNSI và là đơn vị duy nhất trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam nằm trong rổ chỉ số VNSI từ kỳ đánh giá đầu tiên vào tháng 7/2017 đến nay, với điểm đánh giá chung năm 2023 là 80% (Môi trường: 88%, Xã hội: 80% và Quản trị: 66%). Các điểm số đánh giá 2023 đều tiến bộ hơn so với kỳ đánh giá năm trước, cao hơn trung bình ngành và cao hơn trung bình của VN100 khá nhiều.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

TẦM NHÌN - SỨ MỆNH NỀN TẢNG

Giữ vững vị thế là nhà sản xuất và kinh doanh phân bón đứng đầu Việt Nam, từng bước mở rộng sang lĩnh vực sản xuất kinh doanh hóa chất cơ bản và hóa chất hóa dầu, trở thành doanh nghiệp đạt chuẩn mực quốc tế trong ngành phân bón và hóa chất.

CÁC NGUYÊN TẮC VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA PVFCCo

Tổng công ty là một doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực phân bón và hóa chất, gắn liền với nông nghiệp, nông dân, nông thôn Việt Nam (khu vực chiếm đến gần 70% dân số cả nước). Trong chiến lược phát triển của mình, Tổng công ty đặt mục tiêu phát triển bền vững là quan điểm, nguyên tắc và giá trị cốt lõi của doanh nghiệp. Trong chặng đường phát triển gần 20 năm qua, triết lý kinh doanh “phát triển doanh nghiệp đi đôi với bảo vệ môi trường và thực hiện trách nhiệm xã hội” đã được các thế hệ người lao động Tổng công ty gìn giữ và phát triển như một tài sản, một nét đẹp văn hóa của doanh nghiệp. Tổng công ty luôn đảm bảo cân bằng và tối ưu việc thực hiện đồng thời các mục tiêu:

- (1) **Phát triển có hiệu quả về kinh tế;**
- (2) **Phát triển hài hòa các mặt xã hội; nâng cao mức sống, nhận thức của dân cư, trong đó đặc biệt chú trọng đến khu vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn;**
- (3) **Cải thiện môi trường sống, bảo đảm phát triển lâu dài vững chắc cho thế hệ hôm nay và mai sau.**



SỰ GẮN KẾT VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

PVFCCo đã và đang tiếp tục xây dựng và phát triển mối quan hệ hợp tác và gắn kết với các bên có liên quan dựa trên sự tin tưởng, minh bạch và hỗ trợ lẫn nhau. Sự gắn kết chặt chẽ với các bên có liên quan sẽ là nền tảng vững chắc cho việc theo đuổi và duy trì sự phát triển bền vững của Tổng công ty, cũng như góp phần chung tay cùng xã hội thực hiện thành công định hướng chiến lược phát triển bền vững của Việt Nam nói riêng và thế giới nói chung.

Những nguyên tắc và hoạt động cụ thể gắn kết với các bên liên quan trong thời gian qua Tổng công ty đã triển khai, như sau:



Đối với nhân viên:

Xây dựng văn hóa PVFCCo “Chuyên nghiệp - Hiệu quả; Năng động - Sáng tạo; Khát vọng - Vươn xa; và Trách nhiệm - Sẻ chia” thông qua việc tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, xây dựng chính sách nhân viên phù hợp, đồng thời cũng là nơi mà nhân viên được xã hội tôn trọng thông qua đào tạo và đổi mới.



Đối với khách hàng:

Cung cấp sản phẩm đảm bảo chất lượng, giải pháp sử dụng hiệu quả, và dịch vụ tốt nhất cho khách hàng.



Đối với cổ đông:

Tổng công ty luôn phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm tối đa hóa giá trị doanh nghiệp.



Đối với Chính phủ:

Tổng công ty luôn đảm bảo hoạt động kinh doanh lành mạnh và tuân thủ pháp luật. Cụ thể, những nội dung Tổng công ty đã, đang triển khai và kết quả đạt được:

Nộp ngân sách Nhà nước 565 tỷ đồng, đạt 235% Kế hoạch năm 2023



Đối với đối tác kinh doanh:

Trong quan hệ với các đối tác kinh doanh, Tổng công ty luôn giữ nguyên tắc: Cạnh tranh lành mạnh, hợp tác cùng có lợi và đảm bảo hài hòa lợi ích cho khách hàng.



Đối với cộng đồng và xã hội:

Tổng công ty luôn cam kết thực hiện trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội.

- ▶ Bên cạnh việc phát triển hiệu quả, bảo vệ môi trường của doanh nghiệp, Tổng công ty luôn quan tâm và thực hiện đầy đủ trách nhiệm của mình đối với người lao động và đối với xã hội thông qua nhiều hoạt động an sinh xã hội.
- ▶ Năm 2023, Tổng công ty đã thực hiện nhiều hạng mục công trình/chương trình với số tiền giải ngân khoảng 60 tỷ đồng.



Đối với môi trường và các vấn đề toàn cầu:

Tổng công ty luôn đặt yêu cầu phát triển bền vững, gìn giữ môi trường và thực hiện trách nhiệm với cộng đồng và xã hội là phương châm hoạt động của mình.

Trong năm vừa qua, Tổng công ty vẫn luôn cam kết bảo vệ môi trường đồng thời tích cực tham gia các Chương trình hành động năm trong “Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050” và “Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến 2050” của Chính phủ nhằm thực hiện các cam kết của Việt Nam tại Hội nghị lần thứ 26 các Bên tham gia Công ước khung của Liên Hợp Quốc về Biến đổi khí hậu (COP26).



CÁC HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA PVFCCo NĂM 2023

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG VỀ KINH TẾ



Năm 2023, trong bối cảnh chung của nền kinh tế, cũng như thị trường phân bón đối mặt với nhiều khó khăn và bất lợi, PVFCCo đã nỗ lực thực hiện và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2023:

- Tổng doanh thu đạt hơn 14 nghìn tỷ đồng, giảm 26% so với năm 2022.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 691 tỷ đồng, giảm 90% so với năm 2022.

Nhằm quản lý, phân bổ và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn lực, Tổng công ty triển khai áp dụng công nghệ thông tin, phần mềm hỗ trợ, chương trình quản lý tiên tiến trong hoạt động quản lý và điều hành doanh nghiệp, như quản lý hệ thống văn bản điện tử, xây dựng và áp dụng phần mềm hoạch định nguồn lực doanh nghiệp - ERP, STOP, 5S, APC, System 1, RBI, KPI...

Hoạt động sáng kiến cải tiến và hợp lý hóa sản xuất kinh doanh luôn được Ban lãnh đạo Tổng công ty quan tâm và chỉ đạo sát sao. Trong năm 2023, có 23 sáng kiến cải tiến được công nhận với giá trị làm lợi là gần 32 tỷ đồng và 157 sáng kiến hợp lý hóa sản xuất được công nhận không lượng hóa được giá trị làm lợi.

Hoạt động khoa học công nghệ, nghiên cứu phát triển tiếp tục được Tổng công ty quan tâm triển khai. Trong giai đoạn từ năm 2020-2023, các đơn vị, nhóm tác giả đã nỗ lực hoàn thành/ triển khai: 09 đề tài nghiên cứu khoa học, trong đó đã hoàn thành nghiệm thu quyết toán 03 đề tài riêng năm 2023. Ngoài ra, có 06 hoạt động hỗ trợ khoa học công nghệ, 02 hạng mục chỉ quản lý quỹ phát triển khoa học công nghệ.

Triển khai thực hiện có hiệu quả về công tác cải cách thủ tục hành chính, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí để tiết giảm tối đa các chi phí về quản lý, giá thành sản phẩm. Tổng số tiết kiệm chi phí trong năm 2023 ước đạt 262 tỷ đồng, trong đó, tiết kiệm về năng lượng đạt 228 tỷ đồng.

Tổng tiết kiệm chi phí năm 2023 ước đạt 262 tỷ đồng



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG VỀ MÔI TRƯỜNG

Năm 2023, công tác ATSKMT cũng bị ảnh hưởng bởi những khó khăn chung từ hoạt động SXKD của Tổng công ty (TCT). Bên cạnh đó, Nhà máy đạm Phú Mỹ sau 20 năm vận hành tiềm ẩn/xuất hiện rủi ro từ máy móc thiết bị do đã hoạt động nhiều năm. Đồng thời, các yêu cầu của pháp luật về đảm bảo An toàn phòng chống cháy nổ – PCCN chặt chẽ hơn nhằm ngăn ngừa các vụ cháy nổ nghiêm trọng như đã xảy ra trong năm 2023.

Việt Nam cũng đã ký kết tham gia nhiều Hiệp định/Thỏa thuận về Biến đổi khí hậu, Cam kết giảm phát thải khí thải, khí nhà kính. Đặc biệt tại Hội nghị lần thứ 26 Các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về Biến đổi khí hậu (COP26), Việt Nam đã cam kết đạt mức phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050, do đó công tác Bảo vệ môi trường, chống Biến đổi khí hậu, giảm phát thải chặt chẽ hơn đòi hỏi TCT phải đưa ra các biện pháp thực hiện nhằm tuân thủ tốt các quy định của pháp luật, đồng thời duy trì mục tiêu Phát triển bền vững của TCT suốt nhiều năm qua.

Khắc phục những khó khăn nêu trên, TCT đã nỗ lực để hoàn thành Kế hoạch và mục tiêu ATSKMT đã đặt ra trong năm 2023, cụ thể như sau:

Công tác đảm bảo An toàn – An ninh, PCCC, Ứng cứu tình huống khẩn cấp (ƯCTHKC)

Đã cơ bản hoàn thành các nhiệm vụ theo Kế hoạch được giao và các nhiệm vụ khác theo yêu cầu Lãnh đạo TCT. Tất cả các Đơn vị, nhà máy, kho cảng đều tuân thủ tốt các yêu cầu của pháp luật và của TCT về AT-PCCC trong vận hành sản xuất và thực hiện dịch vụ:

- TCT không để xảy ra bất kỳ vi phạm pháp luật nào về AT-PCCC.
- Nhà máy đạm Phú Mỹ vận hành ổn định an toàn. Các sự cố thiết bị đều được nhanh chóng tìm nguyên nhân và khắc phục.
- Duy trì áp dụng các chương trình kiểm tra an toàn thiết bị như RBI, SYSTEM 1, v.v tại nhà máy đạm Phú Mỹ. Thực hiện soạn thảo tài liệu Hệ thống quản lý an toàn công nghệ PSM cho Nhà máy đạm Phú Mỹ.
- Thực hiện sửa chữa hệ thống thiết bị PCCC theo thẩm duyệt của Cảnh sát PCCC tại Tòa nhà 43 Mạc Đĩnh Chi và 27 Đinh Bộ Lĩnh.
- Ban hành Quyết định kiện toàn Ban chỉ đạo ƯCTHKC của TCT và thực hiện kiện toàn BCH ƯCTHKC tại một số Đơn vị.
- Thành lập đội PCCC cơ sở mới tại Xưởng Pha trộn hóa chất – Chi nhánh Kinh doanh Hóa chất.
- Tất cả các Đơn vị hoàn thành 100% kế hoạch thực hiện diễn tập PCCC trong năm 2023. Riêng nhà máy đạm Phú Mỹ đã tổ chức diễn tập phối hợp cùng lực lượng cảnh sát PCCC Thị xã Phú Mỹ, lực lượng PCCC công ty vận chuyển khí Đông Nam Bộ, lực lượng PCCC Nhà máy Nhiệt điện Phú Mỹ, lực lượng PCCC công ty TNHH Điện lực Phú Mỹ 3 BOT tại Trạm xuất Amo – Xưởng Sản phẩm.



CÁC HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA PVFCCo NĂM 2023 (tiếp theo)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG VỀ MÔI TRƯỜNG (tiếp theo)

Công tác đảm bảo An toàn – An ninh, PCCC, Ứng cứu tình huống khẩn cấp (ƯCTHKC) (tiếp theo)

- TCT đã thực hiện 25 lượt kiểm tra ATSKMT cấp 4 (cấp TCT) đạt 100% kế hoạch. Ngoài ra, tại Nhà máy đạm Phú Mỹ và các đơn vị, các kho, cảng đã tổ chức thực hiện kiểm tra An toàn - An ninh, PCCC các cấp. Đồng thời thực hiện kiểm tra an toàn – vệ sinh lao động trước các kỳ nghỉ lễ/tết.
- Công tác kiểm định thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Năm 2023, toàn TCT đã thực hiện kiểm định 1.814 thiết bị, đạt 100% kế hoạch. Ngoài ra, Nhà máy đạm Phú Mỹ còn thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng, hiệu chuẩn và kiểm định định kỳ các thiết bị AT-PCCC bao gồm: 1.793 thiết bị PCCC, 154 thiết bị an toàn hỗ trợ hô hấp, 18 máy đo khí xách tay, 2 xe cứu hỏa, 2 xe cứu thương.
- Xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch AT-VSLĐ năm 2023 và triển khai Tháng hành động về ATVSLĐ năm 2023.
- Triển khai áp dụng chương trình 5S tại khối văn phòng TCT và duy trì áp dụng chương trình 5S và STOP tại Nhà máy đạm Phú Mỹ.
- Ban hành các Chỉ thị tăng cường công tác ứng phó trong mùa mưa bão.
- Thực hiện Báo cáo hoạt động PCCC-CNCH, báo cáo tình hình tai nạn lao động cấp cơ sở năm 2023 và Báo cáo công tác an toàn vệ sinh lao động năm 2023 cho cơ quan chức năng tại địa phương.
- Công tác phổ biến Thông tin an toàn đến CBCNV: duy trì tốt công tác tuyên truyền/phổ biến thông tin an toàn trong bảng tin hàng ngày của Tổng công ty.
- Ước tính chi phí cho hoạt động An toàn - PCCC – ƯCTHKC (bao gồm: phí Bảo hiểm rủi ro cháy nổ, diễn tập, huấn luyện, tuyên truyền, mua sắm và bảo trì các thiết bị an toàn PCCC...) năm 2023 là khoảng: 25 tỷ đồng.



Công tác bảo vệ môi trường và kiểm soát chất thải

- Năm 2023 không xảy ra sự cố vi phạm pháp luật và gây ô nhiễm môi trường.
- Hoàn thành việc xin cấp Giấy phép môi trường cho Tòa nhà trụ sở TCT.
- Các Đơn vị đã triển khai thực hiện quan trắc môi trường định kỳ theo đúng yêu cầu của báo cáo ĐTM, quản lý chất thải và thực hiện báo cáo công tác môi trường năm 2023 theo đúng yêu cầu pháp luật.
- Thực hiện các nhiệm vụ về Chống biến đổi khí hậu, giảm phát thải khí nhà kính: Phối hợp, cung cấp thông tin về kiểm kê khí nhà kính và ứng phó biến đổi khí hậu cho Viện Nghiên cứu Chiến lược, Chính sách Công thương; Cục biến đổi khí hậu, Bộ Công thương và PVN.
- Hướng dẫn các Đơn vị đánh giá/tính toán các tác động tích cực đối với môi trường từ hoạt động trồng cây thuộc phạm vi chương trình trồng 300.000 cây xanh của TCT.
- Ngoài ra, TCT còn thực hiện các công tác quản lý sử dụng năng lượng và tiết kiệm hiệu quả như sau:

- Hoàn thành kiểm toán năng lượng tại Nhà máy năm 2022. Sở Công thương tỉnh BR-VT đã chấp thuận hồ sơ KTNL.
- Đã tham dự nhận giải thưởng “Doanh nghiệp vì sự phát triển năng lượng Việt Nam bền vững” vào ngày 15/01/2023 do Hiệp hội Năng lượng Việt Nam tổ chức.
- Ban hành mục tiêu và kế hoạch QLNL năm 2023 của Tổng công ty.
- Cập nhật Quy chế quản lý năng lượng tiết kiệm và hiệu quả theo quy định mới số 25/TT – BCT ngày 29 tháng 09 năm 2020 của Bộ Công Thương.
- Thực hiện hỗ trợ Viện Dầu khí và Tập đoàn PVN khảo sát tại Nhà máy để thu thập tài liệu phát thải và giảm nhẹ khí nhà kính trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Cập nhật, ban hành Quy trình quản lý năng lượng của TCT.



CÁC HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA PVFCCo NĂM 2023 (tiếp theo)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG VỀ MÔI TRƯỜNG (tiếp theo)

Công tác bảo vệ môi trường và kiểm soát chất thải (tiếp theo)

Các số liệu môi trường năm 2023 như sau:

Số liệu nhiên liệu tiêu thụ:

STT	Nhiên liệu tiêu thụ	ĐVT	Khối lượng
1	Khí	Tr.m ³	524,6
2	Dầu DO	Tấn	223,2
3	Nước	m ³	22.290.640
4	Điện	kWh	148.820.000

Nước tiêu thụ bao gồm: nước thủy cục và nước ngầm phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, nước sông để làm mát máy móc, thiết bị

Số liệu chất thải:

STT	Loại chất thải	ĐVT	Lượng phát thải	Lượng xử lý	Mức độ xử lý (Đạt QCVN)
1	Nước thải	m ³	203.677	203.677	Đạt
2	Nước làm mát	m ³	27.837.071	27.837.071	Đạt
3	Khí thải	m ³ /Quý	11.981.273.280	11.981.273.280	Đạt
4	Chất thải rắn sinh hoạt	Kg	115.436	115.436	Đạt
5	Chất thải rắn công nghiệp	Kg	1.331.674	1.331.674	Đạt
6	Chất thải nguy hại	Kg	419.227	419.227	Đạt

Nước thải bao gồm: nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất.



Ước tính chi phí cho hoạt động Môi trường năm 2023:

Khoảng **4,7** tỷ đồng

Thực hiện tiết kiệm năng lượng, chống Biến đổi khí hậu

- ▶ Tiếp tục triển khai thực hiện các dự án/chương trình hành động giảm phát thải khí nhà kính thuộc danh mục Phụ lục I - Kế hoạch hành động giảm thiểu, thích ứng với biến đổi khí hậu của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam giai đoạn 2018-2030.
- ▶ Hoàn thành kiểm toán năng lượng tại Nhà máy năm 2022. Sở Công thương tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã chấp thuận hồ sơ kiểm toán năng lượng.

Công tác đào tạo, huấn luyện, tuyên truyền về ATSKMT

- ▶ Năm 2023, Tổng công ty đã thực hiện nhiều khóa đào tạo, huấn luyện về ATSKMT cũng như chuyên môn nghiệp vụ cho CBCNV nhằm nâng cao năng lực thực thi công việc cũng như năng lực quản lý:
 - Công tác huấn luyện ATVSLĐ, PCCC và An toàn hóa chất: Huấn luyện An toàn nhóm theo quy định của pháp luật, An toàn bức xạ trong công nghiệp, Huấn luyện nghiệp vụ chữa cháy và CNCH, Hướng dẫn kỹ thuật Công ước Basel và các hướng dẫn về quan trắc quản lý an toàn chất thải chứa thủy ngân, v.v
 - Tham dự các Hội thảo về môi trường, chống biến đổi khí hậu như Hội thảo “Xây dựng và hướng dẫn thực hiện hệ thống đo đạc, báo cáo và thẩm định (MRV) để đánh giá phát thải khí nhà kính của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam giai đoạn 2018-2030”, hội thảo “Tài chính xanh và thị trường tín chỉ Carbon”, v.v.
- ▶ Thực hiện các hoạt động tuyên truyền trong tuần lễ an toàn vệ sinh lao động, ngày môi trường thế giới, giờ trái đất, ngày toàn dân phòng cháy chữa cháy, v.v.
- ▶ Năm 2023, tại khối Văn phòng Tổng công ty đã áp dụng Chương trình 5S nhằm giúp cho CNCBV giữ gìn khu vực làm việc sạch đẹp, gọn gàng và thuận tiện cho công việc. Ngoài ra, các Chương trình STOP và 5S vẫn được áp dụng và đánh giá định kỳ tại Nhà máy đạm Phú Mỹ.
- ▶ Tiếp tục thực hiện đánh giá, khen thưởng theo Quy chế khen thưởng An toàn - Môi trường hàng quý nhằm khích lệ CBCNV tham gia tích cực vào công tác an toàn và bảo vệ môi trường.



CÁC HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA PVFCCo NĂM 2023 (tiếp theo)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG VỀ MÔI TRƯỜNG (tiếp theo)

Nhiệm vụ chính công tác ATSKMT năm 2024

Công tác đảm bảo An toàn - PCCC - ƯCTHKC



- Đảm bảo an toàn xuyên suốt cho các hoạt động của Tổng công ty, không để xảy ra bất kỳ sự cố gây thiệt hại về người và tài sản; không để xảy ra tai nạn lao động nặng trở lên tại tất cả các công trình của Tổng công ty.
- Hoàn thành việc cải tạo, sửa chữa hệ thống PCCC tại các tòa nhà trụ sở, văn phòng làm việc của Tổng công ty.
- Tiếp tục duy trì áp dụng hiệu quả các Chương trình kiểm tra bảo dưỡng thiết bị tại nhà máy. Hoàn thành và đưa vào áp dụng Hệ thống quản lý An toàn Công nghệ PSM tại Nhà máy đạm Phú Mỹ.
- Tất cả các Đơn vị phải lập kế hoạch và thực hiện kiểm tra định kỳ các thiết bị PCCC, tổ chức diễn tập Phương án ƯCTHKC, Ứng phó sự cố hóa chất trong năm 2024 để đảm bảo sẵn sàng khi xảy ra tình huống khẩn cấp.
- Hoàn thành xây dựng Phần mềm báo cáo ATSKMT để thuận lợi hơn trong công tác báo cáo định kỳ tại TCT.
- Hỗ trợ việc thực hiện các yêu cầu về AT-PCCC trong các Dự án của Tổng công ty.
- Lập kế hoạch và tổ chức các khóa đào tạo về An toàn - PCCC theo quy định của pháp luật và các khóa nâng cao để nâng cao nhận thức cho người lao động.
- Duy trì các khóa đào tạo về An toàn - PCCC theo quy định của pháp luật và các khóa chuyên môn nâng cao để đáp ứng yêu cầu công việc và đảm bảo an toàn cho SXKD.

Công tác Môi trường



- Không để xảy ra sự cố môi trường, không bị xử phạt vi phạm hành chính và đảm bảo tuân thủ đầy đủ yêu cầu pháp luật về bảo vệ môi trường.
- Thực hiện các thủ tục xin cấp Giấy phép môi trường cho các công trình của Tổng công ty.
- Thực hiện quản lý nước thải, khí thải, chất thải rắn theo đúng quy định pháp luật.
- Lập kế hoạch và thực hiện kiểm tra môi trường định kỳ theo đúng yêu cầu của pháp luật, của Tổng công ty và của Đơn vị.
- Xây dựng và cập nhật kế hoạch ứng phó sự cố môi trường và tổ chức đào tạo, diễn tập theo đúng quy định pháp luật.
- Tiếp tục phối hợp với các đơn vị để thu thập các số liệu chuẩn bị cho việc thực hiện trách nhiệm tái chế bao bì phân bón bằng nhựa.
- Thực hiện các nhiệm vụ kiểm kê khí thải, xây dựng Kế hoạch hành động giảm thiểu, thích ứng với biến đổi khí hậu.
- Hỗ trợ thực hiện các yêu cầu pháp luật về môi trường đối với các Dự án của Tổng công ty.
- Tiếp tục triển khai các Dự án nằm trong Kế hoạch hành động giảm thiểu, thích ứng với biến đổi khí hậu trên Cơ sở dữ liệu của PVN.

Các hoạt động khác

- Tiếp tục duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý ATSKMT tại TCT theo các tiêu chuẩn ISO 14001 và ISO 45001.
- Mua bảo hiểm cháy nổ bắt buộc và bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại về môi trường cho Nhà máy Đạm Phú Mỹ và các công trình của TCT.
- Tiếp tục duy trì các chương trình STOP, 5S tại Nhà máy đạm Phú Mỹ và Chương trình 5S tại Khối Văn phòng TCT.
- Phối hợp với Đoàn thanh niên, Công đoàn trong các hoạt động của mạng lưới AT-VSV để tổ chức các hoạt động nâng cao nhận thức và tính tuân thủ nội quy/quy định về ATSKMT cho toàn thể CBCNV như: Tuần lễ An toàn- VSLĐ, PCCC, Ngày toàn dân PCCC, Giờ Trái đất, Ngày môi trường thế giới, ...
- Tổ chức các khóa đào tạo và Hội thảo về ATSKMT để nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ CBCNV chuyên trách



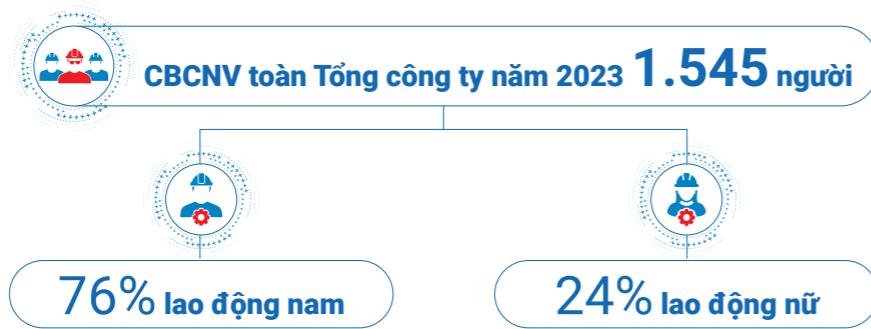
CÁC HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA PVFCCo NĂM 2023 (tiếp theo)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG VỀ XÃ HỘI

Xác định con người là nhân tố cốt lõi thúc đẩy phát triển bền vững của doanh nghiệp nên ngay từ ngày đầu thành lập, PVFCCo đã nỗ lực đem lại cho CBCNV môi trường làm việc tốt nhất, cơ hội phát triển năng lực đầy đủ nhất và một đời sống phong phú cả về vật chất và tinh thần. Tổng công ty đã nỗ lực thực hiện tốt trách nhiệm của doanh nghiệp với cộng đồng xã hội, trở thành doanh nghiệp tiêu biểu đóng góp cho sự phát triển của địa phương.

Thông tin về nhân sự - nguồn lực

Tổng số CBCNV toàn Tổng công ty năm 2023 (gồm Công ty mẹ và công ty con) là 1.545 người, trong đó gồm 1.171 lao động nam (chiếm 76%) và 374 lao động nữ (chiếm 24%). Độ tuổi bình quân của Người lao động toàn Tổng Công ty là 41 tuổi.



Cụ thể, những nội dung Tổng công ty đã, đang triển khai và kết quả đạt được:

Môi trường làm việc và văn hóa doanh nghiệp

Đầu tư hệ thống nhà xưởng sản xuất, văn phòng làm việc được thiết kế hợp lý, thông thoáng, đảm bảo đủ ánh sáng và không khí, giúp hạn chế tối đa năng lượng dùng cho chiếu sáng, điều hòa nhiệt độ mà vẫn đảm bảo tốt điều kiện làm việc cho người lao động.

Hoàn thiện và triển khai áp dụng dự án KPI và cải tiến chính sách tiền lương, xây dựng bộ từ điển năng lực, khung năng lực tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, công bằng. Bên cạnh đó, Tổng công ty luôn cập nhật, cải tiến hệ thống chính sách nhân viên nhằm đáp ứng một cách tốt nhất điều kiện làm việc, chế độ chính sách, và cơ hội thăng tiến cho người lao động.



Xây dựng Văn hóa Doanh nghiệp: Kien toan Ban chỉ đạo, Ban triển khai tái tạo văn hóa PVFCCo; Ban hành kế hoạch hoạt động 06 tháng cuối năm trên cơ sở Nghị quyết về tái tạo văn hóa PVFCCo của Đảng ủy TCT. Thuê tư vấn/chuyên gia để triển khai công tác tái tạo văn hóa PVFCCo; Tổ chức hội thảo/văn hóa PVFCCo năm 2023;

Đảm bảo bố trí việc làm và thu nhập người lao động ổn định. Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách cho người lao động theo quy định của Nhà nước, Tổng công ty và thỏa ước lao động tập thể. Việc chi trả lương thực hiện đầy đủ theo đúng quy chế trả lương của Tổng công ty.

Chính sách bảo hiểm và các chế độ chính sách đối với người lao động



Định kỳ hàng năm, Tổng công ty đều tổ chức khám sức khỏe cho người lao động làm việc trong môi trường lao động nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, nhằm sớm phát hiện bệnh nghề nghiệp. Đồng thời, thực hiện công tác giám định y khoa và bảo hiểm xã hội cho người lao động bị bệnh nghề nghiệp.

Ngoài ra, nhằm giúp cho CBCNV có được sự đảm bảo về tài chính trong trường hợp phải khám chữa bệnh và nằm viện, PVFCCo đã áp dụng chính sách mua bảo hiểm PVI Care cho CBCNV và người thân để phòng rủi ro cho người lao động yên tâm công tác.

Tổng công ty tiếp tục duy trì mức đóng Bảo hiểm xã hội (BHXH) theo lương chức danh thực tế hàng tháng của CBCNV, tiếp tục duy trì mức đóng Bảo hiểm hưu trí tự nguyện, Bảo hiểm hưu trí tích lũy, Bảo hiểm y tế PVI Care, hỗ trợ thủ tục để CBCNV mua Bảo hiểm y tế PVI Care cho người thân. Việc duy trì mức đóng BHXH và Bảo hiểm hưu trí tự nguyện cho CBCNV là nỗ lực lớn của Tổng công ty trong việc đảm bảo quyền lợi của CBCNV được hưởng khi giải quyết các chế độ BHXH, Bảo hiểm y tế, đồng thời đảm bảo chế độ hưu trí bổ sung ngoài chế độ BHXH theo quy định của Nhà nước khi CBCNV nghỉ chế độ.

Nhìn chung, các chính sách đã và đang thực hiện thể hiện sự quan tâm cao nhất của Tổng công ty đến lợi ích của người lao động trong khuôn khổ của pháp luật hiện hành và khả năng hiện tại của Tổng công ty, nhằm động viên, khích lệ người lao động phát huy sáng tạo trong lao động sản xuất, góp phần xây dựng Tổng công ty ngày càng phát triển, cũng như tin tưởng gắn bó lâu dài với tổ chức.



CÁC HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA PVFCCo NĂM 2023 (tiếp theo)

Công tác Chăm sóc sức khỏe - Phòng chống dịch bệnh

Các hoạt động chăm sóc sức khỏe và phòng chống dịch bệnh tại TCT được duy trì tốt trong năm 2023 bao gồm thực hiện khám chữa bệnh định kỳ cho CBCNV theo yêu cầu của Luật định và chăm sóc sức khỏe, phòng chống dịch bệnh cho CBCNV theo các quy định của Thỏa ước lao động tập thể của TCT.

- ▶ 100% các Đơn vị trong TCT đã thực hiện khám chữa bệnh định kỳ cho CBCNV. Đối với những trường hợp cần theo dõi sức khỏe, các CBCNV đều được cán bộ y tế của TCT tư vấn và hướng dẫn cẩn thận.
- ▶ Ngoài ra, Nhà máy đạm Phú Mỹ còn thực hiện khám bệnh nghề nghiệp để sớm phát hiện và bố trí công việc phù hợp. Số người bị bệnh nghề nghiệp cộng dồn đến năm 2023 là 27 người, trong đó số lượng CBCNV phát hiện mới bị di chứng nghề nghiệp là 7 người.
- ▶ Ban hành các Hướng dẫn về chăm sóc sức khỏe cho người lao động như: Hướng dẫn kiểm tra An toàn vệ sinh thực phẩm tại nhà ăn tập thể khối Văn phòng TCT; Hướng dẫn sơ cấp cứu và sử dụng thuốc tại khối Văn phòng TCT; Hướng dẫn quản lý Vệ sinh lao động và Sức khỏe người lao động tại khối Văn phòng TCT.
- ▶ Duy trì Chương trình mua Bảo hiểm tai nạn và sức khỏe (PVI Care) cho toàn bộ CBCNV của TCT.
- ▶ Thực hiện sơ cấp cứu ban đầu và cấp phát thuốc cho CBCNV trong trường hợp có tai nạn lao động.
- ▶ Thường xuyên cập nhật và thực hiện các biện pháp phòng chống dịch bệnh (cúm mùa, đậu mùa khỉ và các dịch bệnh khác) theo các Quy định, khuyến cáo và hướng dẫn của Chính phủ, Bộ Y tế, Cơ quan chức năng.
- ▶ Ước tính chi phí cho hoạt động Chăm sóc sức khỏe và Phòng chống dịch bệnh năm 2023 là: khoảng 10 tỷ đồng (Các chi phí bao gồm: Khám sức khỏe định kỳ, khám bệnh nghề nghiệp, mua sắm vật tư y tế, tuyên truyền huấn luyện, bồi dưỡng hiện vật, v.v).
- ▶ Thời gian tới, PVFCCo sẽ tiếp tục đẩy mạnh công tác Chăm sóc sức khỏe - Phòng chống dịch bệnh, cụ thể:
 - Cập nhật và thông báo tình hình các bệnh dịch bệnh (Covid-19, đậu mùa khỉ, cúm B, v.v) để có phương án ứng phó và phòng chống dịch bệnh phù hợp.
 - Thực hiện giám sát môi trường lao động định kỳ hàng năm và khám bệnh nghề nghiệp để làm cơ sở cải thiện điều kiện lao động, phòng ngừa tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp cho CBCNV trong toàn Tổng công ty.
 - Tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho CBCNV theo đúng quy định và chăm sóc sức khỏe tại nơi làm việc.



Chính sách đào tạo, huấn luyện

Trong năm 2023, Tổng công ty đã thực hiện đào tạo 4.770 lượt người, đạt 127% kế hoạch cả năm, với tổng kinh phí đào tạo là 7,8 tỷ đồng (đạt 97,7% kế hoạch năm). Số lượt đào tạo của năm 2023 đạt 65% so với thực hiện năm 2022, do năm 2023 nhà máy có đợt bảo dưỡng tổng thể và một số khóa đào tạo an toàn theo luật định chu kỳ 2 năm/lần không thực hiện trong năm 2023.

Thực hiện chủ trương về chương trình đào tạo khung cho cán bộ cấp Tập đoàn quản lý và cấp Tổng công ty quản lý, PVFCCo đã cử 10 cán bộ lãnh đạo Tổng công ty tham dự 06 khóa đào tạo bồi dưỡng năng lực lãnh đạo do Tập đoàn tổ chức. Tổng công ty đã phối hợp với Trường Doanh nhân PACE xây dựng các khóa đào tạo chuyên đề bồi dưỡng năng lực quản trị cho đội ngũ cán bộ quản lý của PVFCCo và đã tổ chức đào tạo cho 359 lượt người. Để tăng cường sự linh hoạt và hiệu quả trong công tác đào tạo nội bộ, Tổng công ty đã đầu tư xây dựng hệ thống E-learning và đã đưa vào ứng dụng.

Dân chủ và công bằng



Tổng công ty cũng đã ban hành chính sách nhân viên áp dụng từ 01/01/2009, hàng năm được chỉnh sửa bổ sung phù hợp với tình hình thực tế. Quy định bao gồm các chính sách phúc lợi áp dụng cho toàn thể CBCNV và một số chính sách có tính đãi ngộ đối với những người lao động giỏi, có trình độ quản lý và chuyên môn cao, bao gồm: Chế độ lương, thưởng, đào tạo, học tập, nghỉ ngơi, lưu trú và các chế độ phúc lợi khác.



Ngoài ra, Tổng công ty cũng đã ban hành Quy chế dân chủ, thành lập tổ chức Công đoàn nhằm bảo vệ quyền lợi chính đáng và hợp pháp đối với người lao động. Thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở: định kỳ 3 - 6 tháng, Công đoàn các cấp đều chủ động phối hợp cùng chính quyền tổ chức đối thoại định kỳ bằng nhiều hình thức linh hoạt đảm bảo đối thoại hiệu quả và đúng quy định. Nội dung đối thoại đã tập trung vào những vấn đề như chế độ chính sách và phúc lợi cho người lao động, thu nhập, đời sống, việc làm; công tác tái cơ cấu, việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở và các vấn đề mà người lao động quan tâm...

CÁC HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA PVFCCo NĂM 2023 (tiếp theo)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG VỀ XÃ HỘI (tiếp theo)

Quan hệ khách hàng, đối tác và trách nhiệm xã hội

Trong hoạt động sản xuất - kinh doanh, PVFCCo luôn chú trọng việc đảm bảo uy tín, chất lượng và không ngừng gia tăng giá trị sản phẩm dịch vụ tới khách hàng và đối tác, với một số hoạt động tiêu biểu sau:



- ▶ Chất lượng sản phẩm tốt là yếu tố luôn được PVFCCo đặt lên hàng đầu trong hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị. Các sản phẩm phân bón Phú Mỹ và các sản phẩm phân bón, hóa chất tự doanh khác mà Tổng công ty cung cấp cho khách hàng luôn đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn đăng ký.
- ▶ Nhằm giúp nhà nông sử dụng ít phân bón hơn nhưng vẫn tăng năng suất cây trồng, PVFCCo đã cùng với chính quyền địa phương và các nhà khoa học thường xuyên tổ chức hàng trăm cuộc hội thảo, hướng dẫn kỹ thuật canh tác, tổ chức các vườn thực nghiệm, thử ruộng mẫu.
- ▶ Tiếp tục duy trì có hiệu quả hệ thống kho cảng, logistic trên cả nước nhằm cung cấp sản phẩm đến tay bà con nông dân đảm bảo chất lượng, kịp thời và giá cả hợp lý.
- ▶ Áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2015 để đảm bảo chất lượng sản phẩm ổn định theo tiêu chuẩn công bố.
- ▶ Công ty có quy trình tiếp nhận và xử lý thông tin phản hồi từ người sử dụng sản phẩm. Công ty có quy trình và thường xuyên tổ chức đánh giá sự thỏa mãn của khách hàng về chất lượng sản phẩm và dịch vụ nhằm nâng cao chất lượng hơn nữa. Có thực hiện cảnh báo an toàn cho người sử dụng sản phẩm.

Trách nhiệm xã hội – chia sẻ lợi ích

Công tác An sinh Xã hội (ASXH) được xem là một nét đẹp văn hóa của PVFCCo. Trong bối cảnh tình hình nền kinh tế đất nước gặp rất nhiều khó khăn do ảnh hưởng của những biến động chính trị và kinh tế toàn cầu kéo dài mấy năm gần đây, PVFCCo vẫn tiếp tục nêu cao, phát huy tinh thần trách nhiệm sẻ chia đối với cộng đồng thông qua các chương trình ASXH nhiều ý nghĩa và thiết thực.

Năm 2023 PVFCCo đã tiến hành hàng loạt hoạt động ASXH với ngân sách hơn 60 tỷ đồng. Đặc biệt, chương trình “Tết vì người nghèo” được thực hiện nhân dịp Xuân Giáp Thìn tại gần 100 xã/phường trên 40 tỉnh thành, với hơn 13.000 phần quà tổng trị giá 10 tỷ đồng. Việc trao quà Tết này cũng là một trong những hoạt động an sinh xã hội nổi bật mà PVFCCo thực hiện thường xuyên trong suốt những năm qua.

Cộng đồng địa phương đánh giá cao tính tích cực và ý nghĩa xã hội của các hoạt động ASXH của PVFCCo, đặc biệt trong việc nâng cao tinh thần đại đoàn kết và sẻ chia trong cộng đồng. Đây cũng chính là nội dung của Nghị quyết 43 của BCHTW Đảng về tiếp tục phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng đất nước ta ngày càng phồn vinh, hạnh phúc, đã được đích thân Chủ tịch nước Võ Văn Thưởng trình bày tại Hội nghị toàn quốc nghiên cứu, học tập, quán triệt Nghị quyết Trung ương 8 khóa 13 mới đây.



Chương 6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHIA SẺ GIÁ TRỊ KIẾN TẠO THÀNH CÔNG

- 109 Báo cáo của Ban Tổng giám đốc
- 111 Báo cáo kiểm toán độc lập
- 112 Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- 114 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- 115 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- 116 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất



TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

MỤC LỤC	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	109 - 110
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	111
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	112 - 113
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	114
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	115
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	116 - 151

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hoàng Trọng Dũng	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 27 tháng 10 năm 2023) Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên phụ trách Hội đồng Quản trị (bổ nhiệm ngày 27 tháng 10 năm 2023) Thành viên (bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023)
Ông Dương Trí Hội	Thành viên
Ông Trịnh Văn Khiêm	Thành viên
Ông Lê Cự Tân	Thành viên (miễn nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023)
Ông Hồ Quyết Thắng	Thành viên độc lập (bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023)
Ông Louis T. Nguyen	Thành viên độc lập (miễn nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phan Công Thành	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 25 tháng 01 năm 2024)
Ông Lê Cự Tân	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 27 tháng 10 năm 2023)
Ông Đào Văn Ngọc	Phó Tổng Giám đốc phụ trách Ban điều hành Tổng Công ty (bổ nhiệm ngày 27 tháng 10 năm 2023 và miễn nhiệm ngày 25 tháng 01 năm 2024) Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Phương Thảo	Phó Tổng Giám đốc
Ông Cao Trung Kiên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Tạ Quang Huy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Quốc Việt	Phó Tổng Giám đốc (nghỉ hưu theo chế độ ngày 05 tháng 5 năm 2023)
Bà Lê Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 15 tháng 8 năm 2023)

Ban kiểm soát

Ông Huỳnh Kim Nhân	Trưởng ban kiểm soát
Ông Lương Phương	Thành viên
Bà Trần Thị Phương	Thành viên (bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023)
Ông Lê Vinh Văn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- » Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- » Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- » Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- » Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- » Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Trần Thị Phương Thảo

Phó Tổng Giám đốc

(Theo Giấy ủy quyền của Tổng Giám đốc số 45/UQ-PBHC ngày 07 tháng 3 năm 2024)

Ngày 07 tháng 3 năm 2024

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Số:0495/VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**KÍNH GỬI: CÁC CỔ ĐÔNG
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 07 tháng 3 năm 2024, từ trang 112 đến trang 151, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Khúc Thị Lan Anh

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 0036-2023-001-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 08 tháng 3 năm 2024

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Thị Ngân

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 5248-2020-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		9.565.106.752.268	13.578.923.480.222
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	1.241.561.362.115	2.083.841.053.069
1. Tiền	111		574.781.435.783	307.981.912.328
2. Các khoản tương đương tiền	112		666.779.926.332	1.775.859.140.741
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		5.385.000.000.000	6.880.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	5.385.000.000.000	6.880.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		642.215.358.351	458.327.989.385
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	432.251.479.566	234.657.477.739
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	56.288.686.447	90.137.615.251
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	377.802.561.892	366.959.646.684
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(224.127.369.554)	(233.426.873.759)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	123.470
IV. Hàng tồn kho	140	10	1.910.840.607.214	3.871.453.604.350
1. Hàng tồn kho	141		1.942.109.074.750	4.010.984.671.397
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(31.268.467.536)	(139.531.067.047)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		385.489.424.588	285.300.833.418
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	33.978.366.057	20.104.181.210
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		310.224.881.046	256.414.054.424
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	41.286.177.485	8.782.597.784
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.744.153.277.315	4.119.872.255.554
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		876.100.000	1.154.100.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	876.100.000	1.154.100.000
II. Tài sản cố định	220		2.988.445.788.293	3.254.819.127.727
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	2.154.198.652.529	2.434.307.412.659
- Nguyên giá	222		11.574.815.724.954	11.487.943.997.171
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.420.617.072.425)	(9.053.636.584.512)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	834.247.135.764	820.511.715.068
- Nguyên giá	228		1.182.099.652.534	1.156.764.897.293
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(347.852.516.770)	(336.253.182.225)
III. Bất động sản đầu tư	230	15	190.456.645.571	200.140.392.532
- Nguyên giá	231		317.953.542.202	317.953.542.202
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(127.496.896.631)	(117.813.149.670)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		261.326.265.034	218.938.454.705
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	17	261.326.265.034	218.938.454.705
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		33.359.983.256	41.768.055.625
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	18	29.759.983.256	29.279.430.994
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5	20.502.000.000	20.502.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5	(16.902.000.000)	(8.013.375.369)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		269.688.495.161	403.052.124.965
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	57.616.661.429	41.988.497.354
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	12	59.981.494.127	187.897.314.223
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	10	129.152.858.473	150.228.832.256
4. Tài sản dài hạn khác	268		22.937.481.132	22.937.481.132
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		13.309.260.029.583	17.698.795.735.776

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.764.060.255.739	3.681.356.971.208
I. Nợ ngắn hạn	310		1.484.492.945.240	2.995.517.551.891
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	19	768.442.429.490	869.008.139.154
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	20	124.312.355.882	71.911.963.956
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	6.127.123.790	296.882.468.676
4. Phải trả người lao động	314		164.498.016.812	219.267.116.813
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	239.514.869.880	802.572.736.521
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		18.181.819	18.181.819
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	22	71.840.876.194	69.965.282.982
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	35	-	202.043.481.704
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	23	8.176.000.000	375.437.729.910
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		101.563.091.373	88.410.450.356
II. Nợ dài hạn	330		279.567.310.499	685.839.419.317
1. Phải trả dài hạn khác	337	22	2.219.808.500	3.385.964.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	35	-	505.108.697.415
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		132.540.000.000	132.540.000.000
4. Dự phòng phải trả dài hạn	342	23	102.177.312.389	-
5. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		42.630.189.610	44.804.757.902
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		11.545.199.773.844	14.017.438.764.568
I. Vốn chủ sở hữu	410	24	11.545.199.773.844	14.017.438.764.568
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		3.914.000.000.000	3.914.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.914.000.000.000	3.914.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		21.179.913.858	21.179.913.858
3. Cổ phiếu quỹ	415		(2.296.824.120)	(2.296.824.120)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.599.179.502.370	3.497.039.984.859
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.838.340.934.833	6.401.099.929.390
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		2.435.451.267.470	962.657.286.718
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		402.889.667.363	5.438.442.642.672
6. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		174.796.246.903	186.415.760.581
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		13.309.260.029.583	17.698.795.735.776





Trần Xuân Thảo
Người lập biểu

Võ Ngọc Phương
Kế toán trưởng

Trần Thị Phương Thảo
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 08 tháng 3 năm 2024

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

MẪU SỐ B 02-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		13.719.510.012.331	18.744.713.575.383
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		150.324.493.920	117.534.031.118
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	27	13.569.185.518.411	18.627.179.544.265
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	27	11.917.438.631.877	10.788.959.662.813
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20	27	1.651.746.886.534	7.838.219.881.452
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	457.576.170.227	365.063.532.585
7. Chi phí tài chính	22	30	71.157.838.669	85.257.284.733
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		50.638.299.383	64.787.709.845
8. Phần lãi trong công ty liên kết	24		2.664.912.263	2.662.097.523
9. Chi phí bán hàng	25	31	848.444.338.144	977.707.327.576
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	502.354.622.004	556.278.720.793
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		690.031.170.207	6.586.702.178.458
12. Thu nhập khác	31		11.025.864.376	21.118.924.268
13. Chi phí khác	32		10.090.505.890	2.239.166.716
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		935.358.486	18.879.757.552
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		690.966.528.693	6.605.581.936.010
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	32	33.233.788.075	1.129.400.312.150
17. Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	32	127.915.820.096	(108.709.662.383)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		529.816.920.522	5.584.891.286.243
Trong đó:				
18.1 Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		519.466.561.842	5.564.877.377.993
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		10.350.358.680	20.013.908.250
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	1.030	13.581


 Trần Xuân Thảo
 Người lập biểu


 Võ Ngọc Phương
 Kế toán trưởng


 Trần Thị Phương Thảo
 Phó Tổng Giám đốc

Ngày 08 tháng 3 năm 2024

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

MẪU SỐ B 03-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	690.966.528.693	6.605.581.936.010
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	403.299.073.758	514.801.559.639
Các khoản dự phòng	03	(364.604.096.606)	329.374.106.479
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	763.978.887	4.492.199.435
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(452.967.211.465)	(330.771.138.384)
Chi phí lãi vay	06	50.638.299.383	64.787.709.845
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	328.096.572.650	7.188.266.373.024
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(239.668.055.799)	80.003.832.513
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	2.089.951.570.430	(1.258.270.907.215)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(551.418.283.375)	516.135.552.056
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(29.502.348.922)	(21.066.197.693)
Tiền lãi vay đã trả	14	(76.374.372.520)	(64.435.955.328)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(344.716.043.525)	(1.209.088.866.037)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(231.522.416.705)	(270.280.230.233)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	944.846.622.234	4.961.263.601.087
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(240.758.232.062)	(77.483.959.653)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	906.078.161	2.494.306.734
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(9.615.000.000.000)	(11.790.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	11.110.000.000.000	8.365.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	420.929.990.034	273.435.614.320
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.676.077.836.133	(3.226.554.038.599)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	1.059.193.105.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(707.152.179.119)	(1.258.761.624.358)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.755.413.813.475)	(1.977.035.742.700)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(3.462.565.992.594)	(2.176.604.262.058)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(841.641.534.227)	(441.894.699.570)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	2.083.841.053.069	2.524.115.312.966
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(638.156.727)	1.620.439.673
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	1.241.561.362.115	2.083.841.053.069


 Trần Xuân Thảo
 Người lập biểu


 Võ Ngọc Phương
 Kế toán trưởng


 Trần Thị Phương Thảo
 Phó Tổng Giám đốc

Ngày 08 tháng 3 năm 2024

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí, được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần số 4103007696, đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 8 năm 2007 và sửa đổi lần thứ 16 ngày 16 tháng 02 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2008 theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng Cổ đông, trong đó Công ty mẹ - Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần được hình thành từ bộ máy các phòng chức năng của Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí, các Ban quản lý dự án và Nhà máy Đạm Phú Mỹ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 3.914.000.000.000 VND, được chia thành 391.400.000 cổ phần phổ thông, mỗi cổ phần có mệnh giá là 10.000 VND. Cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 05 tháng 11 năm 2007 với mã chứng khoán là DPM.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty mẹ của Tổng Công ty là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn" hoặc "PVN"), nắm giữ 59,58% vốn điều lệ.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm:

- » Sản xuất và kinh doanh phân đạm, amoniac lỏng, khí công nghiệp, các sản phẩm hóa chất khác;
- » Cung cấp các dịch vụ kỹ thuật trong sản xuất, kinh doanh phân đạm và các sản phẩm hóa chất khác có liên quan (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh);
- » Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- » Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- » Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- » Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- » Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô, đường thủy nội địa, chế biến các sản phẩm dầu khí và khoáng sản;
- » Đào tạo nghề;
- » Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Bốc xếp hàng hóa cảng biển, sông; và
- » Dịch vụ đại lý tàu biển, đại lý vận tải đường biển và lưu giữ hàng hóa.

Hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất và kinh doanh các loại phân bón sử dụng trong nông nghiệp.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các đơn vị trực thuộc của Tổng Công ty bao gồm:

STT	Tên đơn vị trực thuộc	Địa chỉ
1	Nhà máy Đạm Phú Mỹ	Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam
2	Chi nhánh Tổng Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh	Số 27 Đinh Bộ Lĩnh, phường 24, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
3	Chi nhánh Tổng Công ty tại Campuchia (i)	Thủ đô Phnom Penh, Campuchia
4	Ban Quản lý Dự án chuyên ngành phân bón và Hóa chất Dầu khí	Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam
5	Chi nhánh Tổng Công ty - Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng (ii)	Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

(i) Theo Quyết định của Hội đồng Quản trị số 313/QĐ-PBHC ngày 26 tháng 6 năm 2014, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã quyết định phê duyệt kế hoạch giải thể chi nhánh Tổng Công ty tại Campuchia. Tổng Công ty đang trong quá trình thực hiện các thủ tục để giải thể chi nhánh Tổng Công ty tại Campuchia.

(ii) Theo Quyết định số 504/QĐ-PBHC ngày 09 tháng 12 năm 2022, Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty đã thông qua phương án triển khai thành lập Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP - Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng. Ngày 18 tháng 01 năm 2023, Tổng Công ty đã hoàn thành thủ tục thành lập Chi nhánh Tổng Công ty - Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng.

Thông tin chi tiết về các công ty con và công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

Tên công ty con/ công ty liên kết	Trụ sở chính	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty con				
1. Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung	Tỉnh Bình Định	75,00	75,00	Kinh doanh phân bón và hóa chất
2. Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ	TP. Cần Thơ	75,00	75,00	Kinh doanh phân bón và hóa chất
3. Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	TP. Hồ Chí Minh	75,00	75,00	Kinh doanh phân bón và hóa chất
4. Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	Hà Nội	75,00	75,00	Kinh doanh phân bón và hóa chất
Công ty liên kết				
1. Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	43,34	43,34	Sản xuất bao bì
2. Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	TP. Cần Thơ	35,63	35,63	Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp và cung cấp dịch vụ
3. Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Việt Nam	TP. Hải Phòng	25,99	25,99	Sản xuất và mua bán xơ sợi polyester

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Chi nhánh Tổng Công ty tại Campuchia sử dụng Đô la Mỹ (USD) làm đơn vị tiền tệ kế toán. Tổng Công ty đã thực hiện chuyển đổi các số dư còn lại của Chi nhánh Tổng Công ty tại Campuchia cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 sang Đồng Việt Nam (VND) theo các nguyên tắc phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất số liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con của Công ty.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư (nếu có).

Dự phòng giảm giá đầu tư của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Phương pháp kế toán để hạch toán hàng tồn kho mà Tổng Công ty sử dụng là phương pháp kê khai thường xuyên. Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền, trừ giá xuất kho nguyên vật liệu được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	3 - 25
Máy móc, thiết bị	3 - 15
Phương tiện vận tải	5 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 9
Tài sản cố định hữu hình khác	3 - 15

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tổng Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào chi phí trong năm tài chính khi phát sinh.

Tổng Công ty là bên đi thuê

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng của lô đất từ 32 đến 50 năm. Đối với các quyền sử dụng đất vô thời hạn, Tổng Công ty không trích hao mòn.

Bản quyền

Bản quyền được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác

Phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 năm đến 6 năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất vô thời hạn. Các bất động sản đầu tư còn lại được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính như sau:

	Số năm
Quyền sử dụng đất có thời hạn	50
Nhà cửa và vật kiến trúc	7 - 25

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí lãi vay, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước bao gồm chi phí bảo hiểm, chi phí sửa chữa, trả trước tiền thuê đất, thuê văn phòng, chi phí bảo trì hệ thống công nghệ thông tin, giá trị công cụ, dụng cụ phân bổ và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí bảo hiểm thể hiện số tiền bảo hiểm đã được thanh toán trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời hạn hợp đồng bảo hiểm.

Chi phí bảo trì hệ thống công nghệ thông tin được ghi nhận dựa trên giá hợp đồng và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng theo quy định hiện hành.

Trả trước tiền thuê đất, thuê văn phòng phản ánh khoản tiền thuê đất, thuê văn phòng trả trước cho nhiều kỳ và được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất tương ứng với thời gian trả trước.

Giá trị công cụ, dụng cụ phân bổ bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Chi phí sửa chữa và các khoản chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này.

Đối với những tài sản cố định tại Nhà máy Đạm Phú Mỹ mà việc sửa chữa lớn có tính chu kỳ, Tổng Công ty được trích trước chi phí sửa chữa lớn theo dự toán vào chi phí hàng năm. Nếu số thực chi sửa chữa tài sản cố định lớn hơn số trích theo dự toán thì Tổng Công ty được tính thêm vào chi phí hợp lý số chênh lệch này. Nếu số thực chi cho việc sửa chữa lớn tài sản cố định nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí kinh doanh trong năm.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập từ năm 2014 để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Tổng Công ty. Quỹ được hình thành trên nhu cầu phát triển và đổi mới công nghệ của Tổng Công ty và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo quy định tại Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKH-CN-BTC do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2016, sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 05/2022/TT-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

BKH-CN do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành ngày 31 tháng 5 năm 2022 và Thông tư số 67/2022/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 11 năm 2022. Theo đó, Tổng Công ty căn cứ vào nhu cầu sử dụng nguồn vốn cho hoạt động khoa học và công nghệ trích lập tối đa 10% thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm để hình thành quỹ.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa dịch vụ đã tiêu thụ trong năm báo cáo nhưng đến năm sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, Tổng Công ty ghi giảm doanh thu ghi nhận trong năm báo cáo nếu các khoản giảm trừ doanh thu này phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

Doanh thu tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Theo hướng dẫn tại Công văn số 4360/DKVN-TCKT ngày 31 tháng 12 năm 2015 và Công văn số 3124/DKVN-TCKT ngày 13 tháng 5 năm 2015 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tổng Công ty áp dụng tỷ giá mua vào do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố để đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023. Tỷ giá nêu trên có sự khác biệt so với tỷ giá quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200"), tuy nhiên sự khác biệt này không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Tổng Công ty.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	2.657.500.348	2.515.509.016
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	572.123.935.435	305.466.403.312
Các khoản tương đương tiền (i)	666.779.926.332	1.775.859.140.741
	1.241.561.362.115	2.083.841.053.069

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 01 tháng đến 03 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 2,5%/năm đến 5,1%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: lãi suất 3,0%/năm đến 6,0%/năm).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng của Tổng Công ty tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (trước đây là Ngân hàng TMCP Đại Dương) có số dư là 284.000.000.000 VND đang bị hạn chế sử dụng. Theo Công văn số 5351/2016/CV-OCEANBANK ngày 04 tháng 10 năm 2016, Công văn số 60/2018/CV-OCEANBANK ngày 28 tháng 12 năm 2018 và Công văn số 76/2020/CV-OJB-CNHCM ngày 12 tháng 8 năm 2020, Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương cam kết sẽ thực hiện việc chi trả tiền gửi của khách hàng theo lộ trình chi trả trong đề án tái cơ cấu ngân hàng đang trình Ngân hàng Nhà nước và Chính phủ phê duyệt. Lãi tiền gửi đã được Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương chi trả từ ngày 01 tháng 10 năm 2015 đến nay. Ban Tổng Giám đốc đánh giá khoản tiền này sẽ thu hồi được trong tương lai theo cam kết nêu trên của Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	VND Giá trị ghi sổ	Giá gốc	VND Giá trị ghi sổ
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	5.385.000.000.000	5.385.000.000.000	6.880.000.000.000	6.880.000.000.000
	5.385.000.000.000	5.385.000.000.000	6.880.000.000.000	6.880.000.000.000

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc trên 03 tháng và thời hạn thu hồi còn lại dưới 12 tháng kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính với lãi suất từ 3,4%/năm đến 8,3%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: lãi suất từ 3,9%/năm đến 9,5%/năm).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Mỹ đang bị phong tỏa 5.852.663.400 VND để bảo đảm nghĩa vụ thanh toán cho khoản bảo lãnh của Ngân hàng liên quan đến hợp đồng mua bán điện ngoài mục đích sinh hoạt tại Nhà máy Đạm Phú Mỹ - chi nhánh của Tổng Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

(b) Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	Giá trị hợp lý	VND	Giá trị hợp lý
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	3.600.000.000	-	3.600.000.000	-
Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Ut Xi	16.902.000.000	(16.902.000.000)	16.902.000.000	(8.013.375.369)
	20.502.000.000	(16.902.000.000)	20.502.000.000	(8.013.375.369)

(ii) Đối với các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác, do các công ty này chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán, Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị này tại ngày kết thúc năm tài chính do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính chưa niêm yết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng không phải là bên liên quan		
Kumsung Enc Co., Ltd	50.007.500.000	-
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Minh Dũng	46.222.847.421	59.139.170.671
Công ty TNHH VTNN Hưng Thạnh	40.658.619.230	1.308.220.000
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Phân bón Tuấn Vũ	31.999.880.000	24.957.337.700
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Minh Khoa	31.587.378.570	3.678.000.000
Các khách hàng khác	204.856.281.335	110.059.918.451
	405.332.506.556	199.142.646.822
b. Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan		
(Chi tiết tại Thuyết minh số 35)	26.918.973.010	35.514.830.917
	26.918.973.010	35.514.830.917
Tổng cộng	432.251.479.566	234.657.477.739

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn không phải là các bên liên quan		
Công ty cổ phần Công nghiệp Khoáng sản Mico Mineral	3.220.800.000	-
Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Ngọc Lan	-	9.153.800.000
Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	17.330.348.608	68.556.688.063
	20.551.148.608	77.710.488.063
b. Trả trước cho người bán ngắn hạn là các bên liên quan		
(Chi tiết tại Thuyết minh số 35)	35.737.537.839	12.427.127.188
	35.737.537.839	12.427.127.188
Tổng cộng	56.288.686.447	90.137.615.251

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Phải thu ngắn hạn khác		
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Việt Nam (i)	114.209.081.543	114.209.081.543
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Việt Nam (ii)	110.043.267.289	110.093.267.289
Trích lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	115.078.553.295	83.932.273.536
Phải thu ngắn hạn khác	38.471.659.765	58.725.024.316
	377.802.561.892	366.959.646.684
Trong đó:		
Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan	225.470.431.024	224.818.294.037
(Chi tiết tại Thuyết minh số 35)		
b. Phải thu dài hạn khác		
Ký cược, ký quỹ dài hạn	876.100.000	1.154.100.000
	876.100.000	1.154.100.000

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, số dư phải thu ngắn hạn khác đối với Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Việt Nam ("VNPOLY") thể hiện (1) khoản Tổng Công ty đã thanh toán tổng số tiền 107.786.937.303 VND theo Văn bản thỏa thuận bảo lãnh đối ứng giữa Tổng Công ty và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ("PVN") liên quan đến nghĩa vụ bảo lãnh của PVN cho các khoản vay vốn trung và dài hạn của VNPOLY, và (2) các khoản phải thu khác với số tiền 6.422.144.240 VND.

Theo các Biên bản thỏa thuận giữa PVN, VNPOLY và Tổng Công ty, PVN sẽ chịu trách nhiệm thu hồi nợ gốc và lãi vay đối với các khoản bảo lãnh mà các bên đã trả thay VNPOLY. Trong vòng 07 ngày kể từ ngày PVN thu được khoản tiền trả nợ từ VNPOLY (bao gồm cả số tiền gốc thanh toán và lãi vay), PVN sẽ hoàn trả cho Tổng Công ty số tiền tính theo tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty tại VNPOLY. Lãi suất nhận nợ được xác định bằng lãi suất không kỳ hạn do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố, thời gian tính lãi bắt đầu từ ngày Tổng Công ty trả tiền thực hiện bảo lãnh đối ứng cho PVN.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, khả năng thu hồi khoản phải thu này là rất thấp do lỗ lũy kế của VNPOLY đã vượt quá vốn chủ sở hữu, và VNPOLY không có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn.

(ii) Số dư khoản phải thu ngắn hạn khác đối với Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Việt Nam (trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam) ("PVTJSJC") tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 thể hiện khoản ủy thác vốn đầu tư với số tiền 101.597.868.000 VND và lãi ủy thác phát sinh chưa thanh toán với số tiền 8.445.399.289 VND. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, khả năng thu hồi khoản phải thu này là rất thấp do hoạt động sản xuất kinh doanh của PVTJSJC gặp nhiều khó khăn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

9. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	Thời gian quá hạn	VND	Thời gian quá hạn
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Việt Nam	110.043.267.289	-	110.093.267.289	-
- Phải thu tiền gốc khoản ủy thác vốn đầu tư	101.597.868.000	-	101.597.868.000	-
- Phải thu lãi ủy thác phát sinh	8.445.399.289	-	8.495.399.289	-
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Việt Nam	115.630.049.443	1.545.947.178	115.725.753.648	1.545.947.178
- Phải thu liên quan đến bảo lãnh đối ứng	107.786.937.303	-	107.786.937.303	-
- Phải thu của khách hàng và phải thu khác	7.843.112.140	1.545.947.178	7.938.816.345	1.545.947.178
Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Ngọc Lan	-	-	9.153.800.000	-
	225.673.316.732	1.545.947.178	234.972.820.937	1.545.947.178
Dự phòng phải thu khó đòi	224.127.369.554		233.426.873.759	

Giá trị có thể thu hồi được xác định bằng giá gốc của các khoản phải thu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập.

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	Dự phòng	VND	Dự phòng
a. Hàng tồn kho				
Hàng mua đang đi đường	70.606.174.026	-	267.561.155.169	-
Nguyên liệu, vật liệu	309.731.169.770	(73.056.320)	735.311.999.640	(290.262.998)
Công cụ, dụng cụ	7.276.696.097	-	4.986.330.742	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	75.591.581.221	-	273.274.432.238	-
Thành phẩm	1.212.216.519.901	(30.883.284.630)	2.003.744.144.579	(69.018.424.938)
Hàng hoá	266.686.933.735	(312.126.586)	726.106.609.029	(70.222.379.111)
	1.942.109.074.750	(31.268.467.536)	4.010.984.671.397	(139.531.067.047)
b. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	129.152.858.473	-	150.228.832.256	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Trong năm, Tổng Công ty đã sử dụng dự phòng giảm giá hàng tồn kho là nguyên vật liệu ứ đọng, kém, mất phẩm chất với số tiền là 217.206.678 VND (năm trước: 189.745.620 VND) do Tổng Công ty đã sử dụng, tiêu thụ một số nguyên vật liệu đã trích lập dự phòng đầu năm.

Trong năm, Tổng công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là hàng hóa và thành phẩm với số tiền là 31.195.411.216 VND (năm trước: 137.234.837.162 VND) do giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính thấp hơn giá gốc.

Đồng thời, trong năm, Tổng Công ty đã sử dụng dự phòng giảm giá hàng tồn kho là hàng hóa và thành phẩm với số tiền là 139.240.804.049 VND (năm trước: 793.890.833 VND) do Tổng Công ty đã tiêu thụ hàng hóa và thành phẩm đã trích lập dự phòng đầu năm.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí bảo trì hệ thống công nghệ thông tin	10.650.109.221	9.211.220.787
Chi phí bảo hiểm	5.654.446.620	-
Chi phí sửa chữa	3.168.037.052	-
Công cụ, dụng cụ phân bổ	4.395.293.493	1.743.971.610
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	10.110.479.671	9.148.988.813
	33.978.366.057	20.104.181.210
b. Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ phân bổ	22.592.700.959	18.505.218.044
Trả trước tiền thuê đất, thuê văn phòng	10.364.224.313	5.612.342.663
Chi phí trả trước dài hạn khác	24.659.736.157	17.870.936.647
	57.616.661.429	41.988.497.354

12. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí trích trước chưa có hóa đơn	35.969.702.213	162.826.836.066
Lỗi tính thuế chưa được sử dụng	11.121.121.549	-
Lợi nhuận chưa thực hiện	2.027.636.208	9.652.499.964
Khác	10.863.034.157	15.417.978.193
	59.981.494.127	187.897.314.223

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	2.337.565.207.020	8.189.181.198.622	92.973.225.137	242.679.230.869	625.545.135.523	11.487.943.997.171
Tăng trong năm	46.971.000.699	16.999.102.049	7.792.293.607	29.813.744.445	364.788.615	101.940.929.415
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.251.304.844)	(4.900.028.000)	(5.637.662.538)	(280.206.250)	(15.069.201.632)
Số dư cuối năm	2.384.536.207.719	8.201.928.995.827	95.865.490.744	266.855.312.776	625.629.717.888	11.574.815.724.954
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	1.637.245.008.964	6.659.191.488.017	78.768.220.354	214.649.275.952	463.782.591.225	9.053.636.584.512
Khấu hao trong năm	85.611.970.654	257.100.279.527	3.685.172.906	14.218.128.977	21.392.727.311	382.008.279.375
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.209.894.657)	(4.900.028.000)	(5.637.662.555)	(280.206.250)	(15.027.791.462)
Số dư cuối năm	1.722.856.979.618	6.912.081.872.887	77.553.365.260	223.229.742.374	484.895.112.286	9.420.617.072.425
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	700.320.198.056	1.529.989.710.605	14.205.004.783	28.029.954.917	161.762.544.298	2.434.307.412.659
Tại ngày cuối năm	661.679.228.101	1.289.847.122.940	18.312.125.484	43.625.570.402	140.734.605.602	2.154.198.652.529

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 7.303.692.228.644 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 6.723.529.088.073 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Bản quyền VND	Phần mềm máy tính VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	863.853.207.162	159.315.893.074	117.844.443.903	15.751.353.154	1.156.764.897.293
Tăng trong năm	-	-	6.626.914.000	18.735.441.241	25.362.355.241
Giảm trong năm	-	-	(27.600.000)	-	(27.600.000)
Số dư cuối năm	863.853.207.162	159.315.893.074	124.443.757.903	34.486.794.395	1.182.099.652.534
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	54.576.610.445	159.315.893.074	110.002.141.370	12.358.537.336	336.253.182.225
Khấu hao trong năm	4.847.325.295	-	4.562.035.167	2.197.686.960	11.607.047.422
Giảm trong năm	-	-	(7.712.877)	-	(7.712.877)
Số dư cuối năm	59.423.935.740	159.315.893.074	114.556.463.660	14.556.224.296	347.852.516.770
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	809.276.596.717	-	7.842.302.533	3.392.815.818	820.511.715.068
Tại ngày cuối năm	804.429.271.422	-	9.887.294.243	19.930.570.099	834.247.135.764

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 267.715.462.572 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 266.581.371.663 VND).

15. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	99.499.152.000	218.454.390.202	317.953.542.202
Số dư cuối năm	99.499.152.000	218.454.390.202	317.953.542.202
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	12.675.392.493	105.137.757.177	117.813.149.670
Khấu hao trong năm	1.005.683.040	8.678.063.921	9.683.746.961
Số dư cuối năm	13.681.075.533	113.815.821.098	127.496.896.631
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	86.823.759.507	113.316.633.025	200.140.392.532
Tại ngày cuối năm	85.818.076.467	104.638.569.104	190.456.645.571

Danh mục bất động sản đầu tư

	Nguyên giá VND	Giá trị còn lại VND	Số cuối năm Hao mòn lũy kế VND	Số đầu năm Hao mòn lũy kế VND	Nguyên giá VND	Giá trị còn lại VND
Quyền sử dụng đất và tòa nhà Đồng Tây tại 27 Đinh Bộ Lĩnh, thành phố Hồ Chí Minh	90.358.442.144	66.260.479.501	24.097.962.643	22.512.336.643	90.358.442.144	67.846.105.501
Quyền sử dụng đất và tòa nhà siêu thị và cao ốc văn phòng Cửu Long tại tỉnh Cà Mau	157.460.134.120	85.158.200.870	72.301.933.250	67.009.210.926	157.460.134.120	90.450.923.194
Tòa nhà PVFCCo tại 43 Mạc Đĩnh Chi, thành phố Hồ Chí Minh	70.134.965.938	39.037.965.200	31.097.000.738	28.291.602.101	70.134.965.938	41.843.363.837
	317.953.542.202	190.456.645.571	127.496.896.631	117.813.149.670	317.953.542.202	200.140.392.532

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cần được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Để xác định được giá trị hợp lý này, Tổng Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Tổng Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải nộp/bù trừ trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế giá trị gia tăng	4.844.825.440	45.825.534.105	48.997.603.641	1.672.755.904
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	4.844.825.440	20.600.081.288	23.772.150.824	1.672.755.904
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	25.225.452.817	25.225.452.817	-
Thuế xuất, nhập khẩu	(15.482.225)	53.286.912.160	53.271.429.935	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	272.603.296.747	33.233.788.075	344.716.043.525	(38.878.958.703)
Thuế thu nhập doanh nghiệp tại chi nhánh Campuchia	(3.152.818.774)	3.152.818.774	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	13.470.952.473	97.147.671.160	109.021.689.330	1.596.934.303
Thuế tài nguyên	340.440.480	3.536.188.440	3.546.177.720	330.451.200
Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	8.656.751	5.918.220.076	5.807.113.226	119.763.601
- Thuế bảo vệ môi trường	107.573.001	424.358.900	412.168.300	119.763.601
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	3.772.750.177	3.772.750.177	-
- Các loại thuế khác	(98.916.250)	1.721.110.999	1.622.194.749	-
	288.099.870.892	242.101.132.790	565.360.057.377	(35.159.053.695)
Trong đó				
Thuế và các khoản phải thu ngân sách Nhà nước	8.782.597.784			41.286.177.485
Bao gồm:				
- Thuế TNDN tại Văn phòng Tổng Công ty	-			35.961.294.531
- Thuế thu nhập doanh nghiệp tại chi nhánh Campuchia	3.152.818.774			-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp tại các công ty con	5.515.380.535			3.755.565.433
- Thuế thu nhập cá nhân tại chi nhánh Nhà máy Đạm Phú Mỹ	-			1.569.317.521
Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước	296.882.468.676			6.127.123.790

(*) Trong năm, Tổng Công ty đã phân loại khoản thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa tại chi nhánh Campuchia sang khoản mục "Phải thu ngắn hạn khác".

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

17. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dự án Nâng công suất phân xưởng NH ₃ nhà máy Đạm Phú Mỹ và xây dựng nhà máy sản xuất NPK	137.760.601.166	126.888.915.355
Dự án nhà cán bộ công nhân viên	36.342.070.618	36.342.070.618
Kho Tây Ninh	29.120.068.273	29.120.068.273
Kho chứa thành phẩm phân bón NPK 20000 tấn	11.365.026.465	531.362.867
Các dự án khác	46.738.498.512	26.056.037.592
	261.326.265.034	218.938.454.705

18. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá trị hợp lý VN	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá trị hợp lý VN
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ (i)	18.203.000.000	29.759.983.256	22.571.720.000	18.203.000.000	29.279.430.994	21.843.600.000
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	562.700.000.000	-	(ii) 562.700.000.000	-	-	(ii)
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Việt Nam	100.000.000.000	-	(ii) 100.000.000.000	-	-	(ii)
	680.903.000.000	29.759.983.256	22.571.720.000	680.903.000.000	29.279.430.994	21.843.600.000

(i) Tổng Công ty đã xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ trên cơ sở giá niêm yết của cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán và số lượng cổ phiếu mà Tổng Công ty đang nắm giữ.

(ii) Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào các công ty liên kết này tại ngày kết thúc năm tài chính do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính chưa niêm yết.

Biến động khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số dư đầu năm	29.279.430.994	28.619.663.470
Phần lãi trong công ty liên kết	2.664.912.263	2.662.097.523
Cổ tức được chia	(2.184.360.000)	(2.002.330.000)
Điều chỉnh khác	(1)	1
Số dư cuối năm	29.759.983.256	29.279.430.994

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
	Giá trị/ Số có khả năng trả nợ	Giá trị/ Số có khả năng trả nợ
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn không phải là bên liên quan		
Technip Italy S.p.A	13.896.504.050	-
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	6.854.085.000	-
Công ty TNHH Quốc tế Lá Xanh	6.329.324.980	-
REGAS TRADING FZE	-	30.576.737.400
Các nhà cung cấp khác	182.583.558.318	257.628.977.870
	209.663.472.348	288.205.715.270
b. Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 35)		
	558.778.957.142	580.802.423.884
	558.778.957.142	580.802.423.884
Tổng cộng	768.442.429.490	869.008.139.154

20. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn không phải là các bên liên quan		
Công ty TNHH VTNN Hưng Thạnh	10.740.883.320	763.625.039
Ameropa Asia Pte., Ltd	9.736.400.000	-
Brio Agrochem Pte., Ltd	8.738.495.360	-
Forplas Industry Limited	7.076.580.000	-
Lucky Horse Trading Co.,Ltd	7.327.222.000	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Phân bón Tuấn Vũ	5.571.438.090	24.205.652.205
Các khách hàng khác	75.054.712.112	46.639.854.356
	124.245.730.882	71.609.131.600
b. Người mua trả tiền trước ngắn hạn là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 35)		
	66.625.000	302.832.356
	66.625.000	302.832.356
Tổng cộng	124.312.355.882	71.911.963.956

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả về xây dựng cơ bản	106.797.556.696	126.967.023.088
Chi phí vận chuyển, bốc xếp	10.295.791.956	7.110.365.817
Chi phí vận chuyển khí	3.725.626.697	469.082.932.421
Chi phí lãi vay	-	25.736.073.137
Các khoản trích trước khác	118.695.894.531	173.676.342.058
	239.514.869.880	802.572.736.521
Trong đó:		
Chi phí phải trả ngắn hạn cho các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 35)		
	70.989.155.110	633.850.591.589

22. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Cổ tức phải trả	36.212.473.534	32.673.967.009
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	7.558.772.997	7.172.519.938
Các khoản phải trả, phải nộp khác	28.069.629.663	30.118.796.035
	71.840.876.194	69.965.282.982
b. Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.219.808.500	3.385.964.000
	2.219.808.500	3.385.964.000

23. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

a. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	Dự phòng bảo dưỡng Gas Turbine VND	Dự phòng sửa chữa, bảo dưỡng tổng thể cho Nhà máy Đạm Phú Mỹ VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	426.155.443	375.011.574.467	375.437.729.910
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	8.176.000.000	-	8.176.000.000
Các khoản dự phòng đã sử dụng trong năm	(426.155.443)	(375.011.574.467)	(375.437.729.910)
Số dư cuối năm	8.176.000.000	-	8.176.000.000

b. Dự phòng phải trả dài hạn

	Dự phòng sửa chữa, bảo dưỡng tổng thể cho Nhà máy Đạm Phú Mỹ VND
Số dư đầu năm	-
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	102.177.312.389
Số dư cuối năm	102.177.312.389

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	3.914.000.000.000	21.179.913.858	(2.296.824.120)	3.497.039.984.859	3.085.566.955.137	10.515.490.029.734	197.669.690.909	10.713.159.720.643
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	5.564.877.377.993	5.564.877.377.993	20.013.908.250	5.584.891.286.243
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(292.673.103.740)	(292.673.103.740)	(4.880.338.578)	(297.553.442.318)
Trả cổ tức bằng tiền mặt	-	-	-	-	(1.956.671.300.000)	(1.956.671.300.000)	(26.387.500.000)	(1.983.058.800.000)
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	3.914.000.000.000	21.179.913.858	(2.296.824.120)	3.497.039.984.859	6.401.099.929.390	13.831.023.003.987	186.415.760.581	14.017.438.764.568
Số dư đầu năm nay	3.914.000.000.000	21.179.913.858	(2.296.824.120)	3.497.039.984.859	6.401.099.929.390	13.831.023.003.987	186.415.760.581	14.017.438.764.568
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	519.466.561.842	519.466.561.842	10.350.368.680	529.816.920.522
Trích Quỹ đầu tư phát triển (iii)	-	-	-	1.102.139.517.511	(1.102.139.517.511)	-	-	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	-	(240.143.117.072)	(240.143.117.072)	(2.357.372.358)	(242.500.489.430)
Trả cổ tức bằng tiền mặt (ii)	-	-	-	-	(2.739.339.820.000)	(2.739.339.820.000)	(19.612.500.000)	(2.758.952.320.000)
Giảm khác	-	-	-	-	(603.101.816)	(603.101.816)	-	(603.101.816)
Số dư cuối năm nay	3.914.000.000.000	21.179.913.858	(2.296.824.120)	4.599.179.502.370	2.838.340.934.833	11.370.403.526.941	174.796.246.903	11.545.199.773.844

(i) Trong năm, Tổng Công ty và các công ty con tiến hành trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ nguồn lợi nhuận năm 2022 và tạm trích từ lợi nhuận năm 2023 theo các Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông. Chi tiết như sau:

Công ty	Nghị quyết Hội đồng quản trị			Trong đó	
	Tổng số tiền VND	Trích từ lợi nhuận năm 2022 VND	Tạm trích từ lợi nhuận năm 2023 VND	Tổng số tiền VND	Tạm trích từ lợi nhuận năm 2023 VND
Tổng Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	Nghị quyết số 57/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 6 năm 2023	233.071.000.000	123.071.000.000	110.000.000.000	110.000.000.000
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	Nghị quyết số 35/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06 tháng 4 năm 2023	1.925.914.654	660.296.790	1.265.617.864	1.265.617.864

(ii)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Công ty	Nghị quyết Hội đồng quản trị		Trong đó	
	Tổng số tiền VND	Trích từ lợi nhuận năm 2022 VND	Tạm trích từ lợi nhuận năm 2023 VND	Tổng số tiền VND
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung	Nghị quyết số 84/NQ-ĐHĐCĐ ngày 03 tháng 4 năm 2023	4.676.717.085	-	4.676.717.085
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	Nghị quyết số 37/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 4 năm 2023	2.414.521.605	-	2.414.521.605
Công ty Cổ phần Phân bón Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ	Nghị quyết số 05/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2023	412.336.086	-	412.336.086
Tổng cộng	242.500.489.430	123.731.296.790	118.769.192.640	118.769.192.640

(ii) Trong năm, Tổng Công ty và các công ty con chi trả cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2022 theo các nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Chi tiết như sau:

Công ty	Nghị quyết Hội đồng quản trị		Trong đó	
	Tổng số tiền VND	Trích từ lợi nhuận năm 2022 VND	Tạm trích từ lợi nhuận năm 2023 VND	Tổng số tiền VND
Tổng Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	Nghị quyết số 55/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 12 năm 2022	Chi tạm ứng cổ tức đợt 1 từ lợi nhuận năm 2022	16/02/2023	1.565.337.040.000
	Nghị quyết số 57/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 6 năm 2023	Chi trả cổ tức đợt cuối bằng tiền từ lợi nhuận sau thuế năm 2022	23/8/2023	1.174.002.780.000
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	Nghị quyết số 35/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06 tháng 4 năm 2023	Chi trả cổ tức bằng tiền từ lợi nhuận sau thuế năm 2022	26/6/2023	14.400.000.000
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung	Nghị quyết số 84/NQ-ĐHĐCĐ ngày 03 tháng 4 năm 2023	Chi trả cổ tức bằng tiền từ lợi nhuận sau thuế năm 2022	31/8/2023	30.000.000.000
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	Nghị quyết số 77/NQ-ĐNB ngày 11 tháng 9 năm 2023	Chi trả cổ tức bằng tiền từ lợi nhuận sau thuế năm 2022	22/9/2023	18.750.000.000
Công ty Cổ phần Phân bón Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ	Nghị quyết số 05/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2023	Chi trả cổ tức bằng tiền từ lợi nhuận sau thuế năm 2022	11/9/2023	15.300.000.000
Tổng cộng				2.817.789.820.000
<i>Trong đó:</i>				
- Chi trả cổ tức cho chủ sở hữu				
- Công ty con chi trả cổ tức cho Công ty mẹ đã loại trừ trên BCTC hợp nhất				
- Chi trả cổ tức cho Cổ đông không kiểm soát				

(ii)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

(iii) Theo Nghị quyết số 57/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Đại hội đồng Cổ đông Tổng Công ty về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2022, Tổng Công ty đã thực hiện trích Quỹ Đầu tư phát triển từ lợi nhuận sau thuế năm 2022 với số tiền là 1.102.139.517.511 VND (tương ứng với tỷ lệ 20%).

Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	391.400.000	391.400.000
Cổ phiếu phổ thông	391.400.000	391.400.000
Số lượng cổ phiếu quỹ	65.740	65.740
Cổ phiếu phổ thông	65.740	65.740
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	391.334.260	391.334.260
Cổ phiếu phổ thông	391.334.260	391.334.260

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần số 4103007696 cấp lần đầu ngày 31 tháng 8 năm 2007 và sửa đổi lần gần nhất ngày 16 tháng 6 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 3.914.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Vốn đã góp			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phiếu	%	Số lượng cổ phiếu	%
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	233.204.253	59,58	233.204.253	59,58
Các cổ đông khác	158.130.007	40,40	158.130.007	40,40
	391.334.260	99,98	391.334.260	99,98
Cổ phiếu quỹ	65.740	0,02	65.740	0,02
	391.400.000	100,00	391.400.000	100,00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

25. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tài sản thuê ngoài

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn:		
Trong vòng một năm	23.225.837.580	24.701.732.130
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	90.278.317.080	90.278.317.080
Sau năm năm	473.961.164.670	473.961.164.670
	587.465.319.330	588.941.213.880

Các khoản thuê hoạt động của Tổng Công ty là tiền thuê đất và thuê văn phòng. Ngày 03 tháng 9 năm 2005, Tổng Công ty đã tiếp nhận Hợp đồng thuê lại đất số 178/HĐ/TLĐ/UDEC.2001 ngày 01 tháng 6 năm 2001 được ký giữa Ban Quản lý Dự án Nhà máy Đạm Phú Mỹ với Công ty Xây dựng và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cho việc thuê dài hạn đất và cơ sở hạ tầng tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Hợp đồng thuê có thời hạn 17 năm kể từ ngày 03 tháng 9 năm 2004. Theo Hợp đồng thuê lại đất số 46/HĐ/TLĐ/IZICO-PVFCCo ngày 23 tháng 12 năm 2021, từ năm 2022 trở đi, Tổng Công ty phải trả tiền thuê đất thô và phí sử dụng hạ tầng bằng Đồng Việt Nam vào ngày 15 tháng 02 hàng năm với số tiền mỗi năm phải trả tương đương với 634.066 USD. Thời hạn thuê từ ngày 23 tháng 12 năm 2021 đến ngày 20 tháng 10 năm 2048.

Ngoại tệ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đô La Mỹ (USD)	5.341.665	2.764.228
Euro (EUR)	32.547	31.065

Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Ngọc Lan	9.153.800.000	-

26. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất và kinh doanh các loại phân bón sử dụng trong nông nghiệp. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 là liên quan đến hoạt động sản xuất và kinh doanh phân bón. Doanh thu, giá vốn theo từng mặt hàng và hoạt động sản xuất kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 27.

Tổng Công ty thực hiện phân phối các sản phẩm phân bón, hóa chất, bao bì và cung cấp dịch vụ khắp cả nước thông qua các Công ty con tại từng khu vực bao gồm Miền Bắc, Miền Trung - Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, Tây Nam Bộ và Thành phố Hồ Chí Minh. Trong năm, Tổng Công ty thực hiện xuất khẩu phân bón với doanh thu khoảng 998,5 tỷ VND - chiếm tỷ trọng nhỏ hơn 10% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Tổng Công ty. Theo đó, gần như toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty trong năm được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Tổng Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

27. DOANH THU VÀ GIÁ VỐN

	Kinh doanh hàng hóa, sản phẩm sản xuất trong nước VND	Kinh doanh hàng hóa nhập khẩu và mua trong nước VND	Tổng cộng VND
Năm nay			
Doanh thu thuần	11.424.950.950.742	2.144.234.567.669	13.569.185.518.411
Giá vốn hàng bán	(9.711.667.181.730)	(2.205.771.450.147)	(11.917.438.631.877)
Lợi nhuận gộp	1.713.283.769.012	(61.536.882.478)	1.651.746.886.534
Năm trước			
Doanh thu thuần	16.138.188.846.810	2.488.990.697.455	18.627.179.544.265
Giá vốn hàng bán	(8.385.036.284.042)	(2.403.923.378.771)	(10.788.959.662.813)
Lợi nhuận gộp	7.753.152.562.768	85.067.318.684	7.838.219.881.452

Chi tiết doanh thu kinh doanh hàng hóa, sản phẩm sản xuất trong nước như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu kinh doanh phân bón	10.695.632.321.267	14.448.178.535.222
Doanh thu kinh doanh hóa chất	840.512.835.832	1.765.926.742.990
Doanh thu khác	37.553.125.063	41.235.711.997
	11.573.698.282.162	16.255.340.990.209
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	148.747.331.420	117.152.143.399
	148.747.331.420	117.152.143.399
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	11.424.950.950.742	16.138.188.846.810

Chi tiết giá vốn kinh doanh hàng hóa, sản phẩm sản xuất trong nước như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn phân bón sản xuất	9.002.866.360.466	7.628.024.817.248
Giá vốn hóa chất sản xuất	683.418.843.329	717.849.244.209
Giá vốn khác	25.381.977.935	39.162.222.585
	9.711.667.181.730	8.385.036.284.042

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.871.144.247.415	7.309.033.678.171
Chi phí nhân công	598.801.329.925	632.987.983.443
Chi phí khấu hao tài sản cố định	403.299.073.758	514.801.559.639
Chi phí dịch vụ mua ngoài	972.240.458.737	993.520.499.116
Chi phí dự phòng	1.945.008.673	325.825.437.941
Chi phí khác bằng tiền	651.985.001.608	992.144.414.585
	9.499.415.120.116	10.768.313.572.895

29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	443.628.158.336	323.301.862.803
Lãi chênh lệch tỷ giá	8.118.651.893	36.954.491.724
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.829.359.998	4.807.178.058
	457.576.170.227	365.063.532.585

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	50.638.299.383	64.787.709.845
Lỗ chênh lệch tỷ giá	11.396.915.667	16.781.720.350
Trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư dài hạn	8.888.624.631	3.548.668.538
Chi phí tài chính khác	233.998.988	139.186.000
	71.157.838.669	85.257.284.733

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

31. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản chi phí bán hàng		
Chi phí vận chuyển, bốc xếp lưu kho	310.648.973.160	316.332.377.461
Chi phí an sinh xã hội, quảng cáo, truyền thông	277.991.474.962	342.182.753.906
Chi phí nhân viên bán hàng	96.768.673.993	94.320.467.849
Các khoản chi phí bán hàng khác	163.035.216.029	224.871.728.360
	848.444.338.144	977.707.327.576
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	189.813.835.005	191.888.843.621
Chi phí khấu hao tài sản cố định	33.553.552.368	56.254.030.719
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	278.987.234.631	308.135.846.453
	502.354.622.004	556.278.720.793

32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	8.905.364.717	1.126.476.674.717
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm này	24.328.423.358	2.923.637.433
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	33.233.788.075	1.129.400.312.150
Chi phí/(Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Chi phí/(Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	139.036.941.645	(108.709.662.383)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	(11.121.121.549)	-
Tổng chi phí/(Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	127.915.820.096	(108.709.662.383)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

33. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp phân bổ cho cổ đông công ty mẹ (VND)	519.466.561.842	5.564.877.377.993
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(116.576.894.479)	(250.000.957.914)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	402.889.667.363	5.314.876.420.079
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	391.334.260	391.334.260
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.030	13.581

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích trong năm trên cơ sở tạm tính, do đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 có thể thay đổi theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đối với việc phân phối lợi nhuận năm 2023.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được trình bày lại do ảnh hưởng của việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty và các Công ty con (xem Thuyết minh số 24). Theo đó, giá trị trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được tính toán và phân bổ lại cụ thể như sau:

	Số đã báo cáo	Số trình bày lại
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp phân bổ cho cổ đông công ty mẹ (VND)	5.564.877.377.993	5.564.877.377.993
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(126.434.735.321)	(250.000.957.914)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	5.438.442.642.672	5.314.876.420.079
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	391.334.260	391.334.260
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	13.897	13.581

34. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Tiền sử dụng đất và các chi phí khác của khu đường đi có diện tích 0,6 ha đã được Tổng Công ty đầu tư xây dựng tại tỉnh Cà Mau

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty đang trong quá trình làm việc với Ủy ban Nhân dân tỉnh Cà Mau để xác định các nghĩa vụ nộp tiền sử dụng đất và các chi phí khác có thể phát sinh liên quan đến việc xác định mục đích sử dụng đất của khu đường đi có diện tích 0,6 ha đã được Tổng Công ty đầu tư xây dựng tại tỉnh Cà Mau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

35. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Hoá dầu và Xơ sợi Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	Công ty cùng Tập đoàn
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	Công ty cùng Tập đoàn
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần PVI	Công ty cùng Tập đoàn
Viện Dầu khí Việt Nam	Đơn vị cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTrans)	Công ty cùng Tập đoàn
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật PTSC Thanh Hóa	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Năng lượng tái tạo Điện lực Dầu khí	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí	Công ty cùng Tập đoàn
Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP	Công ty cùng Tập đoàn
Trường Đại học Dầu khí Việt Nam	Đơn vị cùng Tập đoàn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Bán hàng		
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	127.929.716.919	146.079.718.071
Công ty Cổ phần Năng lượng tái tạo Điện lực Dầu khí	100.680.947.618	-
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	22.250.200.700	19.430.285.700
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	9.915.044.489	8.219.111.395
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật PTSC Thanh Hóa	400.000.000	396.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ	195.503.355	-
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTrans)	-	1.319.760.000
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	-	50.290.000
	261.371.413.081	175.495.165.166
Mua hàng		
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	5.197.857.025.811	5.465.081.146.347
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	244.877.830.362	225.497.711.280
Công ty Cổ phần PVI	74.298.091.250	108.780.305.300
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	61.109.286.358	63.820.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ	18.084.275.088	13.605.479.135
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	7.519.029.964	10.814.021.062
Công ty Cổ phần Hoá dầu và Xơ sợi Việt Nam	9.558.637.383	5.408.934.288
Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP	2.171.985.286	5.160.456.000
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTrans)	3.272.832.780	3.251.496.415
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	1.632.813.636	-
Viện Dầu khí Việt Nam	1.175.482.690	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí	-	13.432.008.532
Trường Đại học Dầu khí Việt Nam	-	1.271.900.000
	5.621.557.290.608	5.916.123.458.359
Các khoản vay đã trả		
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	707.152.179.119	199.568.519.358
Cổ tức đã trả		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.632.098.664.756	1.166.021.265.000
Chi phí lãi vay		
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	47.162.569.134	61.123.662.622

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	19.670.906.460	24.988.055.543
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	4.803.714.920	6.781.403.475
Liên Doanh Việt – Nga Vietsovpetro	1.003.850.000	2.100.266.064
Công ty Cổ phần Hoá dầu và Xơ sợi Việt Nam	1.420.967.900	1.516.672.105
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật PTSC Thanh Hóa	-	108.900.000
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTrans)	19.533.730	19.533.730
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	-	-
	26.918.973.010	35.514.830.917
Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	35.271.597.750	385.794.198
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	358.835.974	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	107.104.115	107.107.515
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí	-	5.745.564.576
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	-	4.860.607.417
Công ty Cổ phần Hoá dầu và Xơ sợi Việt Nam	-	1.328.053.482
	35.737.537.839	12.427.127.188
Phải thu ngắn hạn khác		
Công ty Cổ phần Hoá dầu và Xơ sợi Việt Nam	114.209.081.543	114.209.081.543
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Việt Nam	110.043.267.289	110.093.267.289
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	1.218.082.192	515.945.205
	225.470.431.024	224.818.294.037

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả người bán ngắn hạn		
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	485.400.818.467	468.425.781.017
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	63.782.261.381	28.806.646.742
Công ty Cổ phần PVI	6.219.891.282	125.617.477
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ	1.708.113.736	3.282.822.308
Công ty Cổ phần Hoá dầu và Xơ sợi Việt Nam	1.383.489.268	-
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTrans)	-	171.661.680
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	-	42.281.377.789
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí	-	32.969.850.656
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	-	2.719.205.271
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	-	1.976.260.944
Viện Dầu khí Việt Nam	-	43.200.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	-	-
	558.494.574.134	580.802.423.884
Người mua trả tiền trước ngắn hạn		
Công ty Cổ phần PVI	66.625.000	66.625.000
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	-	236.207.356
	66.625.000	302.832.356
Chi phí phải trả ngắn hạn		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	56.065.889.597	124.108.320.518
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	14.923.265.513	14.923.265.513
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	-	469.082.932.421
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	-	25.736.073.137
	70.989.155.110	633.850.591.589
Vay và nợ thuê tài chính		
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	-	707.152.179.119

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Tiền lương Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và thù lao của Hội đồng Quản trị được hưởng trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
Ông Hoàng Trọng Dũng	Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm ngày 27 tháng 10 năm 2023) Thành viên HĐQT	1.856.544.776	1.738.033.235
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên phụ trách Hội đồng Quản trị (bổ nhiệm ngày 27 tháng 10 năm 2023) Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023)	109.481.454	-
Ông Dương Trí Hội	Thành viên HĐQT	1.733.053.857	1.740.705.755
Ông Trịnh Văn Khiêm	Thành viên HĐQT	1.642.081.715	1.582.343.345
Ông Hồ Quyết Thắng	Thành viên độc lập (bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023)	608.951.838	-
Ông Lê Cự Tân	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023) Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 27 tháng 10 năm 2023)	1.889.993.078	2.003.173.733
Ông Louis T.Nguyen	Thành viên HĐQT độc lập (miễn nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023)	280.456.480	192.000.000
Ông Đào Văn Ngọc	Phó Tổng Giám đốc phụ trách Ban điều hành Tổng Công ty (bổ nhiệm ngày 27 tháng 10 năm 2023 và miễn nhiệm ngày 25 tháng 01 năm 2024) Phó Tổng Giám đốc	1.596.384.952	1.598.276.612
Ông Cao Trung Kiên	Phó Tổng Giám đốc	1.671.906.909	1.632.079.997
Bà Trần Thị Phương Thảo	Phó Tổng Giám đốc	1.733.053.856	1.740.705.755
Ông Tạ Quang Huy	Phó Tổng Giám đốc	1.565.965.524	1.447.297.476
Ông Lê Văn Quốc Việt	Phó Tổng Giám đốc (nghỉ hưu theo chế độ ngày 05 tháng 5 năm 2023)	1.277.703.858	1.740.705.755
Bà Lê Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 15 tháng 8 năm 2023)	1.433.213.856	1.741.165.755
Ông Huỳnh Kim Nhân	Trưởng ban kiểm soát	1.733.053.856	1.740.705.755
Ông Lương Phương	Thành viên ban kiểm soát không chuyên trách	290.961.702	128.000.000
Bà Trần Thị Phương	Thành viên ban kiểm soát (bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023)	500.179.022	-
Ông Lê Vinh Văn	Thành viên ban kiểm soát (miễn nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023)	1.085.525.407	1.438.465.302
Ông Võ Ngọc Phương	Kế toán trưởng	1.572.343.719	1.576.923.395
		22.580.855.859	22.040.581.870

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

36. THÔNG TIN CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Các khoản tiền và tương đương tiền do Tổng Công ty nắm giữ nhưng không được sử dụng

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng của Tổng Công ty tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (trước đây là Ngân hàng TMCP Đại Dương) có số dư 284.000.000.000 VND đang bị hạn chế sử dụng. Theo Công văn số 5351/2016/CV-OCEANBANK ngày 04 tháng 10 năm 2016, Công văn số 60/2018/CV-OCEANBANK ngày 28 tháng 12 năm 2018 và Công văn số 76/2020/CV-OJB-CNHCM ngày 12 tháng 8 năm 2020, Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương cam kết sẽ thực hiện việc chi trả tiền gửi của khách hàng theo lộ trình chi trả trong đề án tái cơ cấu ngân hàng đang trình Ngân hàng Nhà nước và Chính phủ phê duyệt. Ban Tổng Giám đốc đánh giá khoản tiền này sẽ thu hồi được trong tương lai theo cam kết nêu trên của Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương.

37. CAM KẾT

Ngày 06 tháng 3 năm 2015, Tổng Công ty và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ("Tập đoàn") đã ký kết Văn bản thỏa thuận số 141/2015/PVFCCo/TCKT-PVN/D_NVBL về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đối ứng cho Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Đình Vũ (nay là Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Việt Nam ("VNPoly")) liên quan đến nghĩa vụ bảo lãnh của Tập đoàn cho các khoản vay để đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất Xơ sợi Polyester Đình Vũ của VNPoly - công ty liên kết của Tổng Công ty. Theo đó, số tiền Tổng Công ty sẽ thanh toán cho Tập đoàn theo trách nhiệm bảo lãnh đối ứng được xác định bằng số tiền Tập đoàn đã trả nợ thay VNPoly nhân (x) với tỷ lệ phần vốn của Tổng Công ty tại VNPoly (25,99%).

Ngày 10 tháng 01 năm 2024, Tập đoàn đã ban hành Công văn số 171/DKVN-TCKT thông báo nghĩa vụ bảo lãnh của Tổng Công ty là 25.334.317,47 USD đối với số dư nợ gốc quá hạn của VNPoly là 97.479.268 USD và yêu cầu Tổng Công ty hoàn trả cho Tập đoàn số tiền là 1.266.715,87 USD (30.961.069.384 VND) tương ứng với 25,99% số tiền Tập đoàn đã trả nợ thay kỳ đầu tiên cho VNPoly trong năm 2023 theo lịch thanh toán mà Tập đoàn đã cam kết với các ngân hàng. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty đang trong quá trình làm việc với Tập đoàn để có phương án xử lý vấn đề này trong thời gian tới theo các quy định hiện hành.


Trần Xuân Thảo
 Người lập biểu


Võ Ngọc Phương
 Kế toán trưởng


Trần Thị Phương Thảo
 Phó Tổng Giám đốc

Ngày 08 tháng 3 năm 2024



TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ

[🏠] Địa chỉ: 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. HCM

[☎] Tel: (84.028) 3825 6258

[📠] Fax: (84.028) 3825 6269

[🌐] Website: www.dpm.vn